

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học,
trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2023 – 2024**

(Kèm theo Thông báo 227/TB-UEF ngày 31/ 5 /2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

TT	Lĩnh vực	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	10	610	11.425					
1	Toán và thống kê			56					
2	Máy tính và công nghệ thông tin			709					
3	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			658					
4	Nghệ thuật			97					
5	Kinh doanh quản lý	10	457	6.006					
6	Pháp luật		99	954					
7	Công nghệ kỹ thuật			398					
8	Nhân văn		54	1.281					
9	Khoa học xã hội và hành vi			458					
10	Báo chí và thông tin			808					

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

TT	Lĩnh vực	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
Tổng số		1.601	14,2 %	32,3 %	48,0 %	87,70%
1	Toán và thống kê	-	-	-	-	-
2	Máy tính và công nghệ thông tin	94	10,6 %	25,5 %	54,3 %	83,70 %

TT	Lĩnh vực	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			<i>Loại xuất sắc</i>	<i>Loại giỏi</i>	<i>Loại khá</i>	
3	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	99	15,2 %	28,3 %	50,5 %	82,80 %
4	Nghệ thuật	-	-	-	-	-
5	Kinh doanh quản lý	829	13,6 %	33,8 %	47,5 %	92,33 %
6	Pháp luật	87	3,4 %	21,8 %	65,5 %	81,93 %
7	Công nghệ kỹ thuật	-	-	-	-	-
8	Nhân văn	398	17,8 %	32,2 %	45,0 %	82,24 %
9	Khoa học xã hội và hành vi	29	13,8 %	51,7 %	31,0 %	84,00 %
10	Báo chí và thông tin	65	18,5 %	35,4 %	44,6 %	87,10 %

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: (SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)*100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

I. Thạc sĩ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
C.1. Khóa 2022					
C.1.1. Ngành Quản trị kinh doanh					
1	Triết học	Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng vực công tác mà học viên đang đảm nhận.	4	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
2	Kinh tế học	Học phần giúp học viên hiểu biết và nắm bắt được một số vấn đề cơ bản của kinh tế học như: quan hệ cung cầu, hệ số co giãn và ứng dụng, lý thuyết sản xuất, tiêu dùng, cách vận hành nền kinh tế của Chính phủ khi thực hiện những chính sách kinh tế, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, bài tập cá nhân, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		trong ngắn hạn và dài hạn, vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế hiện đại, ảnh hưởng của các dòng vốn đến nền kinh tế quốc gia, hay khu vực. Đặc biệt, học phần sẽ giúp học viên nghiên cứu, phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế trong thực tế theo nhiều quan điểm khác nhau.			
3	Quản trị chiến lược	Học phần giúp học viên nghiên cứu được môi trường quản trị, những vấn đề chung về quản trị chiến lược; Khái niệm về chiến lược; Quản trị chiến lược, lợi ích của quản trị chiến lược, mô hình quản trị chiến lược; Phân tích môi trường như phân tích môi trường bên ngoài và môi trường bên trong; Xây dựng và lựa chọn chiến lược như sử dụng các công cụ để hình thành và lựa chọn chiến lược; thực hiện chiến lược và đánh giá việc thực hiện chiến lược cho doanh nghiệp.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
4	Quản trị kinh doanh quốc tế	Học phần cung cấp những kiến thức về quản trị kinh doanh quốc tế, như: khái niệm, hoàn cảnh ra đời và lịch sử phát triển của kinh doanh quốc tế, toàn cầu hoá, các học thuyết thương mại quốc tế, môi trường kinh doanh quốc tế, các hoạt động kinh doanh quốc tế, tổ chức và kiểm soát kinh doanh quốc tế, những yếu tố trong môi trường quốc tế có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp. Qua học phần này người học sẽ có được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để nhận thức đầy đủ những đặc điểm và diễn biến của môi trường kinh doanh toàn cầu, từ đó có thể điều chỉnh các hành vi quản trị, đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thích nghi một cách tốt nhất và có hiệu quả nhất vào tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu hiện nay. Ngoài ra, học phần hướng dẫn xây dựng các chiến lược, chính sách và các mặt hoạt động kinh doanh quốc tế giúp doanh nghiệp có thể cạnh tranh hiệu quả trong môi trường toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế và phân tích những vấn đề mà các nhà quản trị làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế phải đối mặt hàng ngày và một số kinh	3	HK1	Quá trình: bài báo cáo nhóm, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		nghiệm giải quyết tình huống trong kinh doanh quốc tế của các công ty đa quốc gia			
5	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực; cách ứng dụng trong mọi loại hình doanh nghiệp cũng như mọi tổ chức; Hiểu rõ quản trị nguồn nhân lực bao gồm những hoạt động sau đây: hoạch định, tuyển mộ, tuyển chọn, đào tạo, phát triển, đánh giá thành tích công tác, lãnh đạo (sử dụng, duy trì, động viên...) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân viên nhằm đạt được mục tiêu chiến lược và định hướng viễn cảnh (tầm nhìn) của tổ chức. Học viên có thể vận dụng các kiến thức đã được trang bị vào công tác quản trị nguồn nhân lực một cách hiệu quả, sử dụng được các công cụ quản trị nguồn nhân lực.	3	HK1	Quá trình: thuyết trình nhóm, chuyên điểm cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
6	Thống kê và phân tích dữ liệu	Học phần cung cấp cho học viên hệ thống các kiến thức về chỉ tiêu và phương pháp trong thống kê. Từ đó, giúp học viên khái quát được hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp thống kê; vận dụng được quy trình thống kê trong thực tế, vận dụng phương pháp chọn mẫu trong kinh tế, áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong việc mô tả, phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội; áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong phân tích sự biến động của các biến số kinh tế theo thời gian và dự báo các biến số kinh tế; áp dụng các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho học viên những kiến thức về các phương pháp và mô hình kinh tế lượng cơ bản được ứng dụng trong nghiên cứu thực nghiệm chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Học viên có khả năng ứng dụng các mô hình kinh tế lượng vào nghiên cứu học thuật dưới sự hỗ trợ của các phần mềm thống kê như SPSS, AMOS.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư duy; Học viên có thể hệ thống kiến thức đã học	2	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động nghề nghiệp, ... cũng như hoàn thành Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ có chất lượng.			Cuối kỳ: tiểu luận (đề cương luận văn) (70%)
8	Luật hợp đồng	Hiểu và giải thích được các yêu cầu của pháp luật liên quan đến quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng. Hiểu các quy định của pháp luật về điều kiện để hợp đồng phát sinh hiệu lực cùng các trường hợp vô hiệu và hậu quả của nó. Có kỹ năng thực hành giao kết và thực hiện hợp đồng.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
9	Quản trị chuỗi cung ứng	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao và chuyên sâu về quản trị chuỗi cung ứng. Sau khi học xong học viên có những kiến thức chuyên sâu về hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo và kiểm tra các hoạt động trong một doanh nghiệp, thành viên của một chuỗi cung ứng. Học viên có khả năng thiết lập vận hành và đánh giá hiệu quả của một chuỗi cung ứng cho một doanh nghiệp, cụ thể là hoạch định và tổ chức thực hiện thu mua nguyên liệu và bán thành phẩm; xác định mức hàng tồn kho hiệu quả, tổ chức các hoạt động sản xuất, xây dựng hệ thống kênh phân phối, bán hàng trong và ngoài nước, và quản trị thu hồi các sản phẩm có lỗi một cách hiệu quả nhất	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
10	Quản trị Marketing	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nền tảng, chủ yếu và nâng cao trong việc quản trị marketing ở các doanh nghiệp dựa trên cơ sở sự thấu hiểu khách hàng, xây dựng thương hiệu mạnh, triển khai thực hiện các chương trình marketing để kết nối và duy trì mối quan hệ bền vững, lâu dài với khách hàng. Trong quá trình học tập học viên được giảng viên hướng dẫn ứng dụng những lý thuyết mới, cách tiếp cận mới về quản trị marketing đã học vào thực tế; học lý thuyết vừa thảo luận tại lớp, tìm hiểu một số hoạt động marketing trong thực tế cũng như áp dụng các kiến thức đã học để đưa ra các kiến nghị marketing cho một doanh nghiệp cụ thể	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
11	Quản trị tài chính	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng về phân tích và quản trị tài chính như: Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp; Lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp; Quản trị các hoạt động tài chính doanh nghiệp; Phân tích cơ hội đầu tư và định lượng rủi ro để đưa ra các quyết định đầu tư. Học phần còn giúp cho học viên vận dụng được những kỹ năng phân tích và quản trị tài chính vào tình hình thực tiễn; học viên có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm trong nghiên cứu và quản lý tài chính doanh nghiệp; am hiểu các nguyên tắc quản lý tài chính để tự chủ và chịu trách nhiệm đối với các quyết định tài chính có liên quan	3	HK3	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
12	Trách nhiệm xã hội	Sau khi học xong, học viên sẽ hiểu một cách tổng quát các khái niệm về trách nhiệm xã hội, khác biệt của trách nhiệm xã hội trong các bối cảnh khác nhau. Đi sâu phân tích trách nhiệm của doanh nghiệp với các bên liên quan quan trọng nhất của doanh nghiệp như: người tiêu dùng, nhà đầu tư, nhà cung cấp, người lao động, cộng đồng địa phương, môi trường sinh thái; Hiểu và thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với các bên liên quan.	3	HK3	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
13	Quản trị thương hiệu	Quản trị thương hiệu là một hoạt động quan trọng trong lĩnh vực marketing, giúp tạo dựng được hình ảnh, uy tín và tên tuổi của sản phẩm, dịch vụ và doanh nghiệp trong nhận thức của khách hàng. Thương hiệu là tài sản giá trị đem lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về quản lý sản phẩm và thương hiệu; các lý thuyết hiện đại về nhãn hiệu, giá trị nhãn hiệu và quản lý chiến lược nhãn hiệu. Học phần cho thấy tầm quan trọng của công tác quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp, quá trình quản trị thương hiệu và nội dung của công tác quản trị thương hiệu.	3	HK3	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận nhóm (70%)
14	Hành vi tổ chức	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức để phân tích, giải thích và dự đoán hành vi con người trong bối cảnh tổ	3	HK3	Quá trình: bài kiểm tra, báo cáo nhóm, điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		chức, ảnh hưởng hành vi đến việc thực hiện nhiệm vụ. Nghiên cứu hành vi tổ chức được thực hiện trên 3 cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức. Qua việc nghiên cứu hành vi tổ chức, học viên sẽ biết cách áp dụng những nguyên tắc và phương pháp của quản trị hành vi vào nhận diện bản chất vấn đề và triển khai những giải pháp thích hợp để giải quyết những tình huống cụ thể trong công việc và cuộc sống, từ đơn giản đến phức tạp. Đồng thời người học cũng có khả năng tổng hợp và liên kết những nguyên lý và phương pháp của quản trị hành vi với những khối kiến thức khác nhau như marketing, tài chính, chiến lược,... để giải quyết những tình huống phức tạp trong thực tế.			chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
15	Chuyên đề nghiên cứu Quản trị kinh doanh	Học phần này giúp học viên : Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định; Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography); Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu. Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.	3	HK3	Tiểu luận cá nhân cuối kỳ - 100% điểm học phần
16	Chuyên đề thực tế	Học phần này giúp học viên thực hành chuyên tải các kiến thức trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh thành một chuyên đề nghiên cứu một vấn đề lý luận hoặc một vấn đề thực tiễn tại đơn vị đang công tác	6	HK4	Báo cáo chuyên đề cá nhân - 100% điểm học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		và thể hiện chúng qua việc trình bày chuyên đề trong đó tập trung vào lý do lựa chọn chuyên đề nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu sẽ làm cơ sở nền tảng cho việc thực hiện đề án tốt nghiệp.			
17	Đề án tốt nghiệp	Học phần này giúp học viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành, chuyên ngành được đào tạo. Học viên trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề án tốt nghiệp.	9	HK4	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá đề án
C.1.2. Ngành Tài chính - Ngân hàng					
1	Triết học	Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng vực công tác mà học viên đang đảm nhận.	4	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
2	Kinh tế lượng tài chính	Xây dựng và ước lượng được mô hình hồi quy tuyến tính đa biến bằng phương pháp OLS; Biết và thực hiện được kiểm định giả thuyết; Biết được đặc trưng và ứng dụng của các mô hình hồi quy có biến giả định tính; Biết được đặc trưng và ứng dụng của mô hình có biến phụ thuộc giới hạn.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
3	Tài chính công	Trang bị cho học viên kiến thức về chính sách tài chính công hiện đại, giúp học viên có góc nhìn tổng thể hơn và tiếp cận có hệ thống hơn về triết lý cũng như lý thuyết tài chính công để tiến hành các công trình nghiên cứu khoa học hàn lâm. - Bên cạnh việc hiểu ý nghĩa lý luận, môn học còn chú ý đến những vấn đề về kinh tế học hiện đại được vận dụng vào lĩnh vực tài chính công, hiệu ứng của chính sách tài chính công.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
4	Phương pháp nghiên cứu khoa	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư	2	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
	học	duy; học viên có thể hệ thống kiến thức đã học cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động nghề nghiệp, ... cũng như hoàn thành Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ chất lượng.			chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
5	Kinh tế học	Học phần giúp học viên hiểu biết và nắm bắt được một số vấn đề cơ bản của kinh tế học như: quan hệ cung cầu, hệ số co giãn và ứng dụng, lý thuyết sản xuất, tiêu dùng, cách vận hành nền kinh tế của Chính phủ khi thực hiện những chính sách kinh tế, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn, vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế hiện đại, ảnh hưởng của các dòng vốn đến nền kinh tế quốc gia, hay khu vực. Đặc biệt, học phần sẽ giúp học viên nghiên cứu, phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế trong thực tế theo nhiều quan điểm khác nhau.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
6	Luật Hợp đồng	Hiểu và giải thích được các yêu cầu của pháp luật liên quan đến quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng. Hiểu các quy định của pháp luật về điều kiện để hợp đồng phát sinh hiệu lực cùng các trường hợp vô hiệu và hậu quả của nó. Có kỹ năng thực hành giao kết và thực hiện hợp đồng.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
7	Tài chính phái sinh và Quản trị rủi ro tài chính	Hiểu về thị trường giao dịch các công cụ phái sinh; Nắm được bản chất của các công cụ phái sinh cơ bản (kỳ hạn, tương lai, hoán đổi và quyền chọn). Nhận biết và phân tích được các rủi ro cũng như cơ hội kinh doanh của các định chế tài chính; Đề xuất việc sử dụng các công cụ phái sinh để kinh doanh và phòng ngừa rủi ro.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (70%)
8	Quản trị kinh doanh ngân hàng	- Trang bị lý thuyết cơ bản về: Lĩnh vực ngân hàng và tài chính và giúp phát triển các khái niệm về kỹ năng quản lý tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng, các công ty tài chính, công ty chứng khoán trong và ngoài nước, công ty đa quốc gia. Nắm bắt sự hiểu biết toàn diện về cách quản lý các khía cạnh kinh doanh trong ngành tài	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		chính ngân hàng. Hiểu biết về cách thức sử dụng các hợp đồng phái sinh nhằm phòng chống rủi ro trong các tổ chức tài chính ngân hàng. Hoạch định được chiến lược tài chính, quản lý tài chính tiền tệ, tín dụng, ngân quỹ tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các công ty tài chính, công ty chứng khoán trong và ngoài nước, công ty đa quốc gia. Hiểu biết phương thức xâm nhập thị trường mới thực hiện việc thiết lập và quản lý mạng lưới của các tổ chức tài chính ngân hàng. Hiểu biết bản chất, nguyên nhân và ảnh hưởng của quá trình hợp nhất trong hệ thống ngân hàng. Nắm bắt những yếu tố kinh tế, pháp lý mà một ngân hàng cần phải xem xét khi muốn tiến hành sát nhập và mua bán lại ngân hàng. - Trang bị học thuật một cách toàn diện về các nội dung về tài chính ngân hàng, về quản trị tài chính ngân hàng, quản trị nhân sự ngân hàng, giúp nhà quản trị tài chính ngân hàng vận dụng lý thuyết cơ bản để quản trị tài chính ngân hàng tốt nhất, đem lại lợi nhuận cao và đảm bảo an toàn vốn cho NHTM.			
9	Các chủ đề đương đại về tài chính ngân hàng	Hiểu được kiến thức chuyên sâu về xu hướng hoạt động của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thời kỳ hiện đại Hiểu và giải thích các vấn đề của hệ thống tài chính ngân hàng ở Việt Nam và khu vực	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
10	Quản trị tài chính	Hiểu được bản chất của quản trị tài chính, vai trò của nhà quản trị tài chính trong doanh nghiệp, hiểu được vấn đề chi phí đại diện sẽ được giảm thiểu đáng kể nếu môi trường quản trị doanh nghiệp tốt. Hiểu được cách thức các doanh nghiệp quản trị rủi ro kinh doanh và quản trị rủi ro tài chính khi thực hiện quyết định đầu tư và quyết định tài trợ. Nắm được cách thức doanh nghiệp ra quyết định tài trợ và tác động của quyết định tài trợ đến giá trị doanh nghiệp. Nắm được cách thức doanh nghiệp ra quyết định phân phối và tác động của quyết định phân phối đến giá trị doanh nghiệp. Nắm được cách thức hoạch định chiến	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		lược tài chính nhằm tối đa hoá giá trị doanh nghiệp.			
11	Thống kê và phân tích dữ liệu	- Kiến thức: Học viên sau khi kết thúc môn học sẽ có được những kiến thức sau: Nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê trong kinh tế, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế - xã hội, các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Thực hành được quy trình nghiên cứu thống kê. Lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu, từng mối quan hệ kinh tế. Sử dụng được các phương pháp chọn mẫu để thu thập và xử lý dữ liệu. Áp dụng được mô hình thống kê, mô hình kinh tế lượng trong dự báo các hiện tượng kinh tế. Sử dụng được thành thạo các phần mềm thống kê bao gồm SPSS và AMOS - Kỹ năng: Kỹ năng sử dụng các phần mềm thống kê phân tích dữ liệu sơ cấp và thứ cấp để dự báo, hoạch định và xây dựng chiến lược doanh nghiệp, hỗ trợ vấn đề ra quyết định Kỹ năng đọc và hiểu ý nghĩa của các con số thống kê Kỹ năng thiết lập mô hình toán thống kê cho các hiện tượng kinh tế Kỹ năng phát triển tư duy phản biện, giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình giúp người học tự tin hơn, có thể hòa nhập với môi trường làm việc tốt hơn.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
12	Đầu tư và Quản trị danh mục đầu tư	Nắm được các đặc điểm chính của môi trường đầu tư tài chính và các công cụ đầu tư tài chính; Diễn giải khái niệm danh mục đầu tư, hiệu quả đa dạng hóa danh mục đầu tư và quá trình quản lý danh mục đầu tư. Hiểu các lý thuyết về danh mục đầu tư và thị trường vốn; Nắm bắt các chiến lược đầu tư.	3	HK3	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
13	Tài chính quốc tế	- Trang bị lý thuyết cơ bản về: Công ty đa quốc gia; thị trường tài chính quốc tế; tác động của Chính phủ đến tỷ giá; ngang giá lãi suất; mối quan hệ lãi suất-lạm phát-	3	HK3	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		tỷ giá; thực hiện được dự báo tỷ giá; biến động tỷ giá và các biện pháp phòng ngừa; đầu tư trực tiếp nước ngoài; lập ngân sách vốn công ty đa quốc gia; phân tích rủi ro ở một quốc gia; cấu trúc vốn và chi phí sử dụng vốn của công ty đa quốc gia; tài trợ dài hạn và ngắn hạn ở công ty đa quốc gia; quản trị tiền mặt của công ty đa quốc gia... nhằm giảm chi phí tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và do đó làm tăng giá trị công ty đa quốc gia. - Trang bị học thuật một cách toàn diện về các nội dung: tài chính quốc tế, quản lý tài chính quốc tế, giúp học viên vận dụng lý thuyết cơ bản để kinh doanh quốc tế.			Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (70%)
14	Phân tích tài chính	Người học hiểu và ứng dụng phân tích tài chính trong quản trị doanh nghiệp; Nhận biết, giải thích những chính sách đầu tư, huy động vốn và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp; Có thể nhận biết, giải thích rủi ro của doanh nghiệp đề xuất các giải pháp để kiểm soát rủi ro của doanh nghiệp Giải thích và lập dự toán doanh thu, báo cáo tài chính dự kiến của doanh nghiệp.	3	HK3	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (70%)
15	Chuyên đề nghiên cứu tài chính ngân hàng	Hiểu và vận dụng kiến thức chuyên sâu về cách thức nghiên cứu, hình thành đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; Đánh giá khả năng vận dụng các nội dung, phương pháp nghiên cứu vào việc thực hiện đề tài nghiên cứu.	3	HK3	Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (100%)
16	Chuyên đề thực tế	Học phần này giúp học viên thực hành chuyển tải các kiến thức trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng thành một chuyên đề nghiên cứu một vấn đề lý luận hoặc một vấn đề thực tiễn tại đơn vị đang công tác và thể hiện chúng qua việc trình bày chuyên đề trong đó tập trung vào lý do lựa chọn chuyên đề nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu sẽ làm cơ sở nền tảng cho việc thực hiện đề án tốt nghiệp.	6	HK4	Báo cáo chuyên đề cá nhân - 100% điểm học phần
17	Đề án tốt nghiệp	Học phần này giúp học viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành, chuyên ngành được đào tạo. Học viên trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình	9	HK4	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá đề án

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		thức một đề án tốt nghiệp.			
C.1.3. Ngành Kế toán					
1	Triết học	Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng vực công tác mà học viên đang đảm nhận.	4	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư duy; học viên có thể hệ thống kiến thức đã học cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động nghề nghiệp, ... cũng như hoàn thành Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ chất lượng.	2	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
3	Kinh tế học	- Học phần giúp học viên hiểu biết và nắm bắt được một số vấn đề cơ bản của kinh tế học như: quan hệ cung cầu, hệ số co giãn và ứng dụng, lý thuyết sản xuất, tiêu dùng, cách vận hành nền kinh tế của Chính phủ khi thực hiện những chính sách kinh tế, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn, vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế hiện đại, ảnh hưởng của các dòng vốn đến nền kinh tế quốc gia, hay khu vực. Đặc biệt, học phần sẽ giúp học viên nghiên cứu, phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế trong thực tế theo nhiều quan điểm khác nhau.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
4	Kinh tế lượng tài chính	Xây dựng và ước lượng được mô hình hồi quy tuyến tính đa biến bằng phương pháp OLS; Biết và thực hiện được kiểm định giả thuyết; Biết được đặc trưng và ứng dụng của các mô hình hồi quy có biến giả định tính; Biết được đặc trưng và ứng dụng của mô hình có biến phụ thuộc giới hạn.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
5	Kế toán quản trị	- Trang bị lý thuyết cơ bản về: + Xác định được về các nghiệp vụ chuyên môn như phân loại chi phí, kỹ thuật quản lý chi phí theo công việc, theo đơn đặt hàng, theo quá trình, trên cơ sở hoạt động (ABC); phân tích CVP, ra quyết định ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch ngân sách; Bảng điểm cân bằng; kế toán trách nhiệm; phân tích tình hình tài chính; ... + Báo cáo được công việc tổ chức công tác kế toán quản trị chung cũng như quy trình thực hiện các phần hành kế toán tại đơn vị thực tập; + Vận dụng được kiến thức chuyên ngành kế toán về phân loại chi phí, kỹ thuật quản lý chi phí theo công việc, theo đơn đặt hàng, theo quá trình, trên cơ sở hoạt động (ABC); phân tích CVP, ra quyết định ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch ngân sách; Bảng điểm cân bằng; kế toán trách nhiệm; phân tích tình hình tài chính; ... vào phân tích và đưa ra các giải pháp thúc đẩy, nâng cao hiệu quả quản trị cho đơn vị cụ thể cũng như áp dụng vào việc nghiên cứu và tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. + Áp dụng được kiến thức về chuyên ngành Kế toán về phân loại chi phí, kỹ thuật quản lý chi phí theo công việc, theo đơn đặt hàng, theo quá trình, trên cơ sở hoạt động (ABC); phân tích CVP, ra quyết định ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch ngân sách; Bảng điểm cân bằng; kế toán trách nhiệm; phân tích tình hình tài chính; ... để thực hiện được Luận văn tốt nghiệp và học bổ sung kiến thức để đạt đủ tiêu chuẩn tốt nghiệp theo quy định.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
6	Luật Hợp đồng	Hiểu và giải thích được các yêu cầu của pháp luật liên quan đến quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng. Hiểu các quy định của pháp luật về điều kiện để hợp đồng phát sinh hiệu lực cùng các trường hợp vô hiệu và hậu quả của nó. Có kỹ năng thực hành giao kết và thực hiện hợp đồng.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
7	Thống kê và phân tích dữ liệu	- Kiến thức: Học viên sau khi kết thúc môn học sẽ có được những kiến thức sau:	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		Nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê trong kinh tế, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế - xã hội, các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Thực hành được quy trình nghiên cứu thống kê. Lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu, từng mối quan hệ kinh tế. Sử dụng được các phương pháp chọn mẫu để thu thập và xử lý dữ liệu. Áp dụng được mô hình thống kê, mô hình kinh tế lượng trong dự báo các hiện tượng kinh tế. Sử dụng được thành thạo các phần mềm thống kê bao gồm SPSS và AMOS - Kỹ năng: Kỹ năng sử dụng các phần mềm thống kê phân tích dữ liệu sơ cấp và thứ cấp để dự báo, hoạch định và xây dựng chiến lược doanh nghiệp, hỗ trợ vấn đề ra quyết định Kỹ năng đọc và hiểu ý nghĩa của các con số thống kê Kỹ năng thiết lập mô hình toán thống kê cho các hiện tượng kinh tế Kỹ năng phát triển tư duy phản biện, giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình giúp người học tự tin hơn, có thể hòa nhập với môi trường làm việc tốt hơn.			chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
8	Kế toán công	Trang bị lý thuyết cơ bản về kế toán công - Xác định được về các nghiệp vụ chuyên môn như phân loại chi phí, kỹ thuật quản lý chi phí theo công việc, theo đơn đặt hàng, theo quá trình, trên cơ sở hoạt động (ABC); phân tích CVP, ra quyết định ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch ngân sách; Bảng điểm cân bằng; kế toán trách nhiệm; phân tích tình hình tài chính; ... - Báo cáo được công việc tổ chức công tác kế toán quản trị chung cũng như quy trình thực hiện các phân hành kế toán tại đơn vị thực tập; - Vận dụng được kiến thức chuyên ngành kế toán về phân loại chi phí, kỹ	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		thuật quản lý chi phí theo công việc, theo đơn đặt hàng, theo quá trình, trên cơ sở hoạt động (ABC); phân tích CVP, ra quyết định ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch ngân sách; Bảng điểm cân bằng; kế toán trách nhiệm; phân tích tình hình tài chính; ... vào phân tích và đưa ra các giải pháp thúc đẩy, nâng cao hiệu quả quản trị cho đơn vị cụ thể cũng như áp dụng vào việc nghiên cứu và tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. - Áp dụng được kiến thức về chuyên ngành Kế toán về phân loại chi phí, kỹ thuật quản lý chi phí theo công việc, theo đơn đặt hàng, theo quá trình, trên cơ sở hoạt động (ABC); phân tích CVP, ra quyết định ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch ngân sách; Bảng điểm cân bằng; kế toán trách nhiệm; phân tích tình hình tài chính; ... để thực hiện được Luận văn tốt nghiệp và học bổ sung kiến thức để đạt đủ tiêu chuẩn tốt nghiệp theo quy định.			
9	Lý thuyết kế toán	Trình bày các vấn đề cốt lõi trong lý thuyết kế toán; Nhận định các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng các chuẩn mực hoặc chế độ kế toán; Phân tích sự khác biệt về nguyên tắc kế toán được áp dụng rộng rãi trong một số quốc gia	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (70%)
10	Kế toán tài chính	Trang bị lý thuyết cơ bản về: Các nghiệp vụ, phương pháp, trình tự hạch toán và nhiệm vụ của kế toán viên đối với các phần hành kế toán về tài sản ngắn hạn, dài hạn trong doanh nghiệp cũng như biết ý nghĩa định khoản các đối tượng kế toán liên quan đến quá trình tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
11	Phân tích tài chính	Trang bị lý thuyết cơ bản về: + Các phương pháp sử dụng trong phân tích tài chính, phân tích dự báo vào các tình huống thực tế. + Ứng dụng các kỹ thuật phân tích tài chính trong thực tế và nghiên cứu. + Ứng dụng việc phân tích chính sách tài chính, tiềm lực tài chính và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh	3	HK3	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		ngành trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.			
12	Kiểm toán	Trang bị lý thuyết cơ bản về: - Kiến thức: nắm vững các vấn đề cơ bản về kiểm toán và các hình thức kiểm toán. Các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán, qui trình một cuộc kiểm toán. Các ý kiến hậu kiểm toán. - Thái độ, chuyên cần: Nắm vững lý thuyết giảng trên lớp. Kết hợp với nghiên cứu tài liệu tham khảo, tham gia thảo luận và làm các bài tập tình huống bắt buộc nhằm rèn luyện các kỹ năng và tích cực vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động kiểm toán.	3	HK3	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
13	Kiểm soát nội bộ	Hiểu và giải thích được quá trình hình thành và phát triển của các lý thuyết và thực tiễn về kiểm soát nội bộ; Giải thích các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ trong tổ chức theo báo cáo COSO; Ứng dụng các nguyên tắc cơ bản của kiểm soát nội bộ để đánh giá, thiết kế hoạt động kiểm soát nội bộ đối với các hoạt động chủ yếu của đơn vị sản xuất kinh doanh bao gồm: hoạt động mua hàng, bán hàng, tiền lương, các giao dịch liên quan đến tài chính và tài sản cố định	3	HK3	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
14	Hệ thống thông tin kế toán	Học phân cung cấp kiến thức và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho người thực hành trong lĩnh vực kế toán - tài chính và nhà quản lý nhằm hỗ trợ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và quản trị tài chính trong hoạt động tổ chức, kiểm soát hệ thống kế toán - tài chính máy. Theo định hướng ứng dụng trong ngữ cảnh của CMCN 4.0, học phân này cung cấp kiến thức tổ chức hệ thống kế toán - tài chính một cách hiệu quả cho các vị trí việc làm bao gồm người sử dụng hệ thống thông tin kế toán; người hành nghề kiểm toán; các nhà quản lý tài chính và cả các nhà quản lý nói chung, đánh giá về sự hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán và nhóm người tư vấn phát triển hệ thống thông tin kế toán cho các tổ chức, đơn vị.	3	HK3	kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (70%)
15	Chuyên đề nghiên cứu kế toán	Hiểu và vận dụng kiến thức chuyên sâu về cách thức nghiên cứu, hình thành đề	3	HK3	Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (100%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		cương nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; Đánh giá khả năng vận dụng các nội dung, phương pháp nghiên cứu vào việc thực hiện đề tài nghiên cứu.			
16	Chuyên đề thực tế	Học phần này giúp học viên thực hành chuyển tải các kiến thức trong lĩnh vực Kế toán thành một chuyên đề nghiên cứu một vấn đề lý luận hoặc một vấn đề thực tiễn tại đơn vị đang công tác và thể hiện chúng qua việc trình bày chuyên đề trong đó tập trung vào lý do lựa chọn chuyên đề nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu sẽ làm cơ sở nền tảng cho việc thực hiện đề án tốt nghiệp.	6	HK4	Báo cáo chuyên đề cá nhân - 100% điểm học phần
17	Đề án tốt nghiệp	Học phần này giúp học viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành, chuyên ngành được đào tạo. Học viên trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề án tốt nghiệp.	9	HK4	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá đề án
C.1.4. Ngành Ngôn ngữ Anh					
1	Seminar on Academic Writing	Nắm vững phương cách viết văn bản học thuật. Nắm vững các dạng văn bản và văn phong của văn bản học thuật; Sử dụng chính xác các điểm ngữ pháp thường được sử dụng trong văn bản học thuật. Sử dụng hợp lý cách viết để tránh đạo văn. So sánh, đánh giá các dạng văn bản học thuật. Phân tích văn bản thiên về giải quyết vấn đề. Bình luận dữ liệu được sử dụng trong văn bản học thuật. Phân tích, đánh giá bài báo khoa học đã được công bố. So sánh, đánh giá về các thành phần chính yếu của các bài nghiên cứu khoa học. Tổ chức làm việc nhóm, thảo luận và phản biện các vấn đề liên quan đến nội dung học và nghiên cứu.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
1	Triết học	Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc	4	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng vực công tác mà học viên đang đảm nhận			luận (70%)
2	Tiếng Pháp 1	Học phần nhằm giúp người học hiểu rõ văn phạm cơ bản của tiếng Pháp để diễn đạt, kể lại, tranh luận, bày tỏ suy nghĩ, giao tiếp, v.v. Học phần gồm có 16 bài (1-16) đề cập đến các vấn đề trong xã hội như thời trang, gia đình, nhà ở, phương tiện di chuyển, khuynh hướng ẩm thực ... của người Pháp	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
3	Tiếng Pháp 2	Học phần nhằm giúp người học hiểu rõ văn phạm nâng cao của tiếng Pháp để diễn đạt, kể lại, tranh luận, bày tỏ suy nghĩ, giao tiếp, v.v. Học phần gồm có 16 bài (17-31) đề cập đến các vấn đề trong xã hội như nạn thất nghiệp, đến môi trường công việc, đến những thú vui chơi, giải trí của người Pháp	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
4	Tiếng Nhật 1	Học phần nhằm cung cấp cho học viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Nhật. Bên cạnh đó, học viên được rèn luyện thêm các kỹ năng nghe, đọc và nói với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình. Học phần gồm có 5 bài xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (sở thích, du lịch, việc làm...).	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
5	Tiếng Nhật 2	Học phần nhằm cung cấp cho học viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm có độ khó trung bình trong tiếng Nhật. Học viên được rèn luyện thêm các kỹ năng nghe, đọc và nói với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày trong 5 bài học.	3	HK1	Bài tập nhóm Kiểm tra tự luận (30%); Cuối kỳ: Đề cương nghiên cứu (70%)
6	Tiếng Trung Quốc 1	Học phần “tiếng Trung Quốc 1” trang bị cho học viên kiến thức về ngữ âm, chữ viết, ngữ pháp cơ bản và những câu giao tiếp đơn giản trong tiếng Trung với những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng	3	HK1	Bài tập nhóm Kiểm tra tự luận (30%); Cuối kỳ: Đề cương nghiên cứu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		kỹ năng nghe và nói. Thông qua các bài tập mô phỏng hội thoại, học viên có thể thực hiện những câu giao tiếp đơn giản xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (thông tin cá nhân cơ bản, thông tin gia đình, số đếm, ngày giờ, thời tiết, màu sắc, mua sắm, hàng xóm, công việc,).			cứu (70%)
7	Tiếng Trung Quốc 2	Học phần “tiếng Trung Quốc 2” củng cố và trang bị cho học viên kiến thức về ngữ âm, chữ viết, ngữ pháp cơ bản và những tình huống giao tiếp đơn giản trong tiếng Trung với những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Học viên được rèn luyện kỹ hơn về ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin hơn với các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (mời khách, thăm bệnh, hẹn hò, tham dự tiệc, hỏi thăm tình hình thi cử, công việc v.v...).	3	HK1	Bài tập nhóm Kiểm tra tự luận (30%); Cuối kỳ: Đề cương nghiên cứu (70%)
8	Seminar on Thesis Writing	Có kiến thức cơ bản về các khái niệm liên quan đến kỹ năng viết luận văn tốt nghiệp, kết cấu nội dung, bố cục và văn phong của một luận văn thạc sĩ. Có khả năng viết luận văn tốt nghiệp với cấu trúc và văn phong học thuật.	3	HK1	Bài tập nhóm Kiểm tra tự luận (30%); Cuối kỳ: Đề cương nghiên cứu (70%)
9	Research Methodology	Nắm vững các khái niệm trong nghiên cứu và các thành phần chính yếu của một đề tài nghiên cứu khoa học. Phân biệt các cách tiếp cận và phương pháp thường được sử dụng trong nghiên cứu liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh, bao gồm phương pháp nghiên cứu định lượng, phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp.	2	HK1	Quá trình: bài tập nhóm, thuyết trình (30%); Cuối kỳ: Đề cương nghiên cứu (70%)
10	Issues in Applied Linguistics	- Hiểu và phân tích đặc trưng về từ vựng, ngữ pháp và pháp âm trong tiếng Anh; quá trình dạy và học, các chiến lược phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; các yếu tố tâm lý đối với người dạy và người học tiếng Anh. Có khả năng phân tích các đặc trưng về từ vựng, ngữ pháp và pháp âm. - Có khả năng vận dụng các kiến thức về đặc trưng ngôn ngữ và quá trình phát triển các kỹ năng học tiếng vào giảng dạy và	3	HK2	Quá trình: Bài tập nhóm cần (30%); Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		các hoạt động chuyên môn khác. - Có khả năng thực hiện các nghiên cứu quy mô nhỏ thể hiện sự vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ học trong quá trình giảng dạy và các hoạt động chuyên môn khác			
11	Issues in Linguistics	Có hiểu biết khoa học về bản chất ngôn ngữ và những lĩnh vực nghiên cứu liên quan - Có kiến thức cập nhật về các vấn đề và xu hướng nghiên cứu ngôn ngữ học hiện đại - Có kiến thức tổng quan về các phương hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu các chuyên ngành hẹp trong ngôn ngữ học Có khả năng phân tích một ngôn ngữ; hình thành tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp và kỹ năng nghiên cứu - Có khả năng phân tích các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ và tư duy tìm ý tưởng giải quyết vấn đề - Có kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, làm việc độc lập và làm việc nhóm.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
12	Issues in Applied Linguistics	Học phần hướng dẫn người học cách tiếp cận nghiên cứu ngôn ngữ một cách khoa học và biện chứng, và thảo luận những chủ đề truyền thống trong ngôn ngữ học cấu trúc, bao gồm ngữ âm và âm vị học, hình thái học, cú pháp và ngữ nghĩa học, cũng như thảo luận những chủ đề cập nhật nhất trong ngôn ngữ học cấu trúc và ngôn ngữ học hiện đại như ngữ pháp phổ quát, tiếp thu ngôn ngữ ở trẻ, đa dạng và biến đổi ngôn ngữ. Đồng thời, học phần chú trọng vào cung cấp công cụ và trang bị kỹ năng phân tích ngôn ngữ cho người học.	3	HK2	Quá trình: bài tập nhóm, bài tập cá nhân (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
13	Translation in English Language Teaching	Nắm rõ nguyên tắc chung của dịch thuật, các khái niệm và thuật ngữ quan trọng trong dịch thuật cũng như những thách thức hiện tại trong lĩnh vực dịch thuật. Nắm được những yếu tố ngôn ngữ, văn hóa-xã hội ảnh hưởng đến quá trình dịch thuật từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích.	3	HK2	Quá trình: bài tập nhóm, bài tập cá nhân (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
14	Discourse Analysis	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức liên quan đến phân tích diễn ngôn. Học phần này cũng chỉ ra tính hữu ích của nghiên cứu diễn ngôn trong việc dạy và	3	HK2	Quá trình: bài tập nhóm, kiểm tra tự luận (30%);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		học ngôn ngữ. Ngoài ra, học viên sẽ có cơ hội tìm hiểu tính liên môn của học phần này với các học phần như ngữ dụng học và ngôn ngữ học xã hội.			Cuối kỳ: kiểm tra trắc nghiệm (70%)
15	Language Testing and Assessment	Hiểu và phân biệt được các dạng thức, mục đích của các bài kiểm tra khác nhau, các thuộc tính của một bài kiểm tra năng lực ngôn ngữ, nguyên lý của việc kiểm tra đánh giá, cách thiết kế bài kiểm tra cho từng kỹ năng ngôn ngữ, cách cho điểm và các hình thức đánh giá khác nhau. Có khả năng phân tích, đánh giá các thuộc tính của một bài kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ của người học. - Có khả năng thiết kế bài kiểm tra năng lực ngôn ngữ của người học ở từng kỹ năng riêng biệt cũng như bài kiểm tra tích hợp nhiều kỹ năng. - Có khả năng thực hiện các nghiên cứu quy mô nhỏ liên quan đến kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ. - Có khả năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và vận dụng kỹ năng tư duy phản biện.	3	HK3	Quá trình: Bài tập cá nhân, Bài tập nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
16	Advanced English Language Teaching	Học phần này không chỉ cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp giảng dạy tiếng Anh ở các trình độ khác nhau mà còn trang bị cho học viên kiến thức sâu rộng về phương pháp dạy tiếng Anh nâng cao và việc ứng dụng công nghệ vào giảng dạy. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu cách kiểm tra và đánh giá từng kỹ năng tiếng Anh như thiết kế và phân chia hoạt động cho một đề thi hay bài giảng, cách đánh giá giáo trình, đề cương chi tiết hoặc bài dạy và cách đánh giá kết quả của người học.	3	HK3	Quá trình: 2 bài kiểm tra, (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
17	Intercultural Communication	Có kiến thức về giá trị văn hoá và cấu trúc văn hoá của các nền văn hoá tiêu biểu. - Có kiến thức về các đặc thù và cách thức giao tiếp khác nhau của các nền văn hoá tiêu biểu. Có khả năng thấu hiểu sâu sắc hơn về giao tiếp liên văn hóa. - Có khả năng quan sát, phân tích, tổng hợp, chuyển biến các kinh nghiệm thành tri thức.	3	HK3	Quá trình: bài tập nhóm, thuyết trình (30%); Cuối kỳ: Đề cương nghiên cứu (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		- Có khả năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và tư duy phản biện.			
18	Materials Design in ELT	Phân biệt được tài liệu trong lớp học tiếng Anh được sử dụng trong và ngoài nước. Hiểu cách thiết kế và đánh giá tài liệu giảng dạy tiếng Anh ở nhiều ngữ cảnh khác nhau. Hiểu cách kết hợp công nghệ vào thiết kế tài liệu giảng dạy tiếng Anh; Lồng ghép các yếu tố văn hóa vào tài liệu giảng dạy tiếng Anh. Áp dụng công nghệ vào việc thiết kế tài liệu giảng dạy tiếng Anh. Phân tích, so sánh và kế thừa các nguồn tài liệu khác nhau. Thu thập dữ liệu và phát triển tài liệu giảng dạy tiếng Anh. Đánh giá tài liệu giảng dạy tiếng Anh. Tổ chức làm việc nhóm, thảo luận và phản biện các vấn đề liên quan đến nội dung học và nghiên cứu.	3	HK3	Quá trình: Bài tập nhóm, thuyết trình cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
19	Technology in English Language Teaching	Có hiểu biết về vai trò, đặc điểm, các ứng dụng và nguyên lý của việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học ngoại ngữ; Có khả năng thiết kế các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp với nguyên lý dạy học sử dụng CNTT - Có kỹ năng đọc và phản biện các nghiên cứu khoa học liên quan đến việc sử dụng CNTT trong dạy học ngoại ngữ	3	HK3	Quá trình: thuyết trình, báo cáo nhóm, (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
20	Chuyên đề thực tế	Học phần này giúp học viên thực hành chuyển tải các kiến thức trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh thành một chuyên đề nghiên cứu một vấn đề lý luận, thực tiễn tại đơn vị đang công tác và thể hiện chúng qua việc trình bày chuyên đề trong đó tập trung vào lý do lựa chọn chuyên đề nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu sẽ làm cơ sở nền tảng cho việc thực hiện đề án tốt nghiệp.	6	HK4	Báo cáo chuyên đề cá nhân - 100% điểm học phần
21	Đề án tốt nghiệp	Học phần này giúp học viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành, chuyên ngành được đào tạo. Học viên trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề án tốt nghiệp.	9	HK4	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá đề án
C.1.4. Ngành Luật Kinh tế					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
1	Triết học	Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng vực công tác mà học viên đang đảm nhận	4	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư duy; Học viên có thể hệ thống kiến thức đã học cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực pháp luật, ... cũng như hoàn thành luận văn tốt nghiệp thạc sĩ chất lượng.	2	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (đề cương luận văn) (70%)
3	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu của lĩnh vực luật kinh tế để học viên nắm bắt được bản chất của hoạt động cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan sử dụng nguồn lực nhà nước trong đấu thầu và lựa chọn nhà đầu tư trong hợp tác công tư; bản chất và hình thức của phương thức mua bán tài sản đấu giá, đặc biệt là đấu giá bắt buộc. Môn học góp phần trang bị và phát triển kỹ năng ứng dụng khi tham gia vào các hoạt động liên quan đấu thầu và đấu giá (trong đó có việc lập kế hoạch và chuẩn bị hồ sơ lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng trong đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng hợp tác công tư, tổ chức các hoạt động đấu giá bắt buộc); khiếu nại và giải quyết tranh chấp liên quan đấu thầu, đấu giá.	3	HK1	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
4	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Môn học có đối tượng, phạm vi nghiên cứu là lý thuyết làm cơ sở để xây dựng và đánh giá quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản; quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản; thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản.	3	HK1	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
5	Pháp luật về	Có kiến thức cơ bản về pháp luật tài sản	3	HK1	Bài kiểm tra, bài

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
	tài sản	như các loại tài sản, phân loại tài sản, chiếm hữu tài sản, các quyền khác đối với tài sản.... Vận dụng pháp luật về tài sản nói chung. Xác định được tầm quan trọng của vấn đề áp dụng pháp luật của tòa án từ đó xác định được các giới hạn và chuẩn mực đạo đức cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến hoạt động này.			tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
6	Luật Hợp đồng	Hiểu và giải thích được các yêu cầu của pháp luật liên quan đến quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng. Hiểu các quy định của pháp luật về điều kiện để hợp đồng phát sinh hiệu lực cùng các trường hợp vô hiệu và hậu quả của nó. Có kỹ năng thực hành giao kết và thực hiện hợp đồng.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
7	Pháp luật về công ty	Pháp luật về Công ty là môn học tập trung vào các chủ đề có tính chất nền tảng lý thuyết xoay xung quanh các tính chất cơ bản của công ty, trong đó có tính trách nhiệm hữu hạn và tư cách pháp nhân, lý thuyết đại diện (agency problem), và chủ đề có liên quan là kiểm soát quản trị (corporate governance). Môn học cũng giới thiệu về các kỹ năng nghiên cứu như phân tích bản án, và đề cao tính nguyên gốc trong hoạt động nghiên cứu, trong đó đặt ra vấn đề về dẫn nguồn và tránh đạo văn trong soạn thảo.	3	HK2	kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
8	Pháp luật về thuế	Học phần pháp luật thuế trong hoạt động kinh doanh giới thiệu các kiến thức về pháp luật thuế áp dụng trong hoạt động kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay; cũng như trang bị cho học viên những kỹ năng cần thiết để có thể tham gia vào quá trình tư vấn về thuế, quản lý, điều hành doanh nghiệp và các hoạt động tổ tụng khác. Những nội dung chính của môn học bao gồm: - Mục tiêu và các phương pháp tiếp cận, xử lý vấn đề, khảo sát và xác định yêu cầu kỹ năng trong quá trình nghiên cứu môn học. - Phương pháp, công cụ sử dụng trong tham gia tiếp thu kiến thức môn học. - Các kỹ năng nhận diện và xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến môn học.	3	HK2	kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
9	Pháp luật về sở	Môn học này trang bị cho học viên	3	HK2	Kiểm tra, bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
	hữu trí tuệ	những kiến thức cơ bản về Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam trên cơ sở các kiến thức chung về tài sản và quyền sở hữu đối với tài sản mà học viên đã được học. Nhận diện tài sản trí tuệ tồn tại trong doanh nghiệp và các chủ thể khác. - Phân biệt tài sản trí tuệ, sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ, các nhóm quyền sở hữu trí tuệ. - Đối tượng bảo hộ, đối tượng loại trừ của quyền tác giả và quyền liên quan; điều kiện, cơ chế bảo hộ, nội dung bảo hộ, quyền của chủ thể và hạn chế quyền, thời gian bảo hộ, đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan. - Đối tượng bảo hộ, đối tượng loại trừ của quyền sở hữu công nghiệp; điều kiện, cơ chế bảo hộ, nội dung bảo hộ, quyền của chủ thể và hạn chế quyền, thời gian bảo hộ, vấn đề xác lập quyền đối với từng đối tượng sở hữu công nghiệp. - Đối tượng bảo hộ, đối tượng loại trừ của quyền đối với giống cây trồng; điều kiện, cơ chế bảo hộ, nội dung bảo hộ, quyền của chủ thể và hạn chế quyền, thời gian bảo hộ, vấn đề xác lập quyền đối với giống cây trồng			cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
10	Pháp luật về thương mại	Giúp người học có hiểu biết một cách đầy đủ về thương nhân và các hoạt động thương mại. Phân biệt được từng loại thương nhân với những đặc điểm pháp lý khác nhau, biết nhận diện những ưu điểm, hạn chế của từng loại thương nhân. Hiểu biết về việc thành lập, tổ chức lại và giải thể thương nhân. Biết cách tổ chức quản lý hoạt động của các loại thương nhân phù hợp với quy định pháp luật nhằm đạt mục tiêu lợi nhuận. Hiểu biết về cách thức góp vốn và xử lý vốn trong hoạt động thương mại của từng loại thương nhân. Có ý thức trong quản lý kinh doanh nhằm hạn chế rủi ro dẫn đến tình trạng phá sản. Biết cách vận dụng các quy định pháp luật về phá sản nhằm tránh những thiệt hại nặng nề khi ở trong tình trạng phá sản.	3	HK2	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
11	Tiếng Anh	Học phần này cung cấp cho học viên các	3	HK2	Kiểm tra, bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
	pháp lý	thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành Luật như: luật lao động, pháp luật công ty, luật thương mại, luật môi trường ... đồng thời giúp người học nghe và nhận biết, hiểu được những từ vựng chuyên ngành được nhắc đến trong đoạn hội thoại hay bài nói chuyện, phát biểu, bài giảng... phát triển kỹ năng viết cho học viên với các dạng bài viết trong môi trường làm việc liên quan đến lĩnh vực luật.			cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: Thi cuối kỳ (70%)
12	Pháp luật về thương mại quốc tế	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về Luật thương mại quốc tế nâng cao so với môn Luật Thương mại quốc tế ở Chương trình đào tạo Cử nhân Luật và những kỹ năng cần thiết để học viên có thể phân tích, đánh giá, bình luận, tư vấn được các vụ việc, các mối quan hệ phát sinh giữa các chủ thể luật quốc tế trong hoạt động thương mại quốc tế. Những nội dung chính của môn học bao gồm: - Các vấn đề pháp lý cơ bản về đàm phán và thực hiện điều ước quốc tế trong lĩnh vực thương mại quốc tế; - Vai trò và ảnh hưởng của thương mại quốc tế đối với nền kinh tế thế giới, khu vực và quốc gia - Cơ sở pháp lý quốc tế của hoạt động và quan hệ thương mại quốc tế - Phân biệt các loại hình quan hệ của thương mại quốc tế - Các vấn đề pháp lý cơ bản về Hiệp định thương mại tự do (FTA) truyền thống và Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; - Các vấn đề phi thương mại trong các Hiệp định thương mại tự do tự do thế hệ mới; - Thuận lợi và thách thức của Việt Nam khi đàm phán và thực hiện các Hiệp định thương mại tự do; - Xu hướng đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới - Phương thức thực thi các Hiệp định thương mại tự do thế hệ của Việt Nam	3	HK3	kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
13	Pháp luật về môi trường	Học phần giới thiệu các kiến thức về môi trường bao gồm các quan điểm, các học thuyết của khoa học pháp lý, khoa học kinh tế có liên quan đến môi trường, các quy định của pháp luật về môi trường. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để có thể tham gia vào hoạt động quản lý môi trường, giải quyết tranh chấp	3	HK3	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		môi trường, thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường, nghiên cứu pháp uật môi trường. Những nội dung chính của môn học bao gồm: - Tổng quan pháp luật môi trường: yêu cầu của bảo vệ môi trường trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, các nguyên tắc của luật môi trường.... - Pháp luật về tài nguyên thiên nhiên: chế độ sở hữu, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên - Pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường: Nghĩa vụ bảo vệ môi trường của các chủ thể kinh doanh, ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường, kinh doanh dịch vụ môi trường, giải quyết tranh chấp môi trường. - Luật Quốc tế về môi trường: các quy định về môi trường của WTO, Luật quốc tế về ứng phó khí hậu biến đổi....			
14	Pháp luật Hợp đồng thương mại quốc tế	Các vấn đề pháp lý cơ bản về đàm phán và thực hiện điều ước quốc tế, nhất là CISG trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế; - Soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, vận chuyển, bảo hiểm và nắm được các thủ tục hải quan về xuất nhập khẩu hàng hóa. - Nắm được quy định về ưu đãi thuế quan, hàng rào phi thuế quan trong các Hiệp định thương mại mà Việt Nam gia nhập; - Xu hướng đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	3	HK3	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
15	Luật đất đai	Môn học Luật Đất đai được xác lập nhằm trang bị cho người học những kiến thức pháp luật về Đất đai, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Đất đai với các môn học khác. Nội dung môn học sẽ sơ lược quá trình hình thành và phát triển của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở Việt Nam qua các thời kỳ, quá trình hình thành và phát triển của Luật Đất đai, đi sâu nghiên cứu vào nội dung từng chế định quan trọng của Luật Đất đai	3	HK3	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
16	Chuyên đề thực tế	Học phần này giúp học viên thực hành chuyển tải các kiến thức trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh thành một chuyên đề	6	HK4	Báo cáo chuyên đề cá nhân - 100% điểm học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		nghiên cứu một vấn đề lý luận, thực tiễn tại đơn vị đang công tác và thể hiện chúng qua việc trình bày chuyên đề trong đó tập trung vào lý do lựa chọn chuyên đề nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu sẽ làm cơ sở nền tảng cho việc thực hiện đề án tốt nghiệp.			phần
17	Đề án tốt nghiệp	Học phần này giúp học viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành, chuyên ngành được đào tạo. Học viên trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề án tốt nghiệp.	9	HK4	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá đề án
C.2. Khóa 2021					
C.2.1. Ngành Quản trị kinh doanh					
1	Triết học	Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng vực công tác mà học viên đang đảm nhận	4	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư duy; Học viên có thể hệ thống kiến thức đã học cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động nghề nghiệp, ... cũng như hoàn thành Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ có chất lượng.	2	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (đề cương luận văn) (70%)
3	Kinh tế học	- Học phần giúp học viên hiểu biết và nắm bắt được một số vấn đề cơ bản của kinh tế học như: quan hệ cung cầu, hệ số co giãn và ứng dụng, lý thuyết sản xuất, tiêu dùng, cách vận hành nền kinh tế của Chính phủ khi thực hiện những chính sách kinh tế, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn, vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế hiện đại, ảnh hưởng của các dòng vốn đến nền kinh	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, bài tập cá nhân, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		tế quốc gia, hay khu vực. Đặc biệt, học phần sẽ giúp học viên nghiên cứu, phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế trong thực tế theo nhiều quan điểm khác nhau.			
4	Thống kê và phân tích dữ liệu	Học phần cung cấp cho học viên hệ thống các kiến thức về chỉ tiêu và phương pháp trong thống kê. Từ đó, giúp học viên khái quát được hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp thống kê; vận dụng được quy trình thống kê trong thực tế, vận dụng phương pháp chọn mẫu trong kinh tế, áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong việc mô tả, phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội; áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong phân tích sự biến động của các biến số kinh tế theo thời gian và dự báo các biến số kinh tế; áp dụng các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho học viên những kiến thức về các phương pháp và mô hình kinh tế lượng cơ bản được ứng dụng trong nghiên cứu thực nghiệm chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Học viên có khả năng ứng dụng các mô hình kinh tế lượng vào nghiên cứu học thuật dưới sự hỗ trợ của các phần mềm thống kê như SPSS, AMOS.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
5	Quản trị chiến lược	Học phần giúp học viên nghiên cứu được môi trường quản trị, những vấn đề chung về quản trị chiến lược; Khái niệm về chiến lược; Quản trị chiến lược, lợi ích của quản trị chiến lược, mô hình quản trị chiến lược; Phân tích môi trường như phân tích môi trường bên ngoài và môi trường bên trong; Xây dựng và lựa chọn chiến lược như sử dụng các công cụ để hình thành và lựa chọn chiến lược; thực hiện chiến lược và đánh giá việc thực hiện chiến lược cho doanh nghiệp.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
6	Luật hợp đồng	Hiểu và giải thích được các yêu cầu của pháp luật liên quan đến quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng. Hiểu các quy định của pháp luật về điều kiện để hợp đồng phát sinh hiệu lực cùng các trường hợp vô hiệu và hậu quả của nó. Có kỹ năng thực hành giao kết và thực hiện hợp đồng.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
7	Quản trị chuỗi cung ứng	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao và chuyên sâu về quản trị chuỗi cung ứng. Sau khi học xong học viên có những kiến thức chuyên sâu về hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo và kiểm tra các hoạt động trong một doanh nghiệp, thành viên của một chuỗi cung ứng. Học viên có khả năng thiết lập vận hành và đánh giá hiệu quả của một chuỗi cung ứng cho một doanh nghiệp, cụ thể là hoạch định và tổ chức thực hiện thu mua nguyên liệu và bán thành phẩm; xác định mức hàng tồn kho hiệu quả, tổ chức các hoạt động sản xuất, xây dựng hệ thống kênh phân phối, bán hàng trong và ngoài nước, và quản trị thu hồi các sản phẩm có lỗi một cách hiệu quả nhất			Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
8	Quản trị Marketing	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nền tảng, chủ yếu và nâng cao trong việc quản trị marketing ở các doanh nghiệp dựa trên cơ sở sự thấu hiểu khách hàng, xây dựng thương hiệu mạnh, triển khai thực hiện các chương trình marketing để kết nối và duy trì mối quan hệ bền vững, lâu dài với khách hàng. Trong quá trình học tập học viên được giảng viên hướng dẫn ứng dụng những lý thuyết mới, cách tiếp cận mới về quản trị marketing đã học vào thực tế; học lý thuyết vừa thảo luận tại lớp, tìm hiểu một số hoạt động marketing trong thực tế cũng như áp dụng các kiến thức đã học để đưa ra các kiến nghị marketing cho một doanh nghiệp cụ thể	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
9	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực; cách ứng dụng trong mọi loại hình doanh nghiệp cũng như mọi tổ chức; Hiểu rõ quản trị nguồn nhân lực bao gồm những hoạt động sau đây: hoạch định, tuyển mộ, tuyển chọn, đào tạo, phát triển, đánh giá thành tích công tác, lãnh đạo (sử dụng, duy trì, động viên...) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân viên nhằm đạt được mục tiêu chiến lược và định hướng viễn cảnh (tầm nhìn) của tổ chức.	3	HK2	Quá trình: thuyết trình nhóm, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		Học viên có thể vận dụng các kiến thức đã được trang bị vào công tác quản trị nguồn nhân lực một cách hiệu quả, sử dụng được các công cụ quản trị nguồn nhân lực..			
10	Quản trị tài chính	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng về phân tích và quản trị tài chính như: Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp; Lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp; Quản trị các hoạt động tài chính doanh nghiệp; Phân tích cơ hội đầu tư và định lượng rủi ro để đưa ra các quyết định đầu tư. Học phần còn giúp cho học viên vận dụng được những kỹ năng phân tích và quản trị tài chính vào tình hình thực tiễn; học viên có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm trong nghiên cứu và quản lý tài chính doanh nghiệp; am hiểu các nguyên tắc quản lý tài chính để tự chủ và chịu trách nhiệm đối với các quyết định tài chính có liên quan	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
11	Quản trị kinh doanh quốc tế	Học phần cung cấp những kiến thức về quản trị kinh doanh quốc tế, như: khái niệm, hoàn cảnh ra đời và lịch sử phát triển của kinh doanh quốc tế, toàn cầu hoá, các học thuyết thương mại quốc tế, môi trường kinh doanh quốc tế, các hoạt động kinh doanh quốc tế, tổ chức và kiểm soát kinh doanh quốc tế, những yếu tố trong môi trường quốc tế có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp. Qua học phần này người học sẽ có được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để nhận thức đầy đủ những đặc điểm và diễn biến của môi trường kinh doanh toàn cầu, từ đó có thể điều chỉnh các hành vi quản trị, đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thích nghi một cách tốt nhất và có hiệu quả nhất vào tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu hiện nay. Ngoài ra, học phần hướng dẫn xây dựng các chiến lược, chính sách và các mặt hoạt động kinh doanh quốc tế giúp doanh nghiệp có thể cạnh tranh hiệu quả trong môi trường toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế và phân tích những vấn đề mà các nhà quản trị làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế phải đối mặt hàng ngày và một số kinh	3	HK2	Quá trình: bài báo cáo nhóm, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		nghiệm giải quyết tình huống trong kinh doanh quốc tế của các công ty đa quốc gia			
12	Trách nhiệm xã hội	Sau khi học xong, học viên sẽ hiểu một cách tổng quát các khái niệm về trách nhiệm xã hội, khác biệt của trách nhiệm xã hội trong các bối cảnh khác nhau. Đi sâu phân tích trách nhiệm của doanh nghiệp với các bên liên quan quan trọng nhất của doanh nghiệp như: người tiêu dùng, nhà đầu tư, nhà cung cấp, người lao động, cộng đồng địa phương, môi trường sinh thái; Hiểu và thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với các bên liên quan.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
13	Quản trị thương hiệu	Quản trị thương hiệu là một hoạt động quan trọng trong lĩnh vực marketing, giúp tạo dựng được hình ảnh, uy tín và tên tuổi của sản phẩm, dịch vụ và doanh nghiệp trong nhận thức của khách hàng. Thương hiệu là tài sản giá trị đem lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về quản lý sản phẩm và thương hiệu; các lý thuyết hiện đại về nhãn hiệu, giá trị nhãn hiệu và quản lý chiến lược nhãn hiệu. Học phần cho thấy tầm quan trọng của công tác quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp, quá trình quản trị thương hiệu và nội dung của công tác quản trị thương hiệu	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận nhóm (70%)
14	Hành vi tổ chức	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức để phân tích, giải thích và dự đoán hành vi con người trong bối cảnh tổ chức, ảnh hưởng hành vi đến việc thực hiện nhiệm vụ. Nghiên cứu hành vi tổ chức được thực hiện trên 3 cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức. Qua việc nghiên cứu hành vi tổ chức, học viên sẽ biết cách áp dụng những nguyên tắc và phương pháp của quản trị hành vi vào nhận diện bản chất vấn đề và triển khai những giải pháp thích hợp để giải quyết những tình huống cụ thể trong công việc và cuộc sống, từ đơn giản đến phức tạp. Đồng thời người học cũng có khả năng tổng hợp và liên kết những nguyên lý và phương pháp của quản trị	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, báo cáo nhóm, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		hành vi với những khối kiến thức khác nhau như marketing, tài chính, chiến lược,... để giải quyết những tình huống phức tạp trong thực tế			
15	Chuyên đề nghiên cứu Quản trị kinh doanh	Học phần này giúp học viên : Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định; Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography); Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu. Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu	3	HKII	Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (là đề cương luận văn thạc sĩ) – 100% điểm học phần
16	Luận văn tốt nghiệp	Rèn luyện kỹ năng tổng hợp các kiến thức đã học trên mọi phương diện. Rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc. Độc lập, tự chủ tạo ra một bản thiết kế, một bản luận văn hoàn chỉnh.	15	HK3	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận văn
C.1.2. Ngành Tài chính - Ngân hàng					
1	Triết học	Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng	4	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		công tác mà học viên đang đảm nhận			
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư duy; học viên có thể hệ thống kiến thức đã học cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động nghề nghiệp, ... cũng như hoàn thành Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ chất lượng.	2	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
3	Kinh tế học	- Học phần giúp học viên hiểu biết và nắm bắt được một số vấn đề cơ bản của kinh tế học như: quan hệ cung cầu, hệ số co giãn và ứng dụng, lý thuyết sản xuất, tiêu dùng, cách vận hành nền kinh tế của Chính phủ khi thực hiện những chính sách kinh tế, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn, vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế hiện đại, ảnh hưởng của các dòng vốn đến nền kinh tế quốc gia, hay khu vực. Đặc biệt, học phần sẽ giúp học viên nghiên cứu, phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế trong thực tế theo nhiều quan điểm khác nhau.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
4	Luật Hợp đồng	Hiểu và giải thích được các yêu cầu của pháp luật liên quan đến quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng. Hiểu các quy định của pháp luật về điều kiện để hợp đồng phát sinh hiệu lực cùng các trường hợp vô hiệu và hậu quả của nó. Có kỹ năng thực hành giao kết và thực hiện hợp đồng.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
5	Kinh tế lượng	Xây dựng và ước lượng được mô hình hồi quy tuyến tính đa biến bằng phương pháp OLS; Biết và thực hiện được kiểm định giả thuyết; Biết được đặc trưng và ứng dụng của các mô hình hồi quy có biến giả định tính; Biết được đặc trưng và ứng dụng của mô hình có biến phụ thuộc giới hạn.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
6	Tài chính công	Trang bị cho học viên kiến thức về chính sách tài chính công hiện đại, giúp học viên có góc nhìn tổng thể hơn và tiếp cận có hệ thống hơn về triết lý cũng như lý thuyết tài chính công để tiến hành các công trình nghiên cứu khoa học hàn lâm.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		- Bên cạnh việc hiểu ý nghĩa lý luận, môn học còn chú ý đến những vấn đề về kinh tế học hiện đại được vận dụng vào lĩnh vực tài chính công, hiệu ứng của chính sách tài chính công...			
7	Quản trị kinh doanh ngân hàng	- Trang bị lý thuyết cơ bản về: Lĩnh vực ngân hàng và tài chính và giúp phát triển các khái niệm về kỹ năng quản lý tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng, các công ty tài chính, công ty chứng khoán trong và ngoài nước, công ty đa quốc gia. Nắm bắt sự hiểu biết toàn diện về cách quản lý các khía cạnh kinh doanh trong ngành tài chính ngân hàng. Hiểu biết về cách thức sử dụng các hợp đồng phái sinh nhằm phòng chống rủi ro trong các tổ chức tài chính ngân hàng. Hoạch định được chiến lược tài chính, quản lý tài chính tiền tệ, tín dụng, ngân quỹ tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các công ty tài chính, công ty chứng khoán trong và ngoài nước, công ty đa quốc gia. Hiểu biết phương thức thâm nhập thị trường mới thực hiện việc thiết lập và quản lý mạng lưới của các tổ chức tài chính ngân hàng. Hiểu biết bản chất, nguyên nhân và ảnh hưởng của quá trình hợp nhất trong hệ thống ngân hàng. Nắm bắt những yếu tố kinh tế, pháp lý mà một ngân hàng cần phải xem xét khi muốn tiến hành sát nhập và mua bán lại ngân hàng. - Trang bị học thuật một cách toàn diện về các nội dung về tài chính ngân hàng, về quản trị tài chính ngân hàng, quản trị nhân sự ngân hàng, giúp nhà quản trị tài chính ngân hàng vận dụng lý thuyết cơ bản để quản trị tài chính ngân hàng tốt nhất, đem lại lợi nhuận cao và đảm bảo an toàn vốn cho NHTM.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
8	Các chủ đề đương đại về tài chính ngân hàng	Hiểu được kiến thức chuyên sâu về xu hướng hoạt động của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thời kỳ hiện đại Hiểu và giải thích các vấn đề của hệ thống tài chính ngân hàng ở Việt Nam và khu vực	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
9	Quản trị tài chính	Hiểu được bản chất của quản trị tài chính, vai trò của nhà quản trị tài chính trong doanh nghiệp, hiểu được vấn đề chi phí đại diện sẽ được giảm thiểu đáng kể	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		nếu môi trường quản trị doanh nghiệp tốt. Hiểu được cách thức các doanh nghiệp quản trị rủi ro kinh doanh và quản trị rủi ro tài chính khi thực hiện quyết định đầu tư và quyết định tài trợ. Nắm được cách thức doanh nghiệp ra quyết định tài trợ và tác động của quyết định tài trợ đến giá trị doanh nghiệp. Nắm được cách thức doanh nghiệp ra quyết định phân phối và tác động của quyết định phân phối đến giá trị doanh nghiệp. Nắm được cách thức hoạch định chiến lược tài chính nhằm tối đa hoá giá trị doanh nghiệp.			Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
10	Thống kê và phân tích dữ liệu	- Kiến thức: Học viên sau khi kết thúc môn học sẽ có được những kiến thức sau: Nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê trong kinh tế, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế - xã hội, các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Thực hành được quy trình nghiên cứu thống kê. Lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu, từng mối quan hệ kinh tế. Sử dụng được các phương pháp chọn mẫu để thu thập và xử lý dữ liệu. Áp dụng được mô hình thống kê, mô hình kinh tế lượng trong dự báo các hiện tượng kinh tế. Sử dụng được thành thạo các phần mềm thống kê bao gồm SPSS và AMOS - Kỹ năng: Kỹ năng sử dụng các phần mềm thống kê phân tích dữ liệu sơ cấp và thứ cấp để dự báo, hoạch định và xây dựng chiến lược doanh nghiệp, hỗ trợ vấn đề ra quyết định Kỹ năng đọc và hiểu ý nghĩa của các con số thống kê Kỹ năng thiết lập mô hình toán thống kê cho các hiện tượng kinh tế Kỹ năng phát triển tư duy phản biện, giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình giúp người học tự tin hơn, có thể hòa nhập với môi trường làm việc tốt hơn.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
11	Đầu tư và Quản trị danh mục đầu tư	Nắm được các đặc điểm chính của môi trường đầu tư tài chính và các công cụ đầu tư tài chính; Diễn giải khái niệm danh mục đầu tư, hiệu quả đa dạng hóa danh mục đầu tư và quá trình quản lý danh mục đầu tư. Hiểu các lý thuyết về danh mục đầu tư và thị trường vốn; Nắm bắt các chiến lược đầu tư	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
12	Tài chính phái sinh và Quản trị rủi ro tài chính	Hiểu về thị trường giao dịch các công cụ phái sinh; Nắm được bản chất của các công cụ phái sinh cơ bản (kỳ hạn, tương lai, hoán đổi và quyền chọn). Nhận biết và phân tích được các rủi ro cũng như cơ hội kinh doanh của các định chế tài chính; Đề xuất việc sử dụng các công cụ phái sinh để kinh doanh và phòng ngừa rủi ro.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (70%)
13	Tài chính quốc tế	- Trang bị lý thuyết cơ bản về: Công ty đa quốc gia; thị trường tài chính quốc tế; tác động của Chính phủ đến tỷ giá; ngang giá lãi suất; mối quan hệ lãi suất-lạm phát-tỷ giá; thực hiện được dự báo tỷ giá; biến động tỷ giá và các biện pháp phòng ngừa; đầu tư trực tiếp nước ngoài; lập ngân sách vốn công ty đa quốc gia; phân tích rủi ro ở một quốc gia; cấu trúc vốn và chi phí sử dụng vốn của công ty đa quốc gia; tài trợ dài hạn và ngắn hạn ở công ty đa quốc gia; quản trị tiền mặt của công ty đa quốc gia... nhằm giảm chi phí tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và do đó làm tăng giá trị công ty đa quốc gia. - Trang bị học thuật một cách toàn diện về các nội dung: tài chính quốc tế, quản lý tài chính quốc tế, giúp học viên vận dụng lý thuyết cơ bản để kinh doanh quốc tế.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (70%)
14	Phân tích tài chính	Người học hiểu và ứng dụng phân tích tài chính trong quản trị doanh nghiệp; Nhận biết, giải thích những chính sách đầu tư, huy động vốn và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp; Có thể nhận biết, giải thích rủi ro của doanh nghiệp đề xuất các giải pháp để kiểm soát rủi ro của doanh nghiệp Giải thích và lập dự toán doanh thu, báo cáo tài chính dự kiến của doanh nghiệp	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
15	Chuyên đề nghiên cứu tài chính ngân hàng	Hiểu và vận dụng kiến thức chuyên sâu về cách thức nghiên cứu, hình thành đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; Đánh giá khả năng vận dụng các nội dung, phương pháp nghiên cứu vào việc thực hiện đề tài nghiên cứu.	3	HK2	Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (100%)
16	Luận văn tốt nghiệp	Rèn luyện kỹ năng tổng hợp các kiến thức đã học trên mọi phương diện. Rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc. Độc lập, tự chủ tạo ra một bản thiết kế, một bản luận văn hoàn chỉnh.	15	HK3	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận văn
C.1.3. Ngành Kế toán					
1	Triết học	Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng vực công tác mà học viên đang đảm nhận	4	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư duy; học viên có thể hệ thống kiến thức đã học cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động nghề nghiệp, ... cũng như hoàn thành Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ chất lượng.	2	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
3	Kinh tế học	- Học phần giúp học viên hiểu biết và nắm bắt được một số vấn đề cơ bản của kinh tế học như: quan hệ cung cầu, hệ số co giãn và ứng dụng, lý thuyết sản xuất, tiêu dùng, cách vận hành nền kinh tế của Chính phủ khi thực hiện những chính sách kinh tế, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn, vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế hiện đại, ảnh hưởng của các dòng vốn đến nền kinh tế quốc gia, hay khu vực. Đặc biệt, học phần sẽ giúp học viên nghiên	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		cứu, phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế trong thực tế theo nhiều quan điểm khác nhau.			
4	Luật Hợp đồng	Hiểu và giải thích được các yêu cầu của pháp luật liên quan đến quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng. Hiểu các quy định của pháp luật về điều kiện để hợp đồng phát sinh hiệu lực cùng các trường hợp vô hiệu và hậu quả của nó. Có kỹ năng thực hành giao kết và thực hiện hợp đồng.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
5	Thống kê và phân tích dữ liệu	- Kiến thức: Học viên sau khi kết thúc môn học sẽ có được những kiến thức sau: Nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê trong kinh tế, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế - xã hội, các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Thực hành được quy trình nghiên cứu thống kê. Lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu, từng mối quan hệ kinh tế. Sử dụng được các phương pháp chọn mẫu để thu thập và xử lý dữ liệu. Áp dụng được mô hình thống kê, mô hình kinh tế lượng trong dự báo các hiện tượng kinh tế. Sử dụng được thành thạo các phần mềm thống kê bao gồm SPSS và AMOS - Kỹ năng: Kỹ năng sử dụng các phần mềm thống kê phân tích dữ liệu sơ cấp và thứ cấp để dự báo, hoạch định và xây dựng chiến lược doanh nghiệp, hỗ trợ vấn đề ra quyết định Kỹ năng đọc và hiểu ý nghĩa của các con số thống kê Kỹ năng thiết lập mô hình toán thống kê cho các hiện tượng kinh tế Kỹ năng phát triển tư duy phản biện, giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình giúp người học tự tin hơn, có thể hòa nhập với môi trường làm việc tốt hơn.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
6	Kinh tế lượng	Xây dựng và ước lượng được mô hình hồi quy tuyến tính đa biến bằng phương pháp OLS; Biết và thực hiện được kiểm định giả	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		thuyết; Biết được đặc trưng và ứng dụng của các mô hình hồi quy có biến giả định tính; Biết được đặc trưng và ứng dụng của mô hình có biến phụ thuộc giới hạn.			Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
7	Kế toán tài chính	Trang bị lý thuyết cơ bản về: Các nghiệp vụ, phương pháp, trình tự hạch toán và nhiệm vụ của kế toán viên đối với các phần hành kế toán về tài sản ngắn hạn, dài hạn trong doanh nghiệp cũng như biết ý nghĩa định khoản các đối tượng kế toán liên quan đến quá trình tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
8	Kiểm soát nội bộ	Hiểu và giải thích được quá trình hình thành và phát triển của các lý thuyết và thực tiễn về kiểm soát nội bộ; Giải thích các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ trong tổ chức theo báo cáo COSO; Ứng dụng các nguyên tắc cơ bản của kiểm soát nội bộ để đánh giá, thiết kế hoạt động kiểm soát nội bộ đối với các hoạt động chủ yếu của đơn vị sản xuất kinh doanh bao gồm: hoạt động mua hàng, bán hàng, tiền lương, các giao dịch liên quan đến tài chính và tài sản cố định	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
9	Kế toán công	Trang bị lý thuyết cơ bản về kế toán công - Xác định được về các nghiệp vụ chuyên môn như phân loại chi phí, kỹ thuật quản lý chi phí theo công việc, theo đơn đặt hàng, theo quá trình, trên cơ sở hoạt động (ABC); phân tích CVP, ra quyết định ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch ngân sách; Bảng điểm cân bằng; kế toán trách nhiệm; phân tích tình hình tài chính; ... - Báo cáo được công việc tổ chức công tác kế toán quản trị chung cũng như quy trình thực hiện các phần hành kế toán tại đơn vị thực tập; - Vận dụng được kiến thức chuyên ngành kế toán về phân loại chi phí, kỹ thuật quản lý chi phí theo công việc, theo đơn đặt hàng, theo quá trình, trên cơ sở hoạt động (ABC); phân tích CVP, ra quyết định ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch ngân sách; Bảng điểm cân bằng; kế toán	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		trách nhiệm; phân tích tình hình tài chính; ... vào phân tích và đưa ra các giải pháp thúc đẩy, nâng cao hiệu quả quản trị cho đơn vị cụ thể cũng như áp dụng vào việc nghiên cứu và tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. - Áp dụng được kiến thức về chuyên ngành Kế toán về phân loại chi phí, kỹ thuật quản lý chi phí theo công việc, theo đơn đặt hàng, theo quá trình, trên cơ sở hoạt động (ABC); phân tích CVP, ra quyết định ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch ngân sách; Bảng điểm cân bằng; kế toán trách nhiệm; phân tích tình hình tài chính; ... để thực hiện được Luận văn tốt nghiệp và học bổ sung kiến thức để đạt đủ tiêu chuẩn tốt nghiệp theo quy định			
10	Kế toán quản trị	- Trang bị lý thuyết cơ bản về: + Xác định được về các nghiệp vụ chuyên môn như phân loại chi phí, kỹ thuật quản lý chi phí theo công việc, theo đơn đặt hàng, theo quá trình, trên cơ sở hoạt động (ABC); phân tích CVP, ra quyết định ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch ngân sách; Bảng điểm cân bằng; kế toán trách nhiệm; phân tích tình hình tài chính; ... + Báo cáo được công việc tổ chức công tác kế toán quản trị chung cũng như quy trình thực hiện các phần hành kế toán tại đơn vị thực tập; + Vận dụng được kiến thức chuyên ngành kế toán về phân loại chi phí, kỹ thuật quản lý chi phí theo công việc, theo đơn đặt hàng, theo quá trình, trên cơ sở hoạt động (ABC); phân tích CVP, ra quyết định ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch ngân sách; Bảng điểm cân bằng; kế toán trách nhiệm; phân tích tình hình tài chính; ... vào phân tích và đưa ra các giải pháp thúc đẩy, nâng cao hiệu quả quản trị cho đơn vị cụ thể cũng như áp dụng vào việc nghiên cứu và tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. + Áp dụng được kiến thức về chuyên ngành Kế toán về phân loại chi phí, kỹ thuật quản lý chi phí theo công việc, theo đơn đặt hàng, theo quá trình, trên cơ sở	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		hoạt động (ABC); phân tích CVP, ra quyết định ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch ngân sách; Bảng điểm cân bằng; kế toán trách nhiệm; phân tích tình hình tài chính; ... để thực hiện được Luận văn tốt nghiệp và học bổ sung kiến thức để đạt đủ tiêu chuẩn tốt nghiệp theo quy định.			
11	Phân tích tài chính	Trang bị lý thuyết cơ bản về: + Các phương pháp sử dụng trong phân tích tài chính, phân tích dự báo vào các tình huống thực tế. + Ứng dụng các kỹ thuật phân tích tài chính trong thực tế và nghiên cứu. + Ứng dụng việc phân tích chính sách tài chính, tiềm lực tài chính và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
12	Kiểm toán	Trang bị lý thuyết cơ bản về: - Kiến thức: nắm vững các vấn đề cơ bản về kiểm toán và các hình thức kiểm toán. Các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán, qui trình một cuộc kiểm toán. Các ý kiến hậu kiểm toán. - Thái độ, chuyên cần: Nắm vững lý thuyết giảng trên lớp. Kết hợp với nghiên cứu tài liệu tham khảo, tham gia thảo luận và làm các bài tập tình huống bắt buộc nhằm rèn luyện các kỹ năng và tích cực vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động kiểm toán.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
13	Tài chính phái sinh và Quản trị rủi ro tài chính	Hiểu về thị trường giao dịch các công cụ phái sinh; Nắm được bản chất của các công cụ phái sinh cơ bản (kỳ hạn, tương lai, hoán đổi và quyền chọn). Nhận biết và phân tích được các rủi ro cũng như cơ hội kinh doanh của các định chế tài chính; Đề xuất việc sử dụng các công cụ phái sinh để kinh doanh và phòng ngừa rủi ro.	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (70%)
14	Lý thuyết kế toán	Trình bày các vấn đề cốt lõi trong lý thuyết kế toán; Nhận định các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng các chuẩn mực hoặc chế độ kế toán; Phân tích sự khác biệt về nguyên tắc kế	3	HK2	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		toán được áp dụng rộng rãi trong một số quốc gia			
15	Chuyên đề nghiên cứu kế toán	Hiểu và vận dụng kiến thức chuyên sâu về cách thức nghiên cứu, hình thành đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; Đánh giá khả năng vận dụng các nội dung, phương pháp nghiên cứu vào việc thực hiện đề tài nghiên cứu.	3	HK2	Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (100%)
16	Luận văn tốt nghiệp	- Rèn luyện kỹ năng tổng hợp các kiến thức đã học trên mọi phương diện. Rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc. - Độc lập, tự chủ tạo ra một bản thiết kế, một bản luận văn hoàn chỉnh.	15	HK3	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận văn
C.1.4. Ngành Ngôn ngữ Anh					
1	Seminar on Academic Writing	Nắm vững phương cách viết văn bản học thuật. Nắm vững các dạng văn bản và văn phong của văn bản học thuật; Sử dụng chính xác các điểm ngữ pháp thường được sử dụng trong văn bản học thuật. Sử dụng hợp lý cách viết để tránh đạo văn. So sánh, đánh giá các dạng văn bản học thuật. Phân tích văn bản thiên về giải quyết vấn đề. Bình luận dữ liệu được sử dụng trong văn bản học thuật. Phân tích, đánh giá bài báo khoa học đã được công bố. So sánh, đánh giá về các thành phần chính yếu của các bài nghiên cứu khoa học. Tổ chức làm việc nhóm, thảo luận và phản biện các vấn đề liên quan đến nội dung học và nghiên cứu.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
2	Issues in Applied Linguistics	- Hiểu và phân tích đặc trưng về từ vựng, ngữ pháp và pháp âm trong tiếng Anh; quá trình dạy và học, các chiến lược phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; các yếu tố tâm lý đối với người dạy và người học tiếng Anh. Có khả năng phân tích các đặc trưng về từ vựng, ngữ pháp và pháp âm. - Có khả năng vận dụng các kiến thức về	3	HK1	Quá trình: Bài tập nhóm cần (30%); Cuối kỳ: Bài tập cá nhân (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		đặc trưng ngôn ngữ và quá trình phát triển các kỹ năng học tiếng vào giảng dạy và các hoạt động chuyên môn khác. - Có khả năng thực hiện các nghiên cứu quy mô nhỏ thể hiện sự vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ học trong quá trình giảng dạy và các hoạt động chuyên môn khác			
3	Triết học	Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng vực công tác mà học viên đang đảm nhận	4	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
4	Issues in Linguistics	Có hiểu biết khoa học về bản chất ngôn ngữ và những lĩnh vực nghiên cứu liên quan - Có kiến thức cập nhật về các vấn đề và xu hướng nghiên cứu ngôn ngữ học hiện đại - Có kiến thức tổng quan về các phương hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu các chuyên ngành hẹp trong ngôn ngữ học Có khả năng phân tích một ngôn ngữ; hình thành tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp và kỹ năng nghiên cứu - Có khả năng phân tích các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ và tư duy tìm ý tưởng giải quyết vấn đề - Có kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, làm việc độc lập và làm việc nhóm	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
5	Advanced English Language Teaching	Học phần này không chỉ cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp giảng dạy tiếng Anh ở các trình độ khác nhau mà còn trang bị cho học viên kiến thức sâu rộng về phương pháp dạy tiếng Anh nâng cao và việc ứng dụng công nghệ vào giảng dạy. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu cách kiểm tra và đánh giá từng kỹ năng tiếng Anh như thiết kế và phân chia hoạt động cho một đề thi	3	HK2	Quá trình: 2 bài kiểm tra, (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		hay bài giảng, cách đánh giá giáo trình, đề cương chi tiết hoặc bài dạy và cách đánh giá kết quả của người học.			
6	Language Testing and Assessment	Hiểu và phân biệt được các dạng thức, mục đích của các bài kiểm tra khác nhau, các thuộc tính của một bài kiểm tra năng lực ngôn ngữ, nguyên lý của việc kiểm tra đánh giá, cách thiết kế bài kiểm tra cho từng kỹ năng ngôn ngữ, cách cho điểm và các hình thức đánh giá khác nhau. Có khả năng phân tích, đánh giá các thuộc tính của một bài kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ của người học. - Có khả năng thiết kế bài kiểm tra năng lực ngôn ngữ của người học ở từng kỹ năng riêng biệt cũng như bài kiểm tra tích hợp nhiều kỹ năng. - Có khả năng thực hiện các nghiên cứu quy mô nhỏ liên quan đến kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ. - Có khả năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và vận dụng kỹ năng tư duy phản biện.	3	HK1	Quá trình: Bài tập cá nhân, Bài tập nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
7	Tiếng Pháp 1	Học phần nhằm giúp người học hiểu rõ văn phạm cơ bản của tiếng Pháp để diễn đạt, kể lại, tranh luận, bày tỏ suy nghĩ, giao tiếp, v.v. Học phần gồm có 16 bài (1-16) đề cập đến các vấn đề trong xã hội như thời trang, gia đình, nhà ở, phương tiện di chuyển, khuynh hướng ẩm thực ... của người Pháp	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
8	Tiếng Pháp 2	Học phần nhằm giúp người học hiểu rõ văn phạm nâng cao của tiếng Pháp để diễn đạt, kể lại, tranh luận, bày tỏ suy nghĩ, giao tiếp, v.v. Học phần gồm có 16 bài (17-31) đề cập đến các vấn đề trong xã hội như nạn thất nghiệp, đến môi trường công việc, đến những thú vui chơi, giải trí của người Pháp	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
9	Tiếng Nhật 1	Học phần nhằm cung cấp cho học viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Nhật. Bên cạnh đó, học viên được rèn luyện thêm các kỹ năng nghe, đọc và nói với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình. Học phần gồm có 5 bài xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (sở thích, du lịch, việc	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		làm...).			
10	Tiếng Nhật 2	Học phần nhằm cung cấp cho học viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm có độ khó trung bình trong tiếng Nhật. Học viên được rèn luyện thêm các kỹ năng nghe, đọc và nói với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày trong 5 bài học.	3	HK1	Bài tập nhóm Kiểm tra tự luận (30%); Cuối kỳ: Đề cương nghiên cứu (70%)
11	Tiếng Trung Quốc 1	Học phần “tiếng Trung Quốc 1” trang bị cho học viên kiến thức về ngữ âm, chữ viết, ngữ pháp cơ bản và những câu giao tiếp đơn giản trong tiếng Trung với những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Thông qua các bài tập mô phỏng hội thoại, học viên có thể thực hiện những câu giao tiếp đơn giản xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (thông tin cá nhân cơ bản, thông tin gia đình, số đếm, ngày giờ, thời tiết, màu sắc, mua sắm, hàng xóm, công việc,).	3	HK1	Bài tập nhóm Kiểm tra tự luận (30%); Cuối kỳ: Đề cương nghiên cứu (70%)
12	Tiếng Trung Quốc 2	Học phần “tiếng Trung Quốc 2” củng cố và trang bị cho học viên kiến thức về ngữ âm, chữ viết, ngữ pháp cơ bản và những tình huống giao tiếp đơn giản trong tiếng Trung với những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Học viên được rèn luyện kỹ hơn về ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin hơn với các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (mời khách, thăm bệnh, hẹn hò, tham dự tiệc, hỏi thăm tình hình thi cử, công việc v.v...).	3	HK1	Bài tập nhóm Kiểm tra tự luận (30%); Cuối kỳ: Đề cương nghiên cứu (70%)
13	Materials Design in ELT	Phân biệt được tài liệu trong lớp học tiếng Anh được sử dụng trong và ngoài nước. Hiểu cách thiết kế và đánh giá tài liệu giảng dạy tiếng Anh ở nhiều ngữ cảnh khác nhau. Hiểu cách kết hợp công nghệ vào thiết kế tài liệu giảng dạy tiếng Anh; Lồng ghép các yếu tố văn hóa vào tài liệu giảng dạy tiếng Anh.	3	HK2	Quá trình: Bài tập nhóm, thuyết trình cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		Áp dụng công nghệ vào việc thiết kế tài liệu giảng dạy tiếng Anh. Phân tích, so sánh và kế thừa các nguồn tài liệu khác nhau. Thu thập dữ liệu và phát triển tài liệu giảng dạy tiếng Anh. Đánh giá tài liệu giảng dạy tiếng Anh. Tổ chức làm việc nhóm, thảo luận và phản biện các vấn đề liên quan đến nội dung học và nghiên cứu.			
14	Research Methodology	Nắm vững các khái niệm trong nghiên cứu và các thành phần chính yếu của một đề tài nghiên cứu khoa học. Phân biệt các cách tiếp cận và phương pháp thường được sử dụng trong nghiên cứu liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh, bao gồm phương pháp nghiên cứu định lượng, phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp.	3	HK2	Quá trình: bài tập nhóm, thuyết trình (30%); Cuối kỳ: Đề cương nghiên cứu (70%)
15	Intercultural Communication	Có kiến thức về giá trị văn hoá và cấu trúc văn hoá của các nền văn hoá tiêu biểu. - Có kiến thức về các đặc thù và cách thức giao tiếp khác nhau của các nền văn hoá tiêu biểu. Có khả năng thấu hiểu sâu sắc hơn về giao tiếp liên văn hóa. - Có khả năng quan sát, phân tích, tổng hợp, chuyển biến các kinh nghiệm thành tri thức. - Có khả năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và tư duy phản biện.	3	HK2	Quá trình: bài tập nhóm, thuyết trình (30%); Cuối kỳ: Đề cương nghiên cứu (70%)
16	Language, Culture and Society	Hiểu và phân tích được mối tương quan giữa ngôn ngữ, văn hóa và ngữ cảnh giao tiếp, các đặc trưng của quá trình tương tác xã hội, giao tiếp liên văn hóa, phép lịch sự, yếu tố giới tính trong việc sử dụng ngôn ngữ, các biến thể của tiếng Anh trên thế giới và áp dụng các kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và xã hội trong giảng dạy tiếng Anh và hoạt động dịch thuật.	3	HK2	Quá trình: bài tập nhóm, thuyết trình (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
17	Literature in English Language Teaching	Học phần Văn học trong Giảng dạy tiếng Anh cung cấp cho người học hiểu rõ các định nghĩa, khái niệm cơ bản về các thể loại điển hình trong văn học như tiểu thuyết (phi) hư cấu, truyện ngắn, thơ, kịch.	3	HK2	Quá trình: thuyết trình, báo cáo nhóm, (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		Trong và sau khóa học, người học có thể vận dụng sáng tạo kiến thức đã tiếp thu được để tìm ra phương pháp dạy học hợp lý khi tiếp cận đa dạng các thể loại văn học và biết cách tổ chức các giờ văn học hiệu quả để nâng cao hiệu quả dạy và học ngoại ngữ.			(70%)
18	Translation in English Language Teaching	Nắm rõ nguyên tắc chung của dịch thuật, các khái niệm và thuật ngữ quan trọng trong dịch thuật cũng như những thách thức hiện tại trong lĩnh vực dịch thuật. Nắm được những yếu tố ngôn ngữ, văn hóa-xã hội ảnh hưởng đến quá trình dịch thuật từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích.	3	HK2	Quá trình: bài tập nhóm, bài tập cá nhân (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
19	Discourse Analysis	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức liên quan đến phân tích diễn ngôn. Học phần này cũng chỉ ra tính hữu ích của nghiên cứu diễn ngôn trong việc dạy và học ngôn ngữ. Ngoài ra, học viên sẽ có cơ hội tìm hiểu tính liên môn của học phần này với các học phần như ngữ dụng học và ngôn ngữ học xã hội.	3	HK2	Quá trình: bài tập nhóm, kiểm tra tự luận (30%); Cuối kỳ: kiểm tra trắc nghiệm (70%)
20	Technology in English Language Teaching	Có hiểu biết về vai trò, đặc điểm, các ứng dụng và nguyên lý của việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học ngoại ngữ; Có khả năng thiết kế các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp với nguyên lý dạy học sử dụng CNTT - Có kỹ năng đọc và phản biện các nghiên cứu khoa học liên quan đến việc sử dụng CNTT trong dạy học ngoại ngữ	3	HK2	Quá trình: thuyết trình, báo cáo nhóm, (30%); Cuối kỳ: tiểu luận cá nhân (70%)
21	Seminar on Thesis Writing	Có kiến thức cơ bản về các khái niệm liên quan đến kỹ năng viết luận văn tốt nghiệp, kết cấu nội dung, bố cục và văn phong của một luận văn thạc sĩ. Có khả năng viết luận văn tốt nghiệp với cấu trúc và văn phong học thuật.	3	HK3	Bài tập nhóm Kiểm tra tự luận (30%); Cuối kỳ: Đề cương nghiên cứu (70%)
22	Luận văn tốt nghiệp	- Rèn luyện kỹ năng tổng hợp các kiến thức đã học trên mọi phương diện. Rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc. - Độc lập, tự chủ tạo ra một bản thiết kế, một bản luận văn hoàn chỉnh.	15	HK3	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận văn
C.1.4. Ngành Luật Kinh tế					
1	Triết học	Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực	4	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng vực công tác mà học viên đang đảm nhận			chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư duy; Học viên có thể hệ thống kiến thức đã học cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực pháp luật, ... cũng như hoàn thành luận văn tốt nghiệp thạc sĩ chất lượng.	2	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, điểm chuyên cần (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (đề cương luận văn) (70%)
3	Luật Hợp đồng	Hiểu và giải thích được các yêu cầu của pháp luật liên quan đến quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng. Hiểu các quy định của pháp luật về điều kiện để hợp đồng phát sinh hiệu lực cùng các trường hợp vô hiệu và hậu quả của nó. Có kỹ năng thực hành giao kết và thực hiện hợp đồng.	3	HK1	Quá trình: bài kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
4	Pháp luật về tài sản	Có kiến thức cơ bản về pháp luật tài sản như các loại tài sản, phân loại tài sản, chiếm hữu tài sản, các quyền khác đối với tài sản.... Vận dụng pháp luật về tài sản nói chung. Xác định được tầm quan trọng của vấn đề áp dụng pháp luật của tòa án từ đó xác định được các giới hạn và chuẩn mực đạo đức cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến hoạt động này	3	HK1	Bài kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
5	Pháp luật về công ty	Pháp luật về Công ty là môn học tập trung vào các chủ đề có tính chất nền tảng lý thuyết xoay xung quanh các tính chất cơ bản của công ty, trong đó có tính trách nhiệm hữu hạn và tư cách pháp nhân, lý thuyết đại diện (agency problem), và chủ đề có liên quan là kiểm soát quản trị (corporate governance). Môn học cũng giới thiệu về các kỹ năng nghiên cứu như phân tích bản án, và đề cao tính nguyên	3	HK1	kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		gốc trong hoạt động nghiên cứu, trong đó đặt ra vấn đề về dẫn nguồn và tránh đạo văn trong soạn thảo.			
6	Pháp luật về thuế	Học phần pháp luật thuế trong hoạt động kinh doanh giới thiệu các kiến thức về pháp luật thuế áp dụng trong hoạt động kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay; cũng như trang bị cho học viên những kỹ năng cần thiết để có thể tham gia vào quá trình tư vấn về thuế, quản lý, điều hành doanh nghiệp và các hoạt động tổ tụng khác. Những nội dung chính của môn học bao gồm: - Mục tiêu và các phương pháp tiếp cận, xử lý vấn đề, khảo sát và xác định yêu cầu kỹ năng trong quá trình nghiên cứu môn học. - Phương pháp, công cụ sử dụng trong tham gia tiếp thu kiến thức môn học. - Các kỹ năng nhận diện và xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến môn học.	3	HK1	kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
7	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu của lĩnh vực luật kinh tế để học viên nắm bắt được bản chất của hoạt động cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan sử dụng nguồn lực nhà nước trong đấu thầu và lựa chọn nhà đầu tư trong hợp tác công tư; bản chất và hình thức của phương thức mua bán tài sản đấu giá, đặc biệt là đấu giá bắt buộc. Môn học góp phần trang bị và phát triển kỹ năng ứng dụng khi tham gia vào các hoạt động liên quan đấu thầu và đấu giá (trong đó có việc lập kế hoạch và chuẩn bị hồ sơ lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng trong đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng hợp tác công tư, tổ chức các hoạt động đấu giá bắt buộc); khiếu nại và giải quyết tranh chấp liên quan đấu thầu, đấu giá.	3	HK1	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
8	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Môn học có đối tượng, phạm vi nghiên cứu là lý thuyết làm cơ sở để xây dựng và đánh giá quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản; quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản; thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản	3	HK1	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
9	Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm	Học phần giới thiệu các kiến thức chuyên sâu về người tiêu dùng, vấn đề bảo vệ người tiêu dùng và quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo pháp luật	3	HK2	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		Việt Nam. Cụ thể nội dung chính của môn học bao gồm: - Tổng quan về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: trên thế giới và Việt Nam - Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng - Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh - Trách nhiệm sản phẩm - Giải quyết tranh chấp liên quan đến người tiêu dùng			luận (70%)
10	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	Môn học này trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam trên cơ sở các kiến thức chung về tài sản và quyền sở hữu đối với tài sản mà học viên đã được học. Nhận diện tài sản trí tuệ tồn tại trong doanh nghiệp và các chủ thể khác. - Phân biệt tài sản trí tuệ, sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ, các nhóm quyền sở hữu trí tuệ. - Đối tượng bảo hộ, đối tượng loại trừ của quyền tác giả và quyền liên quan; điều kiện, cơ chế bảo hộ, nội dung bảo hộ, quyền của chủ thể và hạn chế quyền, thời gian bảo hộ, đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan. - Đối tượng bảo hộ, đối tượng loại trừ của quyền sở hữu công nghiệp; điều kiện, cơ chế bảo hộ, nội dung bảo hộ, quyền của chủ thể và hạn chế quyền, thời gian bảo hộ, vấn đề xác lập quyền đối với từng đối tượng sở hữu công nghiệp. - Đối tượng bảo hộ, đối tượng loại trừ của quyền đối với giống cây trồng; điều kiện, cơ chế bảo hộ, nội dung bảo hộ, quyền của chủ thể và hạn chế quyền, thời gian bảo hộ, vấn đề xác lập quyền đối với giống cây trồng	3	HK2	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
11	Pháp luật về thương mại	Giúp người học có hiểu biết một cách đầy đủ về thương nhân và các hoạt động thương mại. Phân biệt được từng loại thương nhân với những đặc điểm pháp lý khác nhau, biết nhận diện những ưu điểm, hạn chế của từng loại thương nhân. Hiểu biết về việc thành lập, tổ chức lại và giải thể thương nhân. Biết cách tổ chức quản lý hoạt động của các loại thương nhân phù hợp với quy định pháp luật nhằm đạt mục tiêu lợi	3	HK2	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		nhuận. Hiểu biết về cách thức góp vốn và xử lý vốn trong hoạt động thương mại của từng loại thương nhân. Có ý thức trong quản lý kinh doanh nhằm hạn chế rủi ro dẫn đến tình trạng phá sản. Biết cách vận dụng các quy định pháp luật về phá sản nhằm tránh những thiệt hại nặng nề khi ở trong tình trạng phá sản.			
12	Pháp luật về thương mại quốc tế	Mon học cung cấp những kiến thức cơ bản về Luật thương mại quốc tế nâng cao so với môn Luật Thương mại quốc tế ở Chương trình đào tạo Cử nhân Luật và những kỹ năng cần thiết để học viên có thể phân tích, đánh giá, bình luận, tư vấn được các vụ việc, các mối quan hệ phát sinh giữa các chủ thể luật quốc tế trong hoạt động thương mại quốc tế. Những nội dung chính của môn học bao gồm: - Các vấn đề pháp lý cơ bản về đàm phán và thực hiện điều ước quốc tế trong lĩnh vực thương mại quốc tế; - Vai trò và ảnh hưởng của thương mại quốc tế đối với nền kinh tế thế giới, khu vực và quốc gia - Cơ sở pháp lý quốc tế của hoạt động và quan hệ thương mại quốc tế - Phân biệt các loại hình quan hệ của thương mại quốc tế - Các vấn đề pháp lý cơ bản về Hiệp định thương mại tự do (FTA) truyền thống và Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; - Các vấn đề phi thương mại trong các Hiệp định thương mại tự do tự do thế hệ mới; - Thuận lợi và thách thức của Việt Nam khi đàm phán và thực hiện các Hiệp định thương mại tự do; - Xu hướng đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới - Phương thức thực thi các Hiệp định thương mại tự do thế hệ của Việt Nam	3	HK2	kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
13	Pháp luật về môi trường	Học phần giới thiệu các kiến thức về môi trường bao gồm các quan điểm, các học thuyết của khoa học pháp lý, khoa học kinh tế có liên quan đến môi trường, các quy định của pháp luật về môi trường. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để có thể tham gia vào hoạt động quản lý môi trường, giải quyết tranh chấp môi trường, thực hiện các dự án đầu tư	3	HK2	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		trong lĩnh vực môi trường, nghiên cứu pháp uật môi trường. Những nội dung chính của môn học bao gồm: - Tổng quan pháp luật môi trường: yêu cầu của bảo vệ môi trường trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, các nguyên tắc của luật môi trường.... - Pháp luật về tài nguyên thiên nhiên: chế độ sở hữu, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên - Pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường: Nghĩa vụ bảo vệ môi trường của các chủ thể kinh doanh, ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường, kinh doanh dịch vụ môi trường, giải quyết tranh chấp môi trường... - Luật Quốc tế về môi trường: các quy định về môi trường của WTO, Luật quốc tế về ứng phó khí hậu biến đổi....			
14	Tiếng Anh pháp lý	Học phần này cung cấp cho học viên các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành Luật như: luật lao động, pháp luật công ty, luật thương mại, luật môi trường ... đồng thời giúp người học nghe và nhận biết, hiểu được những từ vựng chuyên ngành được nhắc đến trong đoạn hội thoại hay bài nói chuyện, phát biểu, bài giảng... phát triển kỹ năng viết cho học viên với các dạng bài viết trong môi trường làm việc liên quan đến lĩnh vực luật.	3	HK2	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: Thi cuối kỳ (70%)
14	Pháp luật Hợp đồng thương mại quốc tế	Các vấn đề pháp lý cơ bản về đàm phán và thực hiện điều ước quốc tế, nhất là CISG trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế; - Soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, vận chuyển, bảo hiểm và nắm được các thủ tục hải quan về xuất nhập khẩu hàng hóa. - Nắm được quy định về ưu đãi thuế quan, hàng rào phi thuế quan trong các Hiệp định thương mại mà Việt Nam gia nhập; - Xu hướng đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	3	HK2	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)
15	Luật đất đai	Môn học Luật Đất đai được xác lập nhằm trang bị cho người học những kiến thức pháp luật về Đất đai, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn	3	HK2	Kiểm tra, bài tập cá nhân/nhóm (30%); Cuối kỳ: tiểu luận (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
		Luật Đất đai với các môn học khác. Nội dung môn học sẽ sơ lược quá trình hình thành và phát triển của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở Việt Nam qua các thời kỳ, quá trình hình thành và phát triển của Luật Đất đai, đi sâu nghiên cứu vào nội dung từng chế định quan trọng của Luật Đất đai			
16	Luận văn tốt nghiệp	- Rèn luyện kỹ năng tổng hợp các kiến thức đã học trên mọi phương diện. - Rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc. - Độc lập, tự chủ tạo ra một bản thiết kế, một bản luận văn hoàn chỉnh.	15	HK3	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận văn

II. Đại học

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kinh tế lượng		QTKD - K2020	3	231A	Tự luận
2	Quản trị Marketing	E	QTKD - K2020	3	231A	Tiểu luận
3	Quản trị rủi ro		QTKD - K2020	3	231A	Tự luận
4	Thương mại điện tử	E	QTKD - K2020	3	231B	Trắc nghiệm
5	Khóa luận tốt nghiệp		QTKD - K2020	12	231B	Báo cáo cuối kỳ
6	Quản trị dự án	E	QTKD - K2020	3	231B	Tự luận
7	Phân tích hoạt động kinh doanh		QTKD - K2020	3	231B	Tự luận
8	Quản trị chuỗi cung ứng	E	QTKD - K2020	3	231B	Tự luận
9	Luật lao động		QTKD - K2020	3	231B	Vấn đáp
10	Quản trị kinh doanh quốc tế	E	QTKD - K2020	3	231B	Tự luận
11	Quản trị sự thay đổi	E	QTKD - K2020	3	231B	Tự luận
12	Quản trị thương hiệu	E	QTKD - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
13	Quản trị quan hệ khách hàng	E	QTKD - K2020	3	232A	Tự luận
14	Quản trị vận hành	E	QTKD - K2020	3	232A	Tự luận
15	Quản trị quan hệ khách hàng	E	QTKD - K2020	3	232A	Tự luận
16	Quản trị dự án	E	QTKD - K2020	3	232A	Tự luận
17	Khởi nghiệp		QTKD - K2020	3	232A	Tiểu luận
18	Thực tập tốt nghiệp		QTKD - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
19	Khóa luận tốt nghiệp		KDQT - K2020	12	231B	Báo cáo cuối kỳ
20	Thị trường chứng khoán	E	KDQT - K2020	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
21	Đầu tư quốc tế	E	KDQT - K2020	3	232A	Tự luận

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22	Thực tập tốt nghiệp		KDQT - K2020	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
23	Triết học Mác – Lênin		KDQT - K2020	3	232A	Trắc nghiệm
24	Tài chính công ty đa quốc gia	E	KDQT - K2020	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
25	Luật thương mại quốc tế		KDQT - K2020	3	232A	Tự luận
26	Quản trị vận hành	E	KDQT - K2020	3	232A	Tự luận
27	Luật thương mại quốc tế		KDQT - K2020	3	232A	Tự luận
28	Chủ nghĩa xã hội khoa học		KDQT - K2020	2	232B	Trắc nghiệm
29	Tư tưởng Hồ Chí Minh		KDQT - K2020	2	232B	Trắc nghiệm
30	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		KDQT - K2020	2	232B	Trắc nghiệm
31	Quản trị quan hệ khách hàng	E	KDTM - K2020	3	231A	Tự luận
32	Quản trị chuỗi cung ứng	E	KDTM - K2020	3	231A	Tự luận
33	Nghiệp vụ ngoại thương		KDTM - K2020	3	231A	Tự luận
34	Khởi nghiệp		KDTM - K2020	3	231B	Tiểu luận
35	Khóa luận tốt nghiệp		KDTM - K2020	12	231B	Tự luận
36	Quản trị kênh phân phối	E	KDTM - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
37	Bán hàng chuyên nghiệp		KDTM - K2020	3	231B	Tự luận
38	Quản trị bán lẻ	E	KDTM - K2020	3	231B	Tự luận
39	Quản trị trung tâm thương mại		KDTM - K2020	3	231B	Tự luận
40	Marketing B2B	E	KDTM - K2020	3	232A	Tự luận
41	Quản trị xúc tiến thương mại		KDTM - K2020	3	232A	Tự luận
42	Cung ứng bán lẻ	E	KDTM - K2020	3	232A	Tự luận
43	Thiết kế cửa hàng và trưng bày hàng hóa		KDTM - K2020	3	232A	Tự luận
44	Thực tập tốt nghiệp		KDTM - K2020	3	232B	Tự luận
45	Marketing trực tiếp	E	Marketing - K2020	3	231A	Tiểu luận
46	Quản trị thương hiệu	E	Marketing - K2020	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
47	Marketing B2B	E	Marketing - K2020	3	231A	Tự luận
48	Quản trị tài chính		Marketing - K2020	3	231B	Tự luận
49	Khóa luận tốt nghiệp		Marketing - K2020	12	231B	Báo cáo cuối kỳ
50	Digital Marketing	E	Marketing - K2020	3	231B	Tiểu luận
51	Marketing dịch vụ	E	Marketing - K2020	3	231B	Tiểu luận
52	Chiến lược giá		Marketing - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
53	Những kỹ thuật làm gia tăng giá trị thương hiệu	E	Marketing - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
54	Marketing quốc tế	E	Marketing - K2020	3	232A	Tiểu luận
55	Thương mại điện tử		Marketing - K2020	3	232A	Tự luận
56	Thương hiệu số		Marketing - K2020	3	232A	Tiểu luận
57	Xây dựng thương hiệu cá nhân	E	Marketing - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
58	Thực tập tốt nghiệp		Marketing - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
59	Nghệ thuật lãnh đạo	E	QTNL - K2020	3	231A	Tự luận
60	Tin học thống kê		QTNL - K2020	3	231A	Trắc nghiệm
61	Tuyển dụng nguồn nhân lực	E	QTNL - K2020	3	231A	Tự luận
62	Hệ thống thông tin nhân sự		QTNL - K2020	3	231B	Tiểu luận
63	Khóa luận tốt nghiệp		QTNL - K2020	12	231B	Tự luận
64	Phân tích và thiết kế công việc	E	QTNL - K2020	3	231B	Tự luận
65	Quản trị thành tích	E	QTNL - K2020	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
66	Phân tích và thiết kế công việc	E	QTNL - K2020	3	231B	Tự luận
67	Quản trị nhân sự cao cấp	E	QTNL - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
68	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	E	QTNL - K2020	3	232A	Tự luận
69	Văn hóa doanh nghiệp		QTNL - K2020	3	232A	Tự luận
70	Quản trị sự thay đổi	E	QTNL - K2020	3	232A	Tự luận
71	Thư tín giao dịch		QTNL - K2020	3	232A	Tự luận
72	Thực tập tốt nghiệp		QTNL - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
73	Triết học Mác – Lênin		LoQLCC - K2020	3	231A	Trắc nghiệm
74	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		LoQLCC - K2020	2	231B	Trắc nghiệm
75	Chủ nghĩa xã hội khoa học		LoQLCC - K2020	2	231B	Trắc nghiệm
76	Tư tưởng Hồ Chí Minh		LoQLCC - K2020	2	231B	Trắc nghiệm
77	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		LoQLCC - K2020	2	231B	Trắc nghiệm
78	Thương mại điện tử	E	LoQLCC - K2020	3	232A	Trắc nghiệm
79	Quản trị hoạt động thu mua toàn cầu	E	LoQLCC - K2020	3	231A	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
80	Thanh toán quốc tế	E	LoQLCC - K2020	3	232A	Tự luận
81	Chuỗi cung ứng bền vững	E	LoQLCC - K2020	3	231A	Tự luận
82	Thực tập tốt nghiệp		LoQLCC - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
83	Khóa luận tốt nghiệp		KT - K2020	12	231B	Tự luận
84	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán		KT - K2020	3	232A	Tự luận
85	Kế toán tài chính 3	E	KT - K2020	3	232A	Tự luận
86	Kiểm toán báo cáo tài chính 2		KT - K2020	3	232A	Tự luận
87	Kế toán tài chính 3	E	KT - K2020	3	232A	Tự luận
88	Thực tập tốt nghiệp		KT - K2020	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
89	Triết học Mác – Lênin		KT - K2020	3	232B	Trắc nghiệm
90	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		KT - K2020	2	232B	Trắc nghiệm
91	Chủ nghĩa xã hội khoa học		KT - K2020	2	232B	Trắc nghiệm
92	Tư tưởng Hồ Chí Minh		KT - K2020	2	232B	Trắc nghiệm
93	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		KT - K2020	2	232B	Trắc nghiệm
94	Đầu tư tài chính	E	TCNH - K2020	3	232A	Trắc nghiệm
95	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		TCNH - K2020	2	232A	Trắc nghiệm
96	Quản trị danh mục đầu tư		TCNH - K2020	3	232B	Tự luận
97	Khóa luận tốt nghiệp		TCNH - K2020	12	231B	Báo cáo cuối kỳ
98	Tài chính doanh nghiệp nâng cao		TCNH - K2020	3	232B	Tự luận
99	Mô hình tài chính	E	TCNH - K2020	3	232B	Tiểu luận
100	Thẩm định tín dụng		TCNH - K2020	3	232B	Tự luận
101	Thanh toán quốc tế	E	TCNH - K2020	3	232B	Tự luận
102	Quản trị rủi ro tài chính		TCNH - K2020	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
103	Tài chính công ty đa quốc gia	E	TCNH - K2020	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
104	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	E	TCNH - K2020	3	232A	Tự luận
105	Quản trị ngân hàng trung ương		TCNH - K2020	3	232A	Tự luận
106	Thực tập tốt nghiệp		TCNH - K2020	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
107	Luật đất đai		LUAT - K2020	3	231A	Trắc nghiệm
108	Luật sở hữu trí tuệ	E	LUAT - K2020	3	231A	Tự luận
109	Luật hình sự		LUAT - K2020	3	231A	Tự luận
110	Luật tố tụng hình sự		LUAT - K2020	3	231B	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
111	Khóa luận tốt nghiệp		LUAT - K2020	12	231B	Tự luận
112	Pháp luật về hôn nhân gia đình và thừa kế	E	LUAT - K2020	3	231B	Tự luận
113	Pháp luật kinh doanh bất động sản	E	LUAT - K2020	3	231B	Tự luận
114	Khoa học điều tra hình sự	E	LUAT - K2020	3	231B	Tự luận
115	Tội phạm học	E	LUAT - K2020	3	231B	Tự luận
116	Pháp luật về an sinh xã hội	E	LUAT - K2020	3	232A	Tự luận
117	Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm	E	LUAT - K2020	3	232A	Tự luận
118	Pháp luật về phòng chống tham nhũng và tội phạm	E	LUAT - K2020	3	232A	Tự luận
119	Luật Hình sự - Phần các tội phạm	E	LUAT - K2020	3	232A	Tự luận
120	Thực tập tốt nghiệp		LUAT - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
121	Luật đất đai		LUATKT - K2020	3	231A	Trắc nghiệm
122	Luật hình sự		LUATKT - K2020	3	231A	Tự luận
123	Luật tố tụng hình sự		LUATKT - K2020	3	231A	Trắc nghiệm
124	Luật sở hữu trí tuệ	E	LUATKT - K2020	3	231B	Tự luận
125	Khóa luận tốt nghiệp		LUATKT - K2020	12	231B	Báo cáo cuối kỳ
126	Pháp luật phá sản và giải quyết tranh chấp	E	LUATKT - K2020	3	231B	Tự luận
127	Pháp luật kinh doanh bất động sản	E	LUATKT - K2020	3	231B	Tự luận
128	Tư pháp quốc tế	E	LUATKT - K2020	3	231B	Tự luận
129	Luật hợp đồng thương mại quốc tế	E	LUATKT - K2020	3	231B	Tự luận
130	Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng	E	LUATKT - K2020	3	232A	Vấn đáp
131	Luật kinh doanh bảo hiểm	E	LUATKT - K2020	3	232A	Tự luận
132	Luật hàng hải	E	LUATKT - K2020	3	232A	Tự luận
133	Luật thương mại quốc tế	E	LUATKT - K2020	3	232A	Tự luận
134	Thực tập tốt nghiệp		LUATKT - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
135	Tư pháp quốc tế	E	LQT - K2020	3	231A	Tự luận
136	Luật cạnh tranh	E	LQT - K2020	3	231A	Tự luận
137	Luật hình sự		LQT - K2020	3	231A	Tự luận

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
138	Luật Sở hữu trí tuệ quốc tế	E	LQT - K2020	3	231B	Tự luận
139	Khóa luận tốt nghiệp		LQT - K2020	12	231B	Tự luận
140	Luật thương mại quốc tế	E	LQT - K2020	3	231B	Tự luận
141	Luật hợp đồng thương mại quốc tế	E	LQT - K2020	3	231B	Tự luận
142	Luật thuế quốc tế	E	LQT - K2020	3	232A	Tự luận
143	Luật so sánh	E	LQT - K2020	3	232A	Tự luận
144	Thực tập tốt nghiệp		LQT - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
145	Luật thương mại quốc tế	E	QHQT - K2020	3	231A	Tự luận
146	Toàn cầu hoá		QHQT - K2020	3	231A	Tiểu luận
147	An ninh châu Á - Thái Bình Dương	E	QHQT - K2020	3	231A	Tiểu luận
148	Những vấn đề của ASEAN trong thế kỷ XXI	E	QHQT - K2020	3	231B	Tiểu luận
149	Khóa luận tốt nghiệp		QHQT - K2020	12	231B	Tự luận
150	Thư ký văn phòng đối ngoại		QHQT - K2020	3	231B	Thi Thực hành
151	Nghiệp vụ Lễ tân ngoại giao trong quan hệ quốc tế		QHQT - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
152	Báo chí thông tin đối ngoại		QHQT - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
153	Tin và viết tin		QHQT - K2020	3	231B	Tự luận
154	Đàm phán quốc tế	E	QHQT - K2020	3	232A	Tiểu luận
155	Tổ chức Hội nghị quốc tế	E	QHQT - K2020	3	232A	Thi Thực hành
156	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	E	QHQT - K2020	3	232A	Tiểu luận
157	Báo in và báo điện tử	E	QHQT - K2020	3	232A	Tiểu luận
158	Thực tập tốt nghiệp		QHQT - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
159	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch		QTKS - K2020	3	232A	Tự luận
160	Quản trị rủi ro trong kinh doanh khách sạn - nhà hàng		QTKS - K2020	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
161	Thương mại điện tử	E	QTKS - K2020	3	232A	Trắc nghiệm
162	Luật du lịch		QTKS - K2020	3	232B	Tự luận
163	Khóa luận tốt nghiệp		QTKS - K2020	12	231B	Báo cáo cuối kỳ
164	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch		QTKS - K2020	3	232B	Tự luận
165	Quản trị chuỗi cung ứng trong kinh doanh dịch vụ du lịch	E	QTKS - K2020	3	232B	Tự luận
166	Quản trị buồng		QTKS - K2020	3	232A	Trắc nghiệm
167	Thực tập tốt nghiệp		QTKS - K2020	3	231A	Báo cáo cuối kỳ

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
168	Quản trị chuỗi cung ứng trong kinh doanh dịch vụ du lịch	E	QTDVDLLH - K2020	3	231A	Tự luận
169	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch		QTDVDLLH - K2020	3	231A	Tự luận
170	Quản trị nhân sự trong du lịch	E	QTDVDLLH - K2020	3	231A	Trắc nghiệm
171	Luật du lịch		QTDVDLLH - K2020	3	231B	Tự luận
172	Khoá luận tốt nghiệp		QTDVDLLH - K2020	12	231B	Tự luận
173	Quản trị khu du lịch	E	QTDVDLLH - K2020	3	231B	Tự luận
174	Du lịch MICE	E	QTDVDLLH - K2020	3	231B	Tiểu luận
175	Quản trị hội nghị và sự kiện	E	QTDVDLLH - K2020	3	232A	Thi Thực hành
176	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch		QTDVDLLH - K2020	3	232A	Tự luận
177	Thực tập tốt nghiệp		QTDVDLLH - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
178	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch		QTNHDVAU - K2020	3	231A	Tự luận
179	Quản trị rủi ro trong kinh doanh khách sạn - nhà hàng		QTNHDVAU - K2020	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
180	Thương mại điện tử	E	QTNHDVAU - K2020	3	231A	Trắc nghiệm
181	Luật du lịch		QTNHDVAU - K2020	3	231B	Tự luận
182	Khoá luận tốt nghiệp		QTNHDVAU - K2020	12	231B	Tự luận
183	Thực hành món Á		QTNHDVAU - K2020	3	231B	Tự luận
184	Thực hành món Âu	E	QTNHDVAU - K2020	3	231B	Tự luận
185	Thực hành món bánh Âu - Á		QTNHDVAU - K2020	3	232A	Tự luận
186	Thực hành ẩm thực phân tử	E	QTNHDVAU - K2020	3	232A	Tự luận
187	Thực tập tốt nghiệp		QTNHDVAU - K2020	3	232B	Tự luận
188	Pháp luật đại cương		CNTT - K2020	3	231A	Trắc nghiệm
189	Lập trình trên thiết bị di động	E	CNTT - K2020	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
190	Đồ án		CNTT - K2020	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
191	Quản trị học		CNTT - K2020	3	231B	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
192	Khóa luận tốt nghiệp		CNTT - K2020	12	231B	Báo cáo cuối kỳ
193	Công nghệ phần mềm nâng cao	E	CNTT - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
194	Kiến trúc phần mềm	E	CNTT - K2020	3	231B	Tự luận
195	Cơ sở dữ liệu nâng cao	E	CNTT - K2020	3	231B	Tự luận
196	Oracle	E	CNTT - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
197	Mạng máy tính nâng cao	E	CNTT - K2020	3	231B	Tự luận
198	Quản trị mạng	E	CNTT - K2020	3	231B	Tự luận
199	An toàn thông tin cho ứng dụng Web	E	CNTT - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
200	An toàn hệ thống mạng máy tính	E	CNTT - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
201	Quản trị dự án phần mềm	E	CNTT - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
202	Kiểm chứng chất lượng phần mềm	E	CNTT - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
203	Kho dữ liệu và OLAP	E	CNTT - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
204	Dữ liệu lớn	E	CNTT - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
205	Thiết kế mạng máy tính	E	CNTT - K2020	3	232A	Tự luận
206	Lập trình mạng máy tính	E	CNTT - K2020	3	232A	Tự luận
207	Điều tra số	E	CNTT - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
208	Phân tích và đánh giá an toàn thông tin	E	CNTT - K2020	3	232A	Tự luận
209	Thực tập tốt nghiệp		CNTT - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
210	Hệ thống thông tin quản lý	E	TMĐT - K2020	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
211	Pháp luật đại cương		TMĐT - K2020	3	231A	Trắc nghiệm
212	Thương mại di động	E	TMĐT - K2020	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
213	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử		TMĐT - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
214	Khóa luận tốt nghiệp		TMĐT - K2020	12	231B	Báo cáo cuối kỳ
215	Kinh doanh trực tuyến	E	TMĐT - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
216	Quản trị mối quan hệ khách hàng điện tử	E	TMĐT - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
217	Marketing tích hợp	E	TMĐT - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
218	Digital Marketing	E	TMĐT - K2020	3	231B	Tiểu luận

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
219	Phát triển ứng dụng Web thương mại nâng cao	E	TMĐT - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
220	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở trong thương mại điện tử	E	TMĐT - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
221	Hành vi người tiêu dùng trực tuyến	E	TMĐT - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
222	Thương mại trên mạng xã hội	E	TMĐT - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
223	Phân tích dữ liệu web	E	TMĐT - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
224	Nghiên cứu thị trường trong thương mại điện tử	E	TMĐT - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
225	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	E	TMĐT - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
226	Business Intelligence	E	TMĐT - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
227	Thực tập tốt nghiệp		TMĐT - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
228	Trực quan hoá dữ liệu	E	KHDL - K2020	3	231A	Tự luận
229	Pháp luật đại cương		KHDL - K2020	3	231A	Trắc nghiệm
230	Đồ án		KHDL - K2020	3	231A	Tự luận
231	Phân tích chuỗi thời gian		KHDL - K2020	3	231B	Tự luận
232	Khóa luận tốt nghiệp		KHDL - K2020	12	231B	Tự luận
233	Phân tích dữ liệu tài chính	E	KHDL - K2020	3	231B	Tự luận
234	Tự động hoá trong đầu tư tài chính	E	KHDL - K2020	3	231B	Tự luận
235	Quản trị đầu tư với Python	E	KHDL - K2020	3	232A	Tự luận
236	Chuỗi khối và công nghệ sổ cái phân tán	E	KHDL - K2020	3	232A	Tự luận
237	Thực tập tốt nghiệp		KHDL - K2020	3	232B	Tự luận
238	Sản xuất chương trình giải trí phát thanh truyền hình		CNTTrT - K2020	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
239	Quan hệ công chúng		CNTTrT - K2020	3	231A	Tự luận
240	Sản xuất quảng cáo TVC và New Media	E	CNTTrT - K2020	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
241	Đồ án New Media	E	CNTTrT - K2020	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
242	Khóa luận tốt nghiệp		CNTTrT - K2020	12	231B	Tự luận
243	Xây dựng và quảng bá thương hiệu	E	CNTTrT - K2020	3	231B	Tiểu luận
244	Quản trị dự án truyền thông		CNTTrT - K2020	3	231B	Tiểu luận
245	Kinh doanh sản phẩm truyền thông		CNTTrT - K2020	3	231B	Tiểu luận
246	Nghiên cứu thị trường	E	CNTTrT - K2020	3	231B	Tiểu luận
247	Đồ án Quản trị dự án truyền thông		CNTTrT - K2020	6	232A	Báo cáo cuối kỳ

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
248	Đồ án kinh doanh sản phẩm truyền thông		CNTrT - K2020	6	232A	Báo cáo cuối kỳ
249	Thực tập tốt nghiệp		CNTrT - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
250	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình quan hệ công chúng		QHCC - K2020	3	232A	Tự luận
251	Phân tích dữ liệu truyền thông	E	QHCC - K2020	3	232A	Trắc nghiệm
252	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	E	QHCC - K2020	3	232B	Tiểu luận
253	Khóa luận tốt nghiệp		QHCC - K2020	12	231B	Báo cáo cuối kỳ
254	Mỹ thuật ứng dụng	E	QHCC - K2020	3	232B	Tiểu luận
255	Chương trình phát thanh		QHCC - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
256	PR và quảng cáo, tiếp thị	E	QHCC - K2020	3	232B	Trắc nghiệm
257	Văn học ứng dụng		QHCC - K2020	3	232B	Tự luận
258	Báo in và báo điện tử	E	QHCC - K2020	3	232A	Tiểu luận
259	Phê bình điện ảnh		QHCC - K2020	3	232A	Tiểu luận
260	Tổ chức quản lý sân khấu		QHCC - K2020	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
261	Nghiên cứu thị trường	E	QHCC - K2020	3	232A	Tiểu luận
262	Thực tập tốt nghiệp		QHCC - K2020	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
263	Cơ sở văn hóa Việt Nam		NNA - K2020	3	231A	Trắc nghiệm
264	Giao tiếp liên văn hóa		NNA - K2020	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
265	Nhập môn ngôn ngữ học ứng dụng	E	NNA - K2020	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
266	Xã hội học		NNA - K2020	3	231B	Trắc nghiệm
267	Khóa luận tốt nghiệp		NNA - K2020	12	231B	Tự luận
268	Ngữ nghĩa học	E	NNA - K2020	3	231B	Trắc nghiệm
269	Lý thuyết dịch	E	NNA - K2020	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
270	Marketing căn bản	E	NNA - K2020	3	231B	Trắc nghiệm
271	Hành vi tổ chức	E	NNA - K2020	3	231B	Trắc nghiệm
272	Ngữ nghĩa học	E	NNA - K2020	3	231B	Trắc nghiệm
273	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	E	NNA - K2020	3	231B	Trắc nghiệm
274	Dịch thuật, ngôn ngữ và văn hóa	E	NNA - K2020	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
275	Kỹ thuật phiên dịch	E	NNA - K2020	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
276	Quản trị kinh doanh quốc tế	E	NNA - K2020	3	232A	Tự luận
277	Quản trị nguồn nhân lực	E	NNA - K2020	3	232A	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
278	Dịch thuật, ngôn ngữ và văn hóa	E	NNA - K2020	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
279	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	E	NNA - K2020	3	232A	Tự luận + trắc nghiệm
280	Thực tập tốt nghiệp		NNA - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
281	Tiếng Nhật: Đọc nâng cao	J	NNN - K2020	3	231A	Tự luận + trắc nghiệm
282	Tiếng Nhật: Nghe nâng cao	J	NNN - K2020	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
283	Tiếng Nhật trong đời sống		NNN - K2020	3	231A	Vấn đáp
284	Lịch sử Nhật Bản		NNN - K2020	3	231A	Trắc nghiệm
285	Quan hệ Việt-Nhật	J	NNN - K2020	2	231B	Trắc nghiệm
286	Khóa luận tốt nghiệp		NNN - K2020	12	231B	Tự luận
287	Văn hóa kinh doanh Nhật Bản	J	NNN - K2020	3	231B	Tự luận + trắc nghiệm
288	Lý thuyết biên phiên dịch tiếng Nhật	J	NNN - K2020	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
289	Văn hóa kinh doanh Nhật Bản	J	NNN - K2020	3	231B	Tự luận + trắc nghiệm
290	Địa lý du lịch Nhật Bản	J	NNN - K2020	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
291	Văn hóa kinh doanh Nhật Bản	J	NNN - K2020	3	231B	Tự luận + trắc nghiệm
292	Nghiệp vụ ngoại thương	J	NNN - K2020	3	231B	Vấn đáp
293	Kỹ thuật biên phiên dịch tiếng Nhật	J	NNN - K2020	3	232A	Vấn đáp
294	Dịch văn bản tiếng Nhật	J	NNN - K2020	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
295	Tiếng Nhật du lịch ứng dụng	J	NNN - K2020	3	232A	Tự luận
296	Kỹ năng hướng dẫn du lịch bằng tiếng Nhật	J	NNN - K2020	3	232A	Tự luận
297	Đàm thoại thương mại bằng tiếng Nhật	J	NNN - K2020	3	232A	Vấn đáp
298	Kỹ năng viết email tiếng Nhật	J	NNN - K2020	3	232A	Tự luận + trắc nghiệm
299	Thực tập tốt nghiệp		NNN - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
300	Tiếng Hàn: Đọc nâng cao	K	NNHQ - K2020	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
301	Tiếng Hàn: Nghe nâng cao	K	NNHQ - K2020	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
302	Tiếng Hàn trong đời sống		NNHQ - K2020	3	231A	Tự luận
303	Lịch sử Hàn Quốc		NNHQ - K2020	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
304	Quan hệ Việt-Hàn	K	NNHQ - K2020	2	231B	Tự luận + Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
305	Khóa luận tốt nghiệp		NNHQ - K2020	12	231B	Tự luận
306	Văn hóa kinh doanh Hàn Quốc	K	NNHQ - K2020	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
307	Lý thuyết biên phiên dịch tiếng Hàn	K	NNHQ - K2020	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
308	Văn hóa kinh doanh Hàn Quốc	K	NNHQ - K2020	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
309	Nghiệp vụ ngoại thương	K	NNHQ - K2020	3	231B	Tự luận + trắc nghiệm
310	Kỹ thuật biên phiên dịch tiếng Hàn	K	NNHQ - K2020	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
311	Dịch văn bản tiếng Hàn	K	NNHQ - K2020	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
312	Đàm thoại thương mại bằng tiếng Hàn	K	NNHQ - K2020	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
313	Kỹ năng viết Email bằng tiếng Hàn	K	NNHQ - K2020	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
314	Thực tập tốt nghiệp		NNHQ - K2020	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
315	Quan hệ công chúng		QC - K2020	3	231A	Tự luận
316	Đồ án quảng cáo sáng tạo		QC - K2020	3	231A	Tự luận
317	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	E	QC - K2020	3	231A	Tiểu luận
318	Khóa luận tốt nghiệp		QC - K2020	12	231B	Tự luận
319	Kinh doanh quảng cáo		QC - K2020	3	231B	Tự luận
320	Quản trị khách hàng quảng cáo		QC - K2020	3	231B	Tự luận
321	Thực tập tốt nghiệp		QC - K2020	3	232B	Tự luận
322	Phân tích dữ liệu truyền thông	E	QC - K2020	3	232A	Trắc nghiệm
323	Quản lý dự án quảng cáo		QC - K2020	3	232A	Tự luận
324	Kỹ năng Nghe HSK cao cấp	C	NNTQ - K2020	3	231A	Tự luận
325	Tiếng Trung_ Đọc hiểu báo chí	C	NNTQ - K2020	3	231A	Tự luận
326	Đất nước học Trung Quốc		NNTQ - K2020	3	231A	Tự luận
327	Ngữ pháp Tiếng Trung thực hành	C	NNTQ - K2020	3	231A	Tự luận
328	Lý thuyết dịch		NNTQ - K2020	2	231B	Tự luận
329	Khóa luận tốt nghiệp		NNTQ - K2020	12	231B	Tự luận
330	Viết tiếng Trung Quốc thương mại	C	NNTQ - K2020	3	231B	Tự luận
331	Tiếng Trung Quốc Thương mại 1	C	NNTQ - K2020	3	231B	Tự luận
332	Tiếng Trung Quốc Thương mại 2	C	NNTQ - K2020	3	232A	Tự luận
333	Văn hóa kinh doanh	C	NNTQ - K2020	3	232A	Tự luận
334	Thực tập tốt nghiệp		NNTQ - K2020	3	232B	Tự luận

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
335	Triết học Mác – Lênin		NNA - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
336	Viết tiếng Anh kinh thương	E	NNA - K2021	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
337	Nói trước công chúng		NNA - K2021	3	231A	Vấn đáp
338	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		NNA - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
339	Dịch thuật 1	E	NNA - K2021	3	231B	Tự luận
340	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	E	NNA - K2021	3	231B	Tiểu luận
341	Phương pháp nghiên cứu khoa học	E	NNA - K2021	3	231B	Trắc nghiệm
342	Chủ nghĩa xã hội khoa học		NNA - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
343	Dịch thuật 2	E	NNA - K2021	3	232A	Tự luận
344	Ngôn ngữ học đại cương	E	NNA - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
345	Tư tưởng Hồ Chí Minh		NNA - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
346	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		NNA - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
347	Ngôn ngữ và xã hội	E	NNA - K2021	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
348	Văn học Anh-Mỹ	E	NNA - K2021	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
349	Tiếng Anh 7		KT - K2021	4	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
350	Tin học thống kê		KT - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
351	Thanh toán quốc tế	E	KT - K2021	3	231A	Tự luận
352	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		KT - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
353	Thuế	E	KT - K2021	3	231B	Tự luận
354	Kế toán quốc tế	E	KT - K2021	3	231B	Tự luận
355	Giáo dục thể chất - Aerobic 3		KT - K2021	1	231B	Thi Thực hành
356	Giáo dục thể chất - Vovinam 3		KT - K2021	1	231B	Thực hành
357	Giáo dục thể chất - Boxing 3		KT - K2021	1	231B	Thực hành
358	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3		KT - K2021	1	231B	Thi Thực hành
359	Kiểm toán căn bản		KT - K2021	3	232A	Tự luận
360	Hệ thống thông tin kế toán	E	KT - K2021	3	232A	Thực hành
361	Kế toán tài chính 3	E	KT - K2021	3	232A	Tự luận
362	Kế toán tài chính 3	E	KT - K2021	3	232A	Tự luận
363	Phân tích báo cáo tài chính		KT - K2021	3	232B	Tự luận
364	Kế toán chi phí	E	KT - K2021	3	232B	Tự luận
365	Khóa luận tốt nghiệp		KT - K2021	12	232B	Tự luận
366	Kế toán thuế	E	KT - K2021	3	232B	Tự luận
367	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	E	KT - K2021	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
368	Triết học Mác – Lênin		KDTM - K2021	3	231A	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
369	Quản trị bán hàng	E	KDTM - K2021	3	231A	Tiểu luận
370	Quản trị nguồn nhân lực	E	KDTM - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
371	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		KDTM - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
372	Phương pháp nghiên cứu khoa học		KDTM - K2021	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
373	Hành vi người tiêu dùng	E	KDTM - K2021	3	231B	Tự luận
374	Quản trị tài chính		KDTM - K2021	3	231B	Tự luận
375	Chủ nghĩa xã hội khoa học		KDTM - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
376	Quản trị chiến lược	E	KDTM - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
377	Quản trị kinh doanh quốc tế	E	KDTM - K2021	3	232A	Tự luận
378	Tư tưởng Hồ Chí Minh		KDTM - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
379	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		KDTM - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
380	Bán hàng căn bản		KDTM - K2021	3	232B	Tự luận
381	Thương mại điện tử	E	KDTM - K2021	3	232B	Trắc nghiệm
382	Triết học Mác – Lênin		TCNH - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
383	Quản trị học		TCNH - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
384	Xác suất thống kê		TCNH - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
385	Kế toán tài chính 1	E	TCNH - K2021	3	231A	Tự luận
386	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		TCNH - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
387	Thị trường tài chính	E	TCNH - K2021	3	231B	Tự luận
388	Quản trị ngân hàng thương mại	E	TCNH - K2021	3	231B	Tự luận
389	Chủ nghĩa xã hội khoa học		TCNH - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
390	Kinh tế lượng		TCNH - K2021	3	232B	Tự luận
391	Tài chính quốc tế	E	TCNH - K2021	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
392	Tư tưởng Hồ Chí Minh		TCNH - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
393	Tin học thống kê		TCNH - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
394	Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng		TCNH - K2021	3	232B	Tự luận
395	Phân tích tài chính		TCNH - K2021	3	232B	Tự luận
396	Hoạch định thuế	E	TCQT - K2021	3	231A	Tự luận
397	Quản trị và chiến lược ngân hàng	E	TCQT - K2021	3	231A	Tự luận
398	Triết học Mác – Lênin		TCQT - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
399	Kế toán tài chính 1	E	TCQT - K2021	3	231B	Tự luận
400	Sản phẩm phái sinh		TCQT - K2021	3	231B	Tự luận
401	Kinh tế lượng		TCQT - K2021	3	231B	Tự luận
402	Giáo dục thể chất - Aerobic 3		TCQT - K2021	1	231B	Thi Thực hành
403	Giáo dục thể chất - Vovinam 3		TCQT - K2021	1	231B	Thực hành

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
404	Giáo dục thể chất - Boxing 3		TCQT - K2021	1	231B	Thực hành
405	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3		TCQT - K2021	1	231B	Thi Thực hành
406	Quản trị học		TCQT - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
407	Quản trị rủi ro tài chính		TCQT - K2021	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
408	Đầu tư tài chính	E	TCQT - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
409	Bảo hiểm vận chuyển quốc tế		TCQT - K2021	3	232B	Tự luận
410	Thanh toán quốc tế	E	TCQT - K2021	3	232B	Tự luận
411	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		TCQT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
412	Triết học Mác – Lênin		QTKS - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
413	Thực hành phục vụ buồng		QTKS - K2021	2	231A	Tự luận
414	Quản trị khu nghỉ dưỡng	E	QTKS - K2021	3	231A	Tự luận
415	Giáo dục thể chất - Aerobic 3		QTKS - K2021	1	231A	Thi Thực hành
416	Giáo dục thể chất - Vovinam 3		QTKS - K2021	1	231A	Thực hành
417	Giáo dục thể chất - Boxing 3		QTKS - K2021	1	231A	Thực hành
418	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3		QTKS - K2021	1	231A	Thi Thực hành
419	Pháp luật đại cương		QTKS - K2021	3	231B	Trắc nghiệm
420	Kinh tế du lịch		QTKS - K2021	3	231B	Tự luận
421	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		QTKS - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
422	Digital marketing trong du lịch	E	QTKS - K2021	3	231B	Tự luận
423	Chủ nghĩa xã hội khoa học		QTKS - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
424	Quản trị nhân sự trong du lịch	E	QTKS - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
425	Nghiệp vụ lễ tân	E	QTKS - K2021	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
426	Tư tưởng Hồ Chí Minh		QTKS - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
427	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		QTKS - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
428	Quản trị tiền sảnh	E	QTKS - K2021	3	232B	Trắc nghiệm
429	Kiến tập tại khách sạn - resort		QTKS - K2021	2	232B	Tiểu luận
430	Triết học Mác – Lênin		QTDVDLLH - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
431	Kinh tế vi mô	E	QTDVDLLH - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
432	Nghiệp vụ hướng dẫn 1		QTDVDLLH - K2021	2	231A	Tự luận
433	Marketing căn bản	E	QTDVDLLH - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
434	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		QTDVDLLH - K2021	2	231B	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
435	Digital marketing trong du lịch	E	QTDVDLLH - K2021	3	231B	Tự luận
436	Kinh tế du lịch		QTDVDLLH - K2021	3	231B	Tự luận
437	Chủ nghĩa xã hội khoa học		QTDVDLLH - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
438	Pháp luật đại cương		QTDVDLLH - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
439	Nghiệp vụ hướng dẫn 2	E	QTDVDLLH - K2021	3	232A	Tự luận
440	Tư tưởng Hồ Chí Minh		QTDVDLLH - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
441	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		QTDVDLLH - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
442	Quản trị marketing du lịch	E	QTDVDLLH - K2021	3	232B	Tự luận
443	Kiến tập nghiệp vụ hướng dẫn		QTDVDLLH - K2021	2	232B	Tiểu luận
444	Triết học Mác – Lênin		QTNHDVAU - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
445	Quản trị hội nghị và yến tiệc	E	QTNHDVAU - K2021	3	231A	Tự luận
446	Văn hóa ẩm thực Việt Nam		QTNHDVAU - K2021	3	231A	Tự luận
447	Giáo dục thể chất - Aerobic 3		QTNHDVAU - K2021	1	231A	Thi Thực hành
448	Giáo dục thể chất - Vovinam 3		QTNHDVAU - K2021	1	231A	Thực hành
449	Giáo dục thể chất - Boxing 3		QTNHDVAU - K2021	1	231A	Thực hành
450	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3		QTNHDVAU - K2021	1	231A	Thi Thực hành
451	Pháp luật đại cương		QTNHDVAU - K2021	3	231B	Trắc nghiệm
452	Quản trị ẩm thực	E	QTNHDVAU - K2021	3	231B	Tự luận
453	Digital marketing trong du lịch	E	QTNHDVAU - K2021	3	231B	Tự luận
454	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		QTNHDVAU - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
455	Chủ nghĩa xã hội khoa học		QTNHDVAU - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
456	Quản trị nhân sự trong du lịch	E	QTNHDVAU - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
457	Thực phẩm và chế biến thực phẩm		QTNHDVAU - K2021	3	232A	Thi Thực hành

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
458	Tư tưởng Hồ Chí Minh		QTNHDVAU - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
459	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		QTNHDVAU - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
460	Quản trị chi phí trong nhà hàng	E	QTNHDVAU - K2021	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
461	Kiến tập F&B		QTNHDVAU - K2021	2	232B	Tiểu luận
462	Triết học Mác – Lênin		QHQT - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
463	Kinh tế quốc tế	E	QHQT - K2021	3	231A	Tự luận
464	Kỹ năng đọc trong khoa học chính trị	E	QHQT - K2021	3	231A	Tiểu luận
465	Giáo dục thể chất - Aerobic 3		QHQT - K2021	1	231A	Thi Thực hành
466	Giáo dục thể chất - Vovinam 3		QHQT - K2021	1	231A	Thực hành
467	Giáo dục thể chất - Boxing 3		QHQT - K2021	1	231A	Thực hành
468	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3		QHQT - K2021	1	231A	Thi Thực hành
469	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		QHQT - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
470	Công pháp quốc tế		QHQT - K2021	3	231B	Tự luận
471	Các tổ chức quốc tế	E	QHQT - K2021	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
472	Chủ nghĩa xã hội khoa học		QHQT - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
473	Nhập môn An ninh quốc tế	E	QHQT - K2021	3	232A	Tự luận
474	Phương pháp viết luận trong quan hệ quốc tế		QHQT - K2021	3	232A	Tự luận
475	Ngoại giao đa phương	E	QHQT - K2021	3	232A	Tự luận
476	Tư tưởng Hồ Chí Minh		QHQT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
477	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		QHQT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
478	Những vấn đề của ASEAN trong thế kỷ XXI	E	QHQT - K2021	3	232B	Tiểu luận
479	Triết học Mác – Lênin		QHCC - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
480	Tâm lý giao tiếp	E	QHCC - K2021	3	231A	Tự luận
481	Viết hiệu quả		QHCC - K2021	3	231A	Tự luận
482	Kỹ thuật ảnh	E	QHCC - K2021	3	231A	Tiểu luận
483	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		QHCC - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
484	Tổ chức sự kiện	E	QHCC - K2021	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
485	Kỹ thuật dựng phim	E	QHCC - K2021	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
486	Chủ nghĩa xã hội khoa học		QHCC - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
487	Phương pháp biên tập		QHCC - K2021	3	232A	Tiểu luận
488	Tin và phóng sự		QHCC - K2021	3	232A	Báo cáo cuối kỳ

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
489	Tư tưởng Hồ Chí Minh		QHCC - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
490	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		QHCC - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
491	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn		QHCC - K2021	3	232B	Tiểu luận
492	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình		QHCC - K2021	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
493	Triết học Mác – Lênin		CNTrT - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
494	Tâm lý giao tiếp	E	CNTrT - K2021	3	231A	Tự luận
495	Tổ chức sự kiện	E	CNTrT - K2021	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
496	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		CNTrT - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
497	Xã hội học truyền thông	E	CNTrT - K2021	3	231B	Trắc nghiệm
498	Nghiệp vụ đạo diễn cơ bản		CNTrT - K2021	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
499	Kịch bản		CNTrT - K2021	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
500	Chủ nghĩa xã hội khoa học		CNTrT - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
501	Truyền thông quốc tế	E	CNTrT - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
502	Kỹ thuật ảnh	E	CNTrT - K2021	3	232A	Tiểu luận
503	Tư tưởng Hồ Chí Minh		CNTrT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
504	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		CNTrT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
505	Kỹ xảo và hiệu ứng	E	CNTrT - K2021	3	232B	Tiểu luận
506	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	E	CNTrT - K2021	3	232B	Tiểu luận
507	Triết học Mác – Lênin		QC - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
508	Biên tập và sản xuất phim quảng cáo truyền hình		QC - K2021	3	231A	Tiểu luận
509	Xã hội học truyền thông	E	QC - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
510	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		QC - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
511	Phim Quảng cáo	E	QC - K2021	3	231B	Tiểu luận
512	Nghiên cứu thị trường	E	QC - K2021	3	231B	Tiểu luận
513	Thiết kế đồ họa quảng cáo		QC - K2021	3	231B	Tiểu luận
514	Chủ nghĩa xã hội khoa học		QC - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
515	Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu	E	QC - K2021	3	232A	Tiểu luận
516	Sáng tạo quảng cáo		QC - K2021	3	232A	Tiểu luận
517	Tư tưởng Hồ Chí Minh		QC - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
518	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		QC - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
519	Đồ án thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu	E	QC - K2021	3	232B	Tiểu luận
520	Truyền thông marketing tích hợp	E	QC - K2021	3	232B	Tiểu luận

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
521	Triết học Mác – Lênin		TLH - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
522	Lý thuyết tham vấn tâm lý	E	TLH - K2021	3	231A	Tự luận
523	Tâm lý học tổ chức và công nghiệp	E	TLH - K2021	3	231A	Tự luận
524	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		TLH - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
525	Tâm lý học quản lý	E	TLH - K2021	3	231B	Tự luận
526	Tâm lý học báo chí - truyền thông		TLH - K2021	3	231B	Tự luận
527	Chủ nghĩa xã hội khoa học		TLH - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
528	Tâm lý học nhân cách	E	TLH - K2021	3	232A	Tự luận
529	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học		TLH - K2021	3	232A	Tự luận
530	Tư tưởng Hồ Chí Minh		TLH - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
531	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		TLH - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
532	Tâm bệnh học và chẩn đoán tâm lý	E	TLH - K2021	3	232B	Tự luận
533	Thực hành tham vấn tâm lý		TLH - K2021	3	232B	Tự luận
534	Triết học Mác – Lênin		NNN - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
535	Tiếng Nhật: Đọc 3		NNN - K2021	3	231A	Tự luận + trắc nghiệm
536	Tiếng Nhật: Nghe 3		NNN - K2021	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
537	Xã hội học		NNN - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
538	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		NNN - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
539	Tiếng Nhật: Ngữ pháp -Viết 4		NNN - K2021	3	231B	Trắc nghiệm
540	Tiếng Nhật: Nói 4	J	NNN - K2021	3	231B	Vấn đáp
541	Chủ nghĩa xã hội khoa học		NNN - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
542	Tiếng Nhật: Đọc 4		NNN - K2021	3	232A	Tự luận + trắc nghiệm
543	Tiếng Nhật: Nghe 4		NNN - K2021	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
544	Tư tưởng Hồ Chí Minh		NNN - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
545	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		NNN - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
546	Tiếng Nhật: Viết nâng cao	J	NNN - K2021	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
547	Tiếng Nhật: Nói nâng cao	J	NNN - K2021	3	232B	Vấn đáp
548	Triết học Mác – Lênin		NNHQ - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
549	Tiếng Hàn: Đọc 3		NNHQ - K2021	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
550	Tiếng Hàn: Nghe 3		NNHQ - K2021	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
551	Xã hội học		NNHQ - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
552	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		NNHQ - K2021	2	231B	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
553	Tiếng Hàn: Ngữ pháp-Viết 4		NNHQ - K2021	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
554	Tiếng Hàn: Nói 4	K	NNHQ - K2021	3	231B	Vấn đáp
555	Chủ nghĩa xã hội khoa học		NNHQ - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
556	Tiếng Hàn: Đọc 4		NNHQ - K2021	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
557	Tiếng Hàn: Nghe 4		NNHQ - K2021	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
558	Tư tưởng Hồ Chí Minh		NNHQ - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
559	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		NNHQ - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
560	Tiếng Hàn: Viết nâng cao	K	NNHQ - K2021	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
561	Tiếng Hàn: Nói nâng cao	K	NNHQ - K2021	3	232B	Vấn đáp
562	Triết học Mác – Lênin		NNTQ - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
563	Tiếng Trung_Đọc 3		NNTQ - K2021	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
564	Tiếng Trung_Nghe 3		NNTQ - K2021	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
565	Xã hội học		NNTQ - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
566	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		NNTQ - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
567	Tiếng Trung_Viết 4 (tổng hợp 4)		NNTQ - K2021	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
568	Tiếng Trung_Nói 4	C	NNTQ - K2021	3	231B	Vấn đáp
569	Chủ nghĩa xã hội khoa học		NNTQ - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
570	Tiếng Trung_Đọc 4		NNTQ - K2021	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
571	Tiếng Trung_Nghe 4		NNTQ - K2021	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
572	Tư tưởng Hồ Chí Minh		NNTQ - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
573	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		NNTQ - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
574	Tiếng Trung_Viết ứng dụng	C	NNTQ - K2021	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
575	Tiếng Trung_Nói trước công chúng	C	NNTQ - K2021	3	232B	Vấn đáp
576	Triết học Mác – Lênin		LUAT - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
577	Kinh tế vi mô	E	LUAT - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
578	Luật quốc tế	E	LUAT - K2021	3	231A	Tự luận
579	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		LUAT - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
580	Luật thương mại		LUAT - K2021	3	231B	Tự luận
581	Kinh tế vĩ mô	E	LUAT - K2021	3	231B	Trắc nghiệm
582	Luật tổ tụng dân sự		LUAT - K2021	3	231B	Tự luận
583	Chủ nghĩa xã hội khoa học		LUAT - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
584	Luật lao động	E	LUAT - K2021	3	232A	Vấn đáp

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
585	Luật môi trường	E	LUAT - K2021	3	232A	Tự luận
586	Tư tưởng Hồ Chí Minh		LUAT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
587	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		LUAT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
588	Các hợp đồng dân sự thông dụng	E	LUAT - K2021	3	232B	Tự luận
589	Luật thuế		LUAT - K2021	3	232B	Tự luận
590	Triết học Mác – Lênin		LUATKT - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
591	Kinh tế vi mô	E	LUATKT - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
592	Luật quốc tế	E	LUATKT - K2021	3	231A	Tự luận
593	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		LUATKT - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
594	Kinh tế vĩ mô	E	LUATKT - K2021	3	231B	Trắc nghiệm
595	Luật thương mại		LUATKT - K2021	3	231B	Tự luận
596	Luật tố tụng dân sự		LUATKT - K2021	3	231B	Tự luận
597	Chủ nghĩa xã hội khoa học		LUATKT - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
598	Luật lao động	E	LUATKT - K2021	3	232A	Vấn đáp
599	Luật môi trường	E	LUATKT - K2021	3	232A	Tự luận
600	Tư tưởng Hồ Chí Minh		LUATKT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
601	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		LUATKT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
602	Luật cạnh tranh	E	LUATKT - K2021	3	232B	Tự luận
603	Luật thuế		LUATKT - K2021	3	232B	Tự luận
604	Triết học Mác – Lênin		LQT - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
605	Kinh tế vi mô	E	LQT - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
606	Luật lao động	E	LQT - K2021	3	231A	Vấn đáp
607	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		LQT - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
608	Luật thương mại		LQT - K2021	3	231B	Tự luận
609	Kinh tế vĩ mô	E	LQT - K2021	3	231B	Trắc nghiệm
610	Pháp luật tố tụng dân sự và tố tụng hình sự		LQT - K2021	3	231B	Tự luận
611	Chủ nghĩa xã hội khoa học		LQT - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
612	Luật quốc tế	E	LQT - K2021	3	232A	Tự luận
613	Luật đất đai		LQT - K2021	3	232A	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
614	Tư tưởng Hồ Chí Minh		LQT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
615	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		LQT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
616	Luật môi trường quốc tế	E	LQT - K2021	3	232B	Tự luận
617	Luật thuế		LQT - K2021	3	232B	Tự luận
618	Tin học thống kê		QTKD - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
619	Triết học Mác – Lênin		QTKD - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
620	Chuyển đổi số	E	QTKD - K2021	3	231A	Tự luận
621	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		QTKD - K2021	3	231B	Tiểu luận
622	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		QTKD - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
623	Quản trị tài chính		QTKD - K2021	3	231B	Tự luận
624	Kinh tế quốc tế	E	QTKD - K2021	3	231B	Tự luận
625	Chủ nghĩa xã hội khoa học		QTKD - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
626	Thiết lập và thẩm định dự án		QTKD - K2021	3	232A	Tiểu luận
627	Logistics	E	QTKD - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
628	Tư tưởng Hồ Chí Minh		QTKD - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
629	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		QTKD - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
630	Quản trị chất lượng	E	QTKD - K2021	3	232B	Tự luận
631	Quản trị bán hàng	E	QTKD - K2021	3	232B	Tiểu luận
632	Quản trị tài chính		KDQT - K2021	3	231A	Tự luận
633	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		KDQT - K2021	3	231A	Tiểu luận
634	Kinh tế quốc tế	E	KDQT - K2021	3	231A	Tự luận
635	Kinh tế lượng		KDQT - K2021	3	231B	Tự luận
636	Quản trị chiến lược		KDQT - K2021	3	231B	Trắc nghiệm
637	Marketing quốc tế	E	KDQT - K2021	3	231A	Tiểu luận
638	Quản trị kinh doanh quốc tế	E	KDQT - K2021	3	231B	Tự luận
639	Quản trị Logistics	E	KDQT - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
640	Vận tải bảo hiểm	E	KDQT - K2021	3	232A	Tự luận
641	Đầu tư quốc tế	E	KDQT - K2021	3	232A	Tự luận
642	Thương mại điện tử	E	KDQT - K2021	3	232B	Trắc nghiệm
643	Thanh toán quốc tế	E	KDQT - K2021	3	232B	Tự luận
644	Nghiệp vụ ngoại thương	E	KDQT - K2021	3	232B	Tự luận
645	Triết học Mác – Lênin		Marketing - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
646	Kinh tế vĩ mô		Marketing - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
647	Quản trị sản phẩm	E	Marketing - K2021	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
648	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		Marketing - K2021	2	231B	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
649	Pháp luật đại cương		Marketing - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
650	Quản trị kênh phân phối	E	Marketing - K2021	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
651	Quản trị bán lẻ		Marketing - K2021	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
652	Chủ nghĩa xã hội khoa học		Marketing - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
653	Quản trị bán hàng	E	Marketing - K2021	3	232A	Tiểu luận
654	Quan hệ công chúng trong marketing		Marketing - K2021	3	232A	Tiểu luận
655	Tư tưởng Hồ Chí Minh		Marketing - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
656	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Marketing - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
657	Truyền thông tích hợp (IMC)	E	Marketing - K2021	3	232B	Tiểu luận
658	Quản trị quan hệ khách hàng	E	Marketing - K2021	3	232B	Tự luận
659	Triết học Mác – Lênin		QTNL - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
660	Xác suất thống kê		QTNL - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
661	Quản trị chiến lược	E	QTNL - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
662	Luật lao động		QTNL - K2021	3	231A	Vấn đáp
663	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		QTNL - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
664	Quan hệ lao động	E	QTNL - K2021	3	231B	Tự luận
665	Quản trị nhân sự cao cấp	E	QTNL - K2021	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
666	Chủ nghĩa xã hội khoa học		QTNL - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
667	Quản trị lương, thưởng và phúc lợi		QTNL - K2021	3	232A	Tự luận
668	Quản trị vận hành	E	QTNL - K2021	3	232A	Tự luận
669	Tư tưởng Hồ Chí Minh		QTNL - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
670	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		QTNL - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
671	Quản trị văn phòng		QTNL - K2021	3	232B	Tiểu luận
672	Đạo đức kinh doanh	E	QTNL - K2021	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
673	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		LoQLCC - K2021	3	231A	Tiểu luận
674	Marketing quốc tế		LoQLCC - K2021	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
675	Kinh tế quốc tế	E	LoQLCC - K2021	3	231A	Tự luận
676	Quản trị chiến lược		LoQLCC - K2021	3	231B	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
677	Quản trị Logistics	E	LoQLCC - K2021	3	231B	Trắc nghiệm
678	Quản trị chất lượng		LoQLCC - K2021	3	231A	Tự luận
679	Quản trị kinh doanh quốc tế	E	LoQLCC - K2021	3	231B	Tự luận
680	Quản trị kênh phân phối		LoQLCC - K2021	3	232A	Tiểu luận
681	Vận tải bảo hiểm		LoQLCC - K2021	3	232A	Tự luận
682	Quản trị chuỗi cung ứng	E	LoQLCC - K2021	3	232A	Tự luận
683	Quản trị lưu trữ và hàng tồn kho	E	LoQLCC - K2021	3	232B	Trắc nghiệm
684	Khóa luận tốt nghiệp		LoQLCC - K2021	12	232B	Tự luận
685	Nghiệp vụ ngoại thương	E	LoQLCC - K2021	3	232B	Tự luận
686	Đầu tư quốc tế	E	LoQLCC - K2021	3	232B	Tự luận
687	Triết học Mác – Lênin		BDS - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
688	Quản trị chiến lược	E	BDS - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
689	Nguyên lý bất động sản		BDS - K2021	3	231A	Tự luận
690	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		BDS - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
691	Digital Marketing	E	BDS - K2021	3	231B	Tiểu luận
692	Quản trị tài chính	E	BDS - K2021	3	231B	Tự luận
693	Chủ nghĩa xã hội khoa học		BDS - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
694	Thiết lập và thẩm định dự án		BDS - K2021	3	232A	Tiểu luận
695	Quản trị nguồn nhân lực	E	BDS - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
696	Tư tưởng Hồ Chí Minh		BDS - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
697	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		BDS - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
698	Quản trị rủi ro	E	BDS - K2021	3	232B	Tự luận
699	Thẩm định giá bất động sản		BDS - K2021	3	232B	Tự luận
700	Triết học Mác – Lênin		CNTT - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
701	Trí tuệ nhân tạo		CNTT - K2021	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
702	Cơ sở dữ liệu		CNTT - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
703	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		CNTT - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
704	Xác suất thống kê		CNTT - K2021	3	231B	Trắc nghiệm
705	Bảo mật thông tin	E	CNTT - K2021	3	231B	Tự luận
706	Phát triển ứng dụng desktop	E	CNTT - K2021	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
707	Chủ nghĩa xã hội khoa học		CNTT - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
708	Tư tưởng Hồ Chí Minh		CNTT - K2021	2	232A	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
709	Công nghệ phần mềm	E	CNTT - K2021	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
710	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin		CNTT - K2021	3	232A	Tự luận
711	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		CNTT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
712	Phát triển ứng dụng Web	E	CNTT - K2021	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
713	Công nghệ Java	E	CNTT - K2021	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
714	Triết học Mác – Lênin		KHDL - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
715	Kinh tế lượng		KHDL - K2021	3	231A	Tự luận
716	Tối ưu hoá		KHDL - K2021	3	231A	Tự luận
717	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		KHDL - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
718	Thống kê máy tính		KHDL - K2021	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
719	Lý thuyết tài chính tiền tệ	E	KHDL - K2021	3	231B	Trắc nghiệm
720	Lập trình cho khoa học dữ liệu với Python	E	KHDL - K2021	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
721	Chủ nghĩa xã hội khoa học		KHDL - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
722	Marketing căn bản	E	KHDL - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
723	Phân tích dữ liệu với R	E	KHDL - K2021	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
724	Thu thập và tiền xử lý dữ liệu	E	KHDL - K2021	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
725	Tư tưởng Hồ Chí Minh		KHDL - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
726	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		KHDL - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
727	Máy học	E	KHDL - K2021	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
728	Triết học Mác – Lênin		TMĐT - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
729	Nền tảng mạng máy tính và truyền thông		TMĐT - K2021	3	231A	Tự luận
730	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin		TMĐT - K2021	3	231A	Tự luận
731	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		TMĐT - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
732	Marketing căn bản	E	TMĐT - K2021	3	231B	Trắc nghiệm
733	Quản trị chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử	E	TMĐT - K2021	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
734	Thanh toán điện tử	E	TMĐT - K2021	3	231B	Tự luận
735	Chủ nghĩa xã hội khoa học		TMĐT - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
736	Phát triển ứng dụng Web thương mại		TMĐT - K2021	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
737	Quản trị dự án thương mại điện tử	E	TMĐT - K2021	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
738	Tư tưởng Hồ Chí Minh		TMĐT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
739	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		TMĐT - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
740	Tin học thống kê		TMĐT - K2021	3	232B	Trắc nghiệm
741	An toàn và bảo mật thương mại điện tử		TMĐT - K2021	3	232B	Tự luận
742	Triết học Mác – Lênin		TKDH - K2021	3	231A	Trắc nghiệm
743	Tin học chuyên ngành thiết kế đồ họa 2		TKDH - K2021	3	231A	Tự luận
744	Nguyên lý thiết kế	E	TKDH - K2021	3	231A	Tự luận
745	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		TKDH - K2021	2	231B	Trắc nghiệm
746	Đồ họa bao bì	E	TKDH - K2021	3	231B	Tự luận
747	Đồ họa dàn trang	E	TKDH - K2021	3	231B	Tự luận
748	Đồ họa nhận diện thương hiệu	E	TKDH - K2021	3	231B	Tự luận
749	Chủ nghĩa xã hội khoa học		TKDH - K2021	2	232A	Trắc nghiệm
750	Marketing căn bản		TKDH - K2021	3	232A	Trắc nghiệm
751	Infographics	E	TKDH - K2021	3	232A	Tự luận
752	Đồ họa 2D & 3D	E	TKDH - K2021	3	232B	Tự luận
753	Tư tưởng Hồ Chí Minh		TKDH - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
754	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		TKDH - K2021	2	232B	Trắc nghiệm
755	Mình họa		TKDH - K2021	3	232B	Tự luận
756	Tiếng Anh 5		CNTT - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
757	Toán cao cấp		CNTT - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
758	Lý thuyết đồ thị		CNTT - K2022	3	231A	Tự luận
759	Tiếng Anh 6		CNTT - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
760	Lập trình hướng đối tượng		CNTT - K2022	3	231B	Trắc nghiệm
761	Giáo dục thể chất 1		CNTT - K2022	1	231B	Thực hành
762	Project design 2		CNTT - K2022	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
763	Hệ điều hành	E	CNTT - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
764	Xác suất thống kê		CNTT - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
765	Giáo dục thể chất 2		CNTT - K2022	1	232A	Thực hành
766	Mạng máy tính	E	CNTT - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
767	Tiếng Anh 7		CNTT - K2022	4	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
768	Giáo dục thể chất 3		CNTT - K2022	1	232B	Thực hành
769	Tiếng Anh 5		KHDL - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
770	Xác suất thống kê		KHDL - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
771	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán		KHDL - K2022	3	231A	Tự luận
772	Tiếng Anh 6		KHDL - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
773	Thống kê máy tính		KHDL - K2022	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
774	Giáo dục thể chất 1		KHDL - K2022	1	231B	Thực hành

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
775	Tiếng Anh 7		KHDL - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
776	Cơ sở dữ liệu		KHDL - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
777	Giáo dục thể chất 2		KHDL - K2022	1	232A	Thực hành
778	Lập trình cho khoa học dữ liệu với Python	E	KHDL - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
779	Project design 2		KHDL - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
780	Học phần tự chọn 1		KHDL - K2022	3	232B	Tự luận
781	Giáo dục thể chất 3		KHDL - K2022	1	232B	Thực hành
782	Tiếng Anh 5		TMĐT - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
783	Xác suất thống kê		TMĐT - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
784	Kinh tế vĩ mô		TMĐT - K2022	3	231B	Trắc nghiệm
785	Tiếng Anh 6		TMĐT - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
786	Thương mại điện tử	E	TMĐT - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
787	Giáo dục thể chất 1		TMĐT - K2022	1	231B	Thực hành
788	Project design 2		TMĐT - K2022	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
789	Nguyên lý kế toán		TMĐT - K2022	3	232A	Tự luận
790	Quản trị cơ sở dữ liệu		TMĐT - K2022	3	232A	Tự luận
791	Giáo dục thể chất 2		TMĐT - K2022	1	232A	Thực hành
792	Tiếng Anh 7		TMĐT - K2022	4	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
793	Lý thuyết tài chính tiền tệ	E	TMĐT - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
794	Giáo dục thể chất 3		TMĐT - K2022	1	232B	Thực hành
795	Tiếng Anh 5		TKDH - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
796	Cơ sở tạo hình mỹ thuật		TKDH - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
797	Học phần tự chọn 1		TKDH - K2022	3	231A	Tự luận
798	Tiếng Anh 6		TKDH - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
799	Cơ sở tạo hình đồ họa		TKDH - K2022	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
800	Giáo dục thể chất 1		TKDH - K2022	1	231B	Thực hành
801	Tiếng Anh 7		TKDH - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
802	Hình họa mỹ thuật	E	TKDH - K2022	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
803	Giáo dục thể chất 2		TKDH - K2022	1	232A	Thực hành
804	Project design 2		TKDH - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
805	Nguyên lý thiết kế	E	TKDH - K2022	3	232B	Tự luận
806	Tin học chuyên ngành thiết kế đồ họa 1		TKDH - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
807	Giáo dục thể chất 3		TKDH - K2022	1	232B	Thực hành

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
808	Tiếng Anh 5		LoQLCC - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
809	Nguyên lý kế toán		LoQLCC - K2022	3	231A	Tự luận
810	Giáo dục thể chất 1		LoQLCC - K2022	1	231A	Thực hành
811	Tiếng Anh 6		LoQLCC - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
812	Kinh tế vĩ mô		LoQLCC - K2022	3	231B	Trắc nghiệm
813	Quản trị học		LoQLCC - K2022	3	231B	Trắc nghiệm
814	Tiếng Anh 7		LoQLCC - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
815	Nhập môn Tiếng Anh kinh doanh	E	LoQLCC - K2022	3	232B	Tự luận
816	Giáo dục thể chất 2		LoQLCC - K2022	1	232A	Thực hành
817	Project design 2		LoQLCC - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
818	Quản trị vận hành	E	LoQLCC - K2022	3	232B	Tự luận
819	Tin học thống kê		LoQLCC - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
820	Giáo dục thể chất 3		LoQLCC - K2022	1	232B	Thực hành
821	Tiếng Anh 5		BDS - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
822	Nhập môn Tiếng Anh kinh doanh	E	BDS - K2022	3	231A	Tự luận
823	Giáo dục thể chất 1		BDS - K2022	1	231A	Thực hành
824	Tiếng Anh 6		BDS - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
825	Kinh tế vĩ mô	E	BDS - K2022	3	231B	Trắc nghiệm
826	Quản trị học	E	BDS - K2022	3	231B	Trắc nghiệm
827	Tiếng Anh 7		BDS - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
828	Marketing căn bản	E	BDS - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
829	Giáo dục thể chất 2		BDS - K2022	1	232A	Thực hành
830	Project design 2		BDS - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
831	Digital Marketing	E	BDS - K2022	3	232B	Tiểu luận
832	Quy hoạch sử dụng đất		BDS - K2022	3	232B	Tiểu luận
833	Giáo dục thể chất 3		BDS - K2022	1	232B	Thực hành
834	Tiếng Anh 5		KTQT - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
835	Kinh tế lượng		KTQT - K2022	3	231A	Tự luận
836	Project design 2		KTQT - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
837	Tiếng Anh 6		KTQT - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
838	Nhập môn Tiếng Anh kinh doanh	E	KTQT - K2022	3	231B	Tự luận
839	Giáo dục thể chất 1		KTQT - K2022	1	231B	Thực hành
840	Marketing căn bản	E	KTQT - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
841	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		KTQT - K2022	3	232A	Tiểu luận
842	Giáo dục thể chất 2		KTQT - K2022	1	232A	Thực hành
843	Tiếng Anh 7		KTQT - K2022	4	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
844	Địa lý kinh tế thế giới		KTQT - K2022	3	232B	Tự luận
845	Quản trị học	E	KTQT - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
846	Giáo dục thể chất 3		KTQT - K2022	1	232B	Thực hành
847	Tiếng Anh 5		LUAT - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
848	Project design 2		LUAT - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
849	Luật hợp đồng		LUAT - K2022	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
850	Tiếng Anh 6		LUAT - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
851	Pháp luật tài sản và quyền sở hữu		LUAT - K2022	3	231B	Tự luận
852	Giáo dục thể chất 1		LUAT - K2022	1	231B	Thực hành
853	Tiếng Anh 7		LUAT - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
854	Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng		LUAT - K2022	3	232A	Tự luận
855	Giáo dục thể chất 2		LUAT - K2022	1	232A	Thực hành
856	Quản trị học	E	LUAT - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
857	Kinh tế vi mô	E	LUAT - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
858	Học phần tự chọn 1		LUAT - K2022	3	232B	Tự luận
859	Giáo dục thể chất 3		LUAT - K2022	1	232B	Thực hành
860	Tiếng Anh 5		LUATKT - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
861	Luật hợp đồng		LUATKT - K2022	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
862	Project design 2		LUATKT - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
863	Tiếng Anh 6		LUATKT - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
864	Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng		LUATKT - K2022	3	231B	Tự luận
865	Giáo dục thể chất 1		LUATKT - K2022	1	231B	Thực hành
866	Tiếng Anh 7		LUATKT - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
867	Pháp luật tài sản và quyền sở hữu		LUATKT - K2022	3	232A	Tự luận
868	Giáo dục thể chất 2		LUATKT - K2022	1	232A	Thực hành
869	Quản trị học	E	LUATKT - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
870	Luật quốc tế	E	LUATKT - K2022	3	232B	Tự luận
871	Học phần tự chọn 1		LUATKT - K2022	3	232B	Tự luận
872	Giáo dục thể chất 3		LUATKT - K2022	1	232B	Thực hành
873	Tiếng Anh 5		LQT - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
874	Project design 2		LQT - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
875	Luật hợp đồng		LQT - K2022	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
876	Tiếng Anh 6		LQT - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
877	Pháp luật tài sản và quyền sở hữu		LQT - K2022	3	231B	Tự luận
878	Giáo dục thể chất 1		LQT - K2022	1	231B	Thực hành
879	Tiếng Anh 7		LQT - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
880	Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng		LQT - K2022	3	232A	Tự luận
881	Giáo dục thể chất 2		LQT - K2022	1	232A	Thực hành
882	Luật lao động	E	LQT - K2022	3	232B	Vấn đáp
883	Quản trị học	E	LQT - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
884	Học phần tự chọn 1		LQT - K2022	3	232B	Tự luận
885	Giáo dục thể chất 3		LQT - K2022	1	232B	Thực hành
886	Tiếng Anh 5		QHQT - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
887	Project design 2		QHQT - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
888	Cơ sở văn hóa Việt Nam		QHQT - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
889	Tiếng Anh 6		QHQT - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
890	Chính sách đối ngoại Việt Nam		QHQT - K2022	3	231B	Tiểu luận
891	Giáo dục thể chất 1		QHQT - K2022	1	231B	Thực hành
892	Tiếng Anh 7		QHQT - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
893	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế		QHQT - K2022	3	232A	Tiểu luận
894	Giáo dục thể chất 2		QHQT - K2022	1	232A	Thực hành
895	Những vấn đề toàn cầu	E	QHQT - K2022	3	232B	Tiểu luận
896	Pháp luật đại cương		QHQT - K2022	3	232B	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
897	Kỹ năng nghe và ghi chép tin quan hệ quốc tế	E	QHQT - K2022	3	232B	Tự luận
898	Tiếng Anh 5		QTKS - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
899	Project design 2		QTKS - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
900	Quản trị học	E	QTKS - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
901	Tiếng Anh 6		QTKS - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
902	Quản trị Khách sạn – Khu nghỉ dưỡng	E	QTKS - K2022	3	231B	Tự luận
903	Seminar khách sạn		QTKS - K2022	1	231B	Báo cáo cuối kỳ
904	Tiếng Anh 7		QTKS - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
905	Thực hành nghiệp vụ nhà hàng - bar		QTKS - K2022	3	232A	Thi Thực hành
906	Hành vi khách hàng trong lĩnh vực dịch vụ	E	QTKS - K2022	3	232A	Tự luận
907	Giáo dục thể chất 1		QTKS - K2022	1	232A	Thực hành
908	Marketing căn bản	E	QTKS - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
909	Học phần tự chọn 1		QTKS - K2022	3	232B	Tự luận
910	Giáo dục thể chất 2		QTKS - K2022	1	232B	Thực hành
911	Tiếng Anh 5		QTDVDLLH - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
912	Tuyển điểm du lịch		QTDVDLLH - K2022	3	231A	Tiểu luận
913	Quản trị học	E	QTDVDLLH - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
914	Tiếng Anh 6		QTDVDLLH - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
915	Quản trị lữ hành	E	QTDVDLLH - K2022	3	231B	Trắc nghiệm
916	Tiếng Anh 7		QTDVDLLH - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
917	Văn hóa các nước Đông Nam Á		QTDVDLLH - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
918	Thiết kế và tính giá tour		QTDVDLLH - K2022	3	232A	Tự luận
919	Học phần tự chọn 1		QTDVDLLH - K2022	3	232B	Tự luận
920	Project design 2		QTDVDLLH - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
921	Giáo dục thể chất 1		QTDVDLLH - K2022	1	232B	Thực hành
922	Kiến tập thiết kế tour	E	QTDVDLLH - K2022	1	232B	Tự luận
923	Tiếng Anh 5		QTNHDVAU - K2022	4	231A	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
924	Project design 2		QTNHDVAU - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
925	Quản trị học	E	QTNHDVAU - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
926	Tiếng Anh 6		QTNHDVAU - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
927	Quản trị nhà hàng	E	QTNHDVAU - K2022	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
928	Seminar F&B		QTNHDVAU - K2022	1	231B	Báo cáo cuối kỳ
929	Tiếng Anh 7		QTNHDVAU - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
930	Kinh tế vi mô	E	QTNHDVAU - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
931	Giáo dục thể chất 1		QTNHDVAU - K2022	1	232A	Thực hành
932	Kinh tế du lịch		QTNHDVAU - K2022	3	232B	Tự luận
933	Thực hành nghiệp vụ nhà hàng - bar		QTNHDVAU - K2022	3	232B	Thi Thực hành
934	Marketing căn bản	E	QTNHDVAU - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
935	Giáo dục thể chất 2		QTNHDVAU - K2022	1	232B	Thực hành
936	Tiếng Nhật 1/ Tiếng Pháp 1/ Tiếng Hàn 1/ Tiếng Trung 1		NNA - K2022	4	231A	Tự luận
937	Nghe - nói 2		NNA - K2022	3	231A	Vấn đáp
938	Giáo dục thể chất 1		NNA - K2022	1	231A	Thực hành
939	Tiếng Nhật 2/ Tiếng Pháp 2/ Tiếng Hàn 2/ Tiếng Trung 2		NNA - K2022	4	231B	Tự luận
940	Đọc 2		NNA - K2022	3	231B	Tự luận
941	Giáo dục thể chất 2		NNA - K2022	1	231B	Thực hành
942	Tiếng Nhật 3/ Tiếng Pháp 3/ Tiếng Hàn 3/ Tiếng Trung 3		NNA - K2022	4	232A	Tự luận
943	Viết 2	E	NNA - K2022	3	232A	Tự luận
944	Giáo dục thể chất 3		NNA - K2022	1	232A	Thực hành
945	Tiếng Nhật 4/ Tiếng Pháp 4/ Tiếng Hàn 4/ Tiếng Trung 4		NNA - K2022	4	232B	Tự luận

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
946	Đọc tiếng Anh giao dịch kinh thương		NNA - K2022	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
947	Project design 2		NNA - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
948	Tiếng Anh 5		QTNL - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
949	Nguyên lý kế toán		QTNL - K2022	3	231A	Tự luận
950	Giáo dục thể chất 1		QTNL - K2022	1	231A	Thực hành
951	Tiếng Anh 6		QTNL - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
952	Nhập môn Tiếng Anh kinh doanh	E	QTNL - K2022	3	231B	Tự luận
953	Project design 2		QTNL - K2022	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
954	Quản trị nguồn nhân lực	E	QTNL - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
955	Kinh tế vĩ mô		QTNL - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
956	Quản trị chiến lược	E	QTNL - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
957	Giáo dục thể chất 2		QTNL - K2022	1	232A	Thực hành
958	Tiếng Anh 7		QTNL - K2022	4	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
959	Hành vi tổ chức	E	QTNL - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
960	Giáo dục thể chất 3		QTNL - K2022	1	232B	Thực hành
961	Tiếng Anh 5		QTKD - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
962	Nhập môn Tiếng Anh kinh doanh	E	QTKD - K2022	3	231A	Tự luận
963	Xác suất thống kê		QTKD - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
964	Tiếng Anh 6		QTKD - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
965	Project design 2		QTKD - K2022	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
966	Giáo dục thể chất 1		QTKD - K2022	1	231B	Thực hành
967	Kinh tế vĩ mô	E	QTKD - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
968	Quản trị chiến lược	E	QTKD - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
969	Nguyên lý kế toán		QTKD - K2022	3	232A	Tự luận
970	Giáo dục thể chất 2		QTKD - K2022	1	232A	Thực hành
971	Quản trị nguồn nhân lực	E	QTKD - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
972	Tiếng Anh 7		QTKD - K2022	4	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
973	Giáo dục thể chất 3		QTKD - K2022	1	232B	Thực hành
974	Tiếng Anh 5		KDTM - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
975	Nguyên lý kế toán		KDTM - K2022	3	231A	Tự luận
976	Quản trị học		KDTM - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
977	Tiếng Anh 6		KDTM - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
978	Tin học thống kê		KDTM - K2022	3	231B	Trắc nghiệm
979	Giáo dục thể chất 1		KDTM - K2022	1	231B	Thực hành
980	Tiếng Anh 7		KDTM - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
981	Quản trị Marketing	E	KDTM - K2022	3	232A	Tiểu luận
982	Giáo dục thể chất 2		KDTM - K2022	1	232A	Thực hành
983	Project design 2		KDTM - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
984	Quản trị bán hàng	E	KDTM - K2022	3	232B	Tiểu luận
985	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh		KDTM - K2022	3	232B	Tự luận
986	Giáo dục thể chất 3		KDTM - K2022	1	232B	Thực hành
987	Tiếng Anh 5		TCQT - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
988	Lý thuyết tài chính tiền tệ	E	TCQT - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
989	Project design 2		TCQT - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
990	Tiếng Anh 6		TCQT - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
991	Mô phỏng kinh doanh ngoại hối		TCQT - K2022	3	231B	Tự luận
992	Giáo dục thể chất 1		TCQT - K2022	1	231B	Thực hành
993	Kinh tế vĩ mô	E	TCQT - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
994	Tài chính doanh nghiệp	E	TCQT - K2022	3	232A	Tự luận
995	Triết học Mác – Lênin		TCQT - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
996	Giáo dục thể chất 2		TCQT - K2022	1	232A	Thực hành
997	Tiếng Anh 7		TCQT - K2022	4	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
998	Kinh tế lượng		TCQT - K2022	3	232B	Tự luận
999	Giáo dục thể chất 3		TCQT - K2022	1	232B	Thực hành
1000	Tiếng Anh 5		TCNH - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
1001	Pháp luật về doanh nghiệp		TCNH - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
1002	Project design 2		TCNH - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1003	Tiếng Anh 6		TCNH - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
1004	Lý thuyết tài chính tiền tệ	E	TCNH - K2022	3	231B	Trắc nghiệm
1005	Thuế	E	TCNH - K2022	3	232A	Tự luận
1006	Thị trường bảo hiểm		TCNH - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
1007	Kinh tế vĩ mô	E	TCNH - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
1008	Giáo dục thể chất 1		TCNH - K2022	1	232A	Thực hành
1009	Tiếng Anh 7		TCNH - K2022	4	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
1010	Tài chính doanh nghiệp	E	TCNH - K2022	3	232B	Tự luận
1011	Giáo dục thể chất 2		TCNH - K2022	1	232B	Thực hành
1012	Tiếng Anh 5		CNTC - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
1013	Project design 2		CNTC - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1014	Nhập môn công nghệ tài chính	E	CNTC - K2022	3	231A	Tự luận
1015	Tiếng Anh 6		CNTC - K2022	4	231B	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1016	Lý thuyết tài chính tiền tệ	E	CNTC - K2022	3	231B	Trắc nghiệm
1017	Kinh tế vĩ mô	E	CNTC - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
1018	Nguyên lý kế toán	E	CNTC - K2022	3	232A	Tự luận
1019	Tài chính doanh nghiệp		CNTC - K2022	3	232A	Tự luận
1020	Giáo dục thể chất 1		CNTC - K2022	1	232A	Thực hành
1021	Tiếng Anh 7		CNTC - K2022	4	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
1022	Ngân hàng thương mại	E	CNTC - K2022	3	232B	Tự luận
1023	Giáo dục thể chất 2		CNTC - K2022	1	232B	Thực hành
1024	Tiếng Anh 5		KIEMTOAN - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
1025	Project design 2		KIEMTOAN - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1026	Lý thuyết tài chính tiền tệ	E	KIEMTOAN - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
1027	Tiếng Anh 6		KIEMTOAN - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
1028	Kế toán tài chính 1	E	KIEMTOAN - K2022	3	231B	Tự luận
1029	Giáo dục thể chất 1		KIEMTOAN - K2022	1	231B	Thực hành
1030	Tiếng Anh 7		KIEMTOAN - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1031	Kinh tế vĩ mô	E	KIEMTOAN - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
1032	Giáo dục thể chất 2		KIEMTOAN - K2022	1	232A	Thực hành
1033	Kế toán quản trị 1	E	KIEMTOAN - K2022	3	232B	Tự luận
1034	Tin học thống kê		KIEMTOAN - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
1035	Tài chính doanh nghiệp	E	KIEMTOAN - K2022	3	232B	Tự luận
1036	Giáo dục thể chất 3		KIEMTOAN - K2022	1	232B	Thực hành
1037	Tiếng Anh 5		KT - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
1038	Project design 2		KT - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1039	Lý thuyết tài chính tiền tệ	E	KT - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
1040	Tiếng Anh 6		KT - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
1041	Kế toán tài chính 1	E	KT - K2022	3	231B	Tự luận
1042	Giáo dục thể chất 1		KT - K2022	1	231B	Thực hành
1043	Tiếng Anh 7		KT - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1044	Kinh tế vĩ mô	E	KT - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
1045	Giáo dục thể chất 2		KT - K2022	1	232A	Thực hành

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1046	Tin học thống kê		KT - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
1047	Tài chính doanh nghiệp	E	KT - K2022	3	232B	Tự luận
1048	Kế toán quản trị 1	E	KT - K2022	3	232B	Tự luận
1049	Giáo dục thể chất 3		KT - K2022	1	232B	Thực hành
1050	Tiếng Anh 5		QTSK - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
1051	Project design 2		QTSK - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1052	Học phần tự chọn 1		QTSK - K2022	3	231A	Tự luận
1053	Tiếng Anh 6		QTSK - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
1054	Cơ sở văn hóa Việt Nam		QTSK - K2022	3	231B	Trắc nghiệm
1055	Giáo dục thể chất 1		QTSK - K2022	1	231B	Thực hành
1056	Tiếng Anh 7		QTSK - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1057	Hệ thống thiết bị và kỹ thuật trong sự kiện	E	QTSK - K2022	3	232A	Tự luận
1058	Giáo dục thể chất 2		QTSK - K2022	1	232A	Thực hành
1059	Nghiên cứu thị trường	E	QTSK - K2022	3	232B	Tiểu luận
1060	Quản trị sản xuất và vận hành trong sự kiện		QTSK - K2022	3	232B	Tự luận
1061	Kịch bản sự kiện	E	QTSK - K2022	3	232B	Tự luận
1062	Giáo dục thể chất 3		QTSK - K2022	1	232B	Thực hành
1063	Tiếng Anh 5		Marketing - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
1064	Project design 2		Marketing - K2022	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1065	Giáo dục thể chất 1		Marketing - K2022	1	231A	Thực hành
1066	Tiếng Anh 6		Marketing - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
1067	Quan hệ công chúng trong marketing	E	Marketing - K2022	3	231A	Tự luận
1068	Học phần tự chọn 1		Marketing - K2022	3	231B	Tự luận
1069	Hành vi người tiêu dùng	E	Marketing - K2022	3	232A	Tự luận
1070	Nghiên cứu Marketing		Marketing - K2022	3	232A	Tự luận
1071	Kinh tế vĩ mô		Marketing - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
1072	Giáo dục thể chất 2		Marketing - K2022	1	232A	Thực hành
1073	Tiếng Anh 7		Marketing - K2022	4	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
1074	Quản trị marketing	E	Marketing - K2022	3	232B	Tiểu luận

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1075	Giáo dục thể chất 3		Marketing - K2022	1	232B	Thực hành
1076	Tiếng Anh 1/ Tiếng Pháp 1/ Tiếng Hàn 1/ Tiếng Trung Quốc 1		NNN - K2022	4	231A	Tự luận
1077	Tiếng Nhật: Đọc 2		NNN - K2022	3	231A	Tự luận + trắc nghiệm
1078	Giáo dục thể chất 1		NNN - K2022	1	231A	Thực hành
1079	Tiếng Anh 2/ Tiếng Pháp 2/ Tiếng Hàn 2 Tiếng Trung Quốc 2		NNN - K2022	4	231B	Tự luận
1080	Tiếng Nhật: Nghe 2		NNN - K2022	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
1081	Giáo dục thể chất 2		NNN - K2022	1	231B	Thực hành
1082	Tiếng Anh 3/ Tiếng Pháp 3/ Tiếng Hàn 3/ Tiếng Trung Quốc 3		NNN - K2022	4	232A	Tự luận
1083	Tiếng Nhật: Ngữ pháp -Viết 3		NNN - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
1084	Giáo dục thể chất 3		NNN - K2022	1	232A	Thực hành
1085	Tiếng Anh 4/ Tiếng Pháp 4/ Tiếng Hàn 4/ Tiếng Trung Quốc 4		NNN - K2022	4	232B	Tự luận
1086	Tiếng Nhật: Nói 3	J	NNN - K2022	3	232B	Vấn đáp
1087	Project design 2		NNN - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1088	Tiếng Anh 1/ Tiếng Pháp 1/ Tiếng Nhật 1/ Tiếng Trung 1		NNHQ - K2022	4	231A	Tự luận
1089	Tiếng Hàn: Đọc 2		NNHQ - K2022	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
1090	Giáo dục thể chất 1		NNHQ - K2022	1	231A	Thực hành
1091	Tiếng Anh 2/ Tiếng Pháp 2/ Tiếng Nhật 2/ Tiếng Trung 2		NNHQ - K2022	4	231B	Tự luận
1092	Tiếng Hàn: Nghe 2		NNHQ - K2022	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
1093	Giáo dục thể chất 2		NNHQ - K2022	1	231B	Thực hành
1094	Tiếng Anh 3/ Tiếng Pháp 3/ Tiếng Nhật 3/ Tiếng Trung 3		NNHQ - K2022	4	232A	Tự luận

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1095	Tiếng Hàn: Ngữ pháp-Viết 3		NNHQ - K2022	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1096	Giáo dục thể chất 3		NNHQ - K2022	1	232A	Thực hành
1097	Tiếng Anh 4/ Tiếng Pháp 4/ Tiếng Nhật 4/ Tiếng Trung 4		NNHQ - K2022	4	232B	Tự luận
1098	Tiếng Hàn: Nói 3	K	NNHQ - K2022	3	232B	Vấn đáp
1099	Project design 2		NNHQ - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1100	Tiếng Anh 1/ Tiếng Pháp 1/ Tiếng Nhật 1 Tiếng Hàn 1		NNTQ - K2022	4	231A	Tự luận
1101	Tiếng Trung_Nghe 2		NNTQ - K2022	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
1102	Giáo dục thể chất 1		NNTQ - K2022	1	231A	Thực hành
1103	Tiếng Anh 2/ Tiếng Pháp 2/ Tiếng Nhật 2/ Tiếng Hàn 2		NNTQ - K2022	4	231B	Tự luận
1104	Tiếng Trung_Đọc 2		NNTQ - K2022	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
1105	Giáo dục thể chất 2		NNTQ - K2022	1	231B	Thực hành
1106	Tiếng Anh 3/ Tiếng Pháp 3/ Tiếng Nhật 3/ Tiếng Hàn 3		NNTQ - K2022	4	232A	Tự luận
1107	Tiếng Trung_Viết 3 (tổng hợp 3)		NNTQ - K2022	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1108	Giáo dục thể chất 3		NNTQ - K2022	1	232A	Thực hành
1109	Tiếng Anh 4/ Tiếng Pháp 4/ Tiếng Nhật 4/ Tiếng Hàn 4		NNTQ - K2022	4	232B	Tự luận
1110	Tiếng Trung_Nói 3	C	NNTQ - K2022	3	232B	Vấn đáp
1111	Project design 2		NNTQ - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1112	Tiếng Anh 5		TLH - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
1113	Project design 2		TLH - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1114	Lịch sử phát triển tâm lý học		TLH - K2022	3	231A	Vấn đáp
1115	Tiếng Anh 6		TLH - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
1116	Học phần tự chọn 1		TLH - K2022	3	231B	Tự luận
1117	Giáo dục thể chất 1		TLH - K2022	1	231B	Thực hành

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1118	Tiếng Anh 7		TLH - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1119	Xã hội học		TLH - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
1120	Giáo dục thể chất 2		TLH - K2022	1	232A	Thực hành
1121	Tâm lý học phát triển	E	TLH - K2022	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
1122	Tâm lý học xã hội	E	TLH - K2022	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
1123	Học phần tự chọn 2		TLH - K2022	3	232B	Tự luận
1124	Giáo dục thể chất 3		TLH - K2022	1	232B	Thực hành
1125	Tiếng Anh 5		TTDPT - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
1126	Viết hiệu quả		TTDPT - K2022	3	231A	Tự luận
1127	Thiết kế giao diện truyền thông		TTDPT - K2022	3	231A	Tự luận
1128	Tiếng Anh 6		TTDPT - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
1129	Kỹ thuật quay và dựng phim		TTDPT - K2022	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1130	Giáo dục thể chất 1		TTDPT - K2022	1	231B	Thực hành
1131	Tiếng Anh 7		TTDPT - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1132	Phương pháp biên tập		TTDPT - K2022	3	232A	Tiểu luận
1133	Giáo dục thể chất 2		TTDPT - K2022	1	232A	Thực hành
1134	Project design 2		TTDPT - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1135	Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông		TTDPT - K2022	3	232B	Tự luận
1136	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	E	TTDPT - K2022	3	232B	Tự luận
1137	Giáo dục thể chất 3		TTDPT - K2022	1	232B	Thực hành
1138	Tiếng Anh 5		CNTTrT - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
1139	Hệ thống thiết bị kỹ thuật sản xuất audio, video		CNTTrT - K2022	3	231A	Tự luận
1140	Project design 2		CNTTrT - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1141	Tiếng Anh 6		CNTTrT - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
1142	Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông		CNTTrT - K2022	3	231B	Tự luận
1143	Giáo dục thể chất 1		CNTTrT - K2022	1	231B	Thực hành
1144	Tiếng Anh 7		CNTTrT - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1145	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	E	CNTrT - K2022	3	232A	Tự luận
1146	Giáo dục thể chất 2		CNTrT - K2022	1	232A	Thực hành
1147	Thiết kế nội dung truyền thông	E	CNTrT - K2022	3	232B	Tự luận
1148	Quan hệ công chúng	E	CNTrT - K2022	3	232B	Tự luận
1149	Kịch bản		CNTrT - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1150	Giáo dục thể chất 3		CNTrT - K2022	1	232B	Thực hành
1151	Tiếng Anh 5		QHCC - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
1152	Project design 2		QHCC - K2022	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1153	Viết hiệu quả		QHCC - K2022	3	231A	Tự luận
1154	Tiếng Anh 6		QHCC - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
1155	Xã hội học truyền thông	E	QHCC - K2022	3	231B	Trắc nghiệm
1156	Giáo dục thể chất 1		QHCC - K2022	1	231B	Thực hành
1157	Tiếng Anh 7		QHCC - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1158	Truyền thông quốc tế	E	QHCC - K2022	3	232A	Trắc nghiệm
1159	Giáo dục thể chất 2		QHCC - K2022	1	232A	Thực hành
1160	Xây dựng và quảng bá thương hiệu	E	QHCC - K2022	3	232B	Tiểu luận
1161	Kỹ thuật ảnh	E	QHCC - K2022	3	232B	Tiểu luận
1162	Học phần tự chọn 1		QHCC - K2022	3	232B	Tự luận
1163	Giáo dục thể chất 3		QHCC - K2022	1	232B	Thực hành
1164	Tiếng Anh 5		KDQT - K2022	4	231A	Trắc nghiệm
1165	Kinh tế vĩ mô		KDQT - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
1166	Quản trị học		KDQT - K2022	3	231A	Trắc nghiệm
1167	Tiếng Anh 6		KDQT - K2022	4	231B	Trắc nghiệm
1168	Nguyên lý kế toán		KDQT - K2022	3	231B	Tự luận
1169	Giáo dục thể chất 1		KDQT - K2022	1	231B	Thực hành
1170	Tiếng Anh 7		KDQT - K2022	4	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1171	Kinh tế quốc tế	E	KDQT - K2022	3	232B	Tự luận
1172	Giáo dục thể chất 2		KDQT - K2022	1	232A	Thực hành
1173	Project design 2		KDQT - K2022	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1174	Nhập môn Tiếng Anh kinh doanh	E	KDQT - K2022	3	232A	Tự luận
1175	Quản trị chiến lược	E	KDQT - K2022	3	232B	Trắc nghiệm
1176	Giáo dục thể chất 3		KDQT - K2022	1	232B	Thực hành
1177	Tiếng Anh 1		CNTT - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1178	Nhập môn lập trình		CNTT - K2023	3	231A	Tự luận
1179	Tiếng Anh 2		CNTT - K2023	4	231B	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1180	Tin học đại cương		CNTT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1181	Kỹ thuật lập trình		CNTT - K2023	3	231B	Tự luận
1182	Tiếng Anh 3		CNTT - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1183	Project design 1		CNTT - K2023	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
1184	Tiếng Anh 4		CNTT - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1185	Pháp luật đại cương		CNTT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1186	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		CNTT - K2023	3	232B	Tự luận
1187	Tiếng Anh 1		KHDL - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1188	Tin học đại cương		KHDL - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1189	Tiếng Anh 2		KHDL - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1190	Lập trình Python cơ bản		KHDL - K2023	3	231B	Tự luận
1191	Project design 1		KHDL - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1192	Tiếng Anh 3		KHDL - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1193	Lập trình Python nâng cao		KHDL - K2023	3	232A	Tự luận
1194	Tiếng Anh 4		KHDL - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1195	Toán cao cấp		KHDL - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1196	Pháp luật đại cương		KHDL - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1197	Tiếng Anh 1		TMĐT - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1198	Tin học đại cương		TMĐT - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1199	Tiếng Anh 2		TMĐT - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1200	Kinh tế vi mô		TMĐT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1201	Project design 1		TMĐT - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1202	Tiếng Anh 3		TMĐT - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1203	Cơ sở lập trình		TMĐT - K2023	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
1204	Tiếng Anh 4		TMĐT - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1205	Toán cao cấp		TMĐT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1206	Pháp luật đại cương		TMĐT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1207	Tiếng Anh 1		TKDH - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1208	Tin học đại cương		TKDH - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1209	Tiếng Anh 2		TKDH - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1210	Cơ sở văn hóa Việt Nam		TKDH - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1211	Lịch sử mỹ thuật		TKDH - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1212	Tiếng Anh 3		TKDH - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1213	Project design 1		TKDH - K2023	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
1214	Tiếng Anh 4		TKDH - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1215	Lịch sử thiết kế đồ họa		TKDH - K2023	3	232B	Báo cáo cuối kỳ

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1216	Phát triển ý tưởng sáng tạo		TKDH - K2023	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1217	Tiếng Anh 1		LoQLCC - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1218	Pháp luật đại cương		LoQLCC - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1219	Tiếng Anh 2		LoQLCC - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1220	Kinh tế vi mô		LoQLCC - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1221	Tin học đại cương		LoQLCC - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1222	Tiếng Anh 3		LoQLCC - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1223	Xác suất thống kê		LoQLCC - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1224	Tiếng Anh 4		LoQLCC - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1225	Marketing căn bản		LoQLCC - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1226	Project design 1		LoQLCC - K2023	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1227	Tiếng Anh 1		BDS - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1228	Project design 1		BDS - K2023	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1229	Tiếng Anh 2		BDS - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1230	Pháp luật đại cương		BDS - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1231	Kinh tế vi mô		BDS - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1232	Tiếng Anh 3		BDS - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1233	Nguyên lý kế toán		BDS - K2023	3	232A	Tự luận
1234	Tiếng Anh 4		BDS - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1235	Tin học đại cương		BDS - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1236	Xác suất thống kê		BDS - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1237	Tiếng Anh 1		KTQT - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1238	Tin học đại cương		KTQT - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1239	Tiếng Anh 2		KTQT - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1240	Kinh tế vi mô		KTQT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1241	Pháp luật đại cương		KTQT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1242	Tiếng Anh 3		KTQT - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1243	Kinh tế vĩ mô		KTQT - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1244	Tiếng Anh 4		KTQT - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1245	Project design 1		KTQT - K2023	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1246	Xác suất thống kê		KTQT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1247	Tiếng Anh 1		LUAT - K2023	4	231A	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1248	Luật hiến pháp Việt Nam		LUAT - K2023	3	231A	Tự luận
1249	Tiếng Anh 2		LUAT - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1250	Tin học đại cương		LUAT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1251	Pháp luật đại cương		LUAT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1252	Tiếng Anh 3		LUAT - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1253	Luật hành chính		LUAT - K2023	3	232A	Tự luận
1254	Tiếng Anh 4		LUAT - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1255	Project design 1		LUAT - K2023	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1256	Pháp luật về doanh nghiệp		LUAT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1257	Tiếng Anh 1		LUATKT - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1258	Pháp luật đại cương		LUATKT - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1259	Tiếng Anh 2		LUATKT - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1260	Tin học đại cương		LUATKT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1261	Luật hiến pháp Việt Nam		LUATKT - K2023	3	231B	Tự luận
1262	Tiếng Anh 3		LUATKT - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1263	Luật hành chính		LUATKT - K2023	3	232A	Tự luận
1264	Tiếng Anh 4		LUATKT - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1265	Project design 1		LUATKT - K2023	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1266	Pháp luật về doanh nghiệp		LUATKT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1267	Tiếng Anh 1		LQT - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1268	Pháp luật đại cương		LQT - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1269	Tiếng Anh 2		LQT - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1270	Tin học đại cương		LQT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1271	Luật hiến pháp Việt Nam		LQT - K2023	3	231B	Tự luận
1272	Tiếng Anh 3		LQT - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1273	Project design 1		LQT - K2023	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
1274	Luật hành chính		LQT - K2023	3	232A	Tự luận
1275	Tiếng Anh 4		LQT - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1276	Pháp luật về doanh nghiệp		LQT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1277	Tiếng Anh 1		QHQT - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1278	Nhập môn quan hệ quốc tế		QHQT - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1279	Tiếng Anh 2		QHQT - K2023	4	231B	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1280	Project design 1		QHQT - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1281	Lịch sử văn minh thế giới		QHQT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1282	Tiếng Anh 3		QHQT - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1283	Lịch sử quan hệ quốc tế 1		QHQT - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1284	Tiếng Anh 4		QHQT - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1285	Tin học đại cương		QHQT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1286	Lịch sử quan hệ quốc tế 2		QHQT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1287	Tiếng Anh 1		QTKS - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1288	Tổng quan du lịch		QTKS - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1289	Tiếng Anh 2		QTKS - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1290	Project design 1		QTKS - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1291	Cơ sở văn hóa Việt Nam		QTKS - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1292	Tiếng Anh 3		QTKS - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1293	Tin học đại cương		QTKS - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1294	Kinh tế vi mô		QTKS - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1295	Tiếng Anh 4		QTKS - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1296	Pháp luật đại cương		QTKS - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1297	Kỹ năng xây dựng hình ảnh cá nhân	E	QTKS - K2023	1	232B	Thực hành
1298	Tiếng Anh 1		QTDVDLLH - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1299	Tổng quan du lịch		QTDVDLLH - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1300	Tiếng Anh 2		QTDVDLLH - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1301	Project design 1		QTDVDLLH - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1302	Địa lý du lịch		QTDVDLLH - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1303	Tiếng Anh 3		QTDVDLLH - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1304	Cơ sở văn hóa Việt Nam		QTDVDLLH - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1305	Tin học đại cương		QTDVDLLH - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1306	Tiếng Anh 4		QTDVDLLH - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1307	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch		QTDVDLLH - K2023	3	232B	Tự luận
1308	Seminar lễ hành		QTDVDLLH - K2023	1	232B	Tự luận
1309	Tiếng Anh 1		QTNHDVAU - K2023	4	231A	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1310	Tổng quan du lịch		QTNHDVAU - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1311	Tiếng Anh 2		QTNHDVAU - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1312	Project design 1		QTNHDVAU - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1313	Cơ sở văn hóa Việt Nam		QTNHDVAU - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1314	Tiếng Anh 3		QTNHDVAU - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1315	Tin học đại cương		QTNHDVAU - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1316	Pháp luật đại cương		QTNHDVAU - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1317	Tiếng Anh 4		QTNHDVAU - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1318	Luật du lịch		QTNHDVAU - K2023	3	232B	Tự luận
1319	Tiếng Anh tăng cường 1		NNA - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1320	Project design 1		NNA - K2023	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1321	Tiếng Anh tăng cường 2		NNA - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1322	Ngữ pháp 1		NNA - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1323	Độc 1		NNA - K2023	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
1324	Tin học đại cương		NNA - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1325	Ngữ pháp 2		NNA - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1326	Nghe - nói 1		NNA - K2023	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1327	Pháp luật đại cương		NNA - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1328	Phát âm		NNA - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1329	Viết 1	E	NNA - K2023	3	232B	Tự luận
1330	Tiếng Anh 1		QTNL - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1331	Kinh tế vi mô		QTNL - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1332	Tiếng Anh 2		QTNL - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1333	Project design 1		QTNL - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1334	Pháp luật đại cương		QTNL - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1335	Tiếng Anh 3		QTNL - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1336	Nguyên lý marketing		QTNL - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1337	Tiếng Anh 4		QTNL - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1338	Quản trị học		QTNL - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1339	Tin học đại cương		QTNL - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1340	Tiếng Anh 1		QTKD - K2023	4	231A	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1341	Project design 1		QTKD - K2023	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1342	Tiếng Anh 2		QTKD - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1343	Pháp luật đại cương		QTKD - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1344	Nguyên lý marketing		QTKD - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1345	Tiếng Anh 3		QTKD - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1346	Kinh tế vi mô		QTKD - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1347	Tin học đại cương		QTKD - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1348	Tiếng Anh 4		QTKD - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1349	Quản trị học		QTKD - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1350	Tiếng Anh 1		KDTM - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1351	Tin học đại cương		KDTM - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1352	Tiếng Anh 2		KDTM - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1353	Kinh tế vi mô		KDTM - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1354	Pháp luật đại cương		KDTM - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1355	Tiếng Anh 3		KDTM - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1356	Marketing căn bản		KDTM - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1357	Tiếng Anh 4		KDTM - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1358	Xác suất thống kê		KDTM - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1359	Project design 1		KDTM - K2023	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1360	Tiếng Anh 1		TCQT - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1361	Toán cao cấp		TCQT - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1362	Tiếng Anh 2		TCQT - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1363	Kinh tế vi mô		TCQT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1364	Pháp luật đại cương		TCQT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1365	Tiếng Anh 3		TCQT - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1366	Nguyên lý kế toán		TCQT - K2023	3	232A	Tự luận
1367	Project design 1		TCQT - K2023	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
1368	Tiếng Anh 4		TCQT - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1369	Tin học đại cương		TCQT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1370	Tiếng Anh 1		TCNH - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1371	Toán cao cấp		TCNH - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1372	Tiếng Anh 2		TCNH - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1373	Kinh tế vi mô		TCNH - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1374	Pháp luật đại cương		TCNH - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1375	Tiếng Anh 3		TCNH - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1376	Project design 1		TCNH - K2023	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
1377	Tiếng Anh 4		TCNH - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1378	Nguyên lý kế toán	E	TCNH - K2023	3	232B	Tự luận
1379	Tin học đại cương		TCNH - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1380	Tiếng Anh 1		CNTC - K2023	4	231A	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1381	Project design 1		CNTC - K2023	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1382	Tiếng Anh 2		CNTC - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1383	Kinh tế vi mô		CNTC - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1384	Pháp luật đại cương		CNTC - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1385	Tiếng Anh 3		CNTC - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1386	Toán cao cấp		CNTC - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1387	Tiếng Anh 4		CNTC - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1388	Kinh tế lượng		CNTC - K2023	3	232B	Tự luận
1389	Tin học đại cương		CNTC - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1390	Tiếng Anh 1		KIEMTOAN - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1391	Pháp luật đại cương		KIEMTOAN - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1392	Tiếng Anh 2		KIEMTOAN - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1393	Kinh tế vi mô		KIEMTOAN - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1394	Nguyên lý kế toán		KIEMTOAN - K2023	3	231B	Tự luận
1395	Tiếng Anh 3		KIEMTOAN - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1396	Tin học đại cương		KIEMTOAN - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1397	Tiếng Anh 4		KIEMTOAN - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1398	Project design 1		KIEMTOAN - K2023	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1399	Xác suất thống kê		KIEMTOAN - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1400	Tiếng Anh 1		KT - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1401	Project design 1		KT - K2023	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1402	Tiếng Anh 2		KT - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1403	Kinh tế vi mô		KT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1404	Pháp luật đại cương		KT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1405	Tiếng Anh 3		KT - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1406	Nguyên lý kế toán		KT - K2023	3	232A	Tự luận
1407	Tin học đại cương		KT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1408	Tiếng Anh 4		KT - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1409	Xác suất thống kê		KT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1410	Tiếng Anh 1		QTSK - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1411	Nhóm và Quản lý đội nhóm		QTSK - K2023	3	231A	Tiểu luận
1412	Tiếng Anh 2		QTSK - K2023	4	231B	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1413	Project design 1		QTSK - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1414	Thuyết trình sáng tạo		QTSK - K2023	3	231B	Tiểu luận
1415	Tiếng Anh 3		QTSK - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1416	Marketing trải nghiệm		QTSK - K2023	3	232A	Tiểu luận
1417	Tiếng Anh 4		QTSK - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1418	Nhập môn Quản trị sự kiện		QTSK - K2023	3	232B	Tiểu luận
1419	Tin học đại cương		QTSK - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1420	Tiếng Anh 1		Marketing - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1421	Quản trị học		Marketing - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1422	Tiếng Anh 2		Marketing - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1423	Marketing căn bản		Marketing - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1424	Tin học đại cương		Marketing - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1425	Tiếng Anh 3		Marketing - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1426	Project design 1		Marketing - K2023	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
1427	Kinh tế vi mô		Marketing - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1428	Tiếng Anh 4		Marketing - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1429	Tin học thống kê		Marketing - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1430	Nhập môn ngôn ngữ Nhật		NNN - K2023	3	231A	Tự luận
1431	Tiếng Nhật: Nói 1		NNN - K2023	3	231A	Vấn đáp
1432	Tiếng Nhật: Ngữ pháp -Viết 1		NNN - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1433	Project design 1		NNN - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1434	Cơ sở văn hóa Việt Nam		NNN - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1435	Tin học đại cương		NNN - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1436	Tiếng Nhật: Đọc 1		NNN - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1437	Tiếng Nhật: Nghe 1		NNN - K2023	3	232A	Tự luận + trắc nghiệm
1438	Pháp luật đại cương		NNN - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1439	Tiếng Nhật: Nói 2	J	NNN - K2023	3	232B	Vấn đáp
1440	Tiếng Nhật: Ngữ pháp -Viết 2		NNN - K2023	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
1441	Nhập môn ngôn ngữ Hàn		NNHQ - K2023	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
1442	Project design 1		NNHQ - K2023	3	231A	Báo cáo cuối kỳ

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1443	Tiếng Hàn: Ngữ pháp-Viết 1		NNHQ - K2023	3	231B	Tự luận + trắc nghiệm
1444	Tiếng Hàn: Nói 1		NNHQ - K2023	3	231B	Vấn đáp
1445	Cơ sở văn hóa Việt Nam		NNHQ - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1446	Tin học đại cương		NNHQ - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1447	Tiếng Hàn: Đọc 1		NNHQ - K2023	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1448	Tiếng Hàn: Nghe 1		NNHQ - K2023	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1449	Pháp luật đại cương		NNHQ - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1450	Tiếng Hàn: Ngữ pháp-Viết 2		NNHQ - K2023	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
1451	Tiếng Hàn: Nói 2	K	NNHQ - K2023	3	232B	Vấn đáp
1452	Nhập môn ngôn ngữ Trung Quốc		NNTQ - K2023	3	231A	Tự luận + Trắc nghiệm
1453	Project design 1		NNTQ - K2023	3	231A	Báo cáo cuối kỳ
1454	Tiếng Trung_Viết 1 (tổng hợp 1)		NNTQ - K2023	3	231B	Tự luận + Trắc nghiệm
1455	Tiếng Trung_Nói 1		NNTQ - K2023	3	231B	Vấn đáp
1456	Cơ sở văn hóa Việt Nam		NNTQ - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1457	Tin học đại cương		NNTQ - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1458	Tiếng Trung_Đọc 1		NNTQ - K2023	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1459	Tiếng Trung_Nghe 1		NNTQ - K2023	3	232A	Tự luận + Trắc nghiệm
1460	Pháp luật đại cương		NNTQ - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1461	Tiếng Trung_Viết 2 (tổng hợp 2)		NNTQ - K2023	3	232B	Tự luận + Trắc nghiệm
1462	Tiếng Trung_Nói 2	C	NNTQ - K2023	3	232B	Vấn đáp
1463	Tiếng Anh 1		TLH - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1464	Tâm lý học đại cương		TLH - K2023	3	231A	Vấn đáp
1465	Tiếng Anh 2		TLH - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1466	Project design 1		TLH - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1467	Cơ sở văn hóa Việt Nam		TLH - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1468	Tiếng Anh 3		TLH - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1469	Sinh lý học thần kinh		TLH - K2023	3	232A	Tự luận
1470	Tiếng Anh 4		TLH - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1471	Pháp luật đại cương		TLH - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1472	Tin học đại cương		TLH - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1473	Tiếng Anh 1		TTDPT - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1474	Cơ sở văn hóa Việt Nam		TTDPT - K2023	3	231A	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1475	Tiếng Anh 2		TTDPT - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1476	Project design 1		TTDPT - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1477	Lý thuyết truyền thông		TTDPT - K2023	3	231B	Tự luận
1478	Tiếng Anh 3		TTDPT - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1479	Chương trình phát thanh		TTDPT - K2023	3	232A	Báo cáo cuối kỳ
1480	Tiếng Anh 4		TTDPT - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1481	Xã hội nhà nước và pháp luật		TTDPT - K2023	3	232B	Tự luận
1482	Tin học đại cương		TTDPT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1483	Tiếng Anh 1		CNTrT - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1484	Cơ sở văn hóa Việt Nam		CNTrT - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1485	Tiếng Anh 2		CNTrT - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1486	Project design 1		CNTrT - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1487	Kỹ thuật quay và dựng phim		CNTrT - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1488	Tiếng Anh 3		CNTrT - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1489	Lý thuyết truyền thông		CNTrT - K2023	3	232A	Tự luận
1490	Tiếng Anh 4		CNTrT - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1491	Xã hội nhà nước và pháp luật		CNTrT - K2023	3	232B	Tự luận
1492	Tin học đại cương		CNTrT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1493	Tiếng Anh 1		QHCC - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1494	Dẫn chương trình		QHCC - K2023	3	231A	Thực hành
1495	Tiếng Anh 2		QHCC - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1496	Cơ sở văn hóa Việt Nam		QHCC - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1497	Project design 1		QHCC - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1498	Tiếng Anh 3		QHCC - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1499	Nhập môn quan hệ công chúng		QHCC - K2023	3	232A	Tự luận
1500	Xã hội nhà nước và pháp luật		QHCC - K2023	3	232A	Tự luận
1501	Tiếng Anh 4		QHCC - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1502	Tin học đại cương		QHCC - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1503	Tiếng Anh 1		KDQT - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1504	Pháp luật đại cương		KDQT - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1505	Tiếng Anh 2		KDQT - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1506	Kinh tế vi mô		KDQT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm
1507	Tin học đại cương		KDQT - K2023	3	231B	Trắc nghiệm

STT	Tên môn	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngành - khóa	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1508	Tiếng Anh 3		KDQT - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1509	Marketing căn bản		KDQT - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1510	Tiếng Anh 4		KDQT - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1511	Xác suất thống kê		KDQT - K2023	3	232B	Trắc nghiệm
1512	Project design 1		KDQT - K2023	3	232B	Báo cáo cuối kỳ
1513	Tiếng Anh 1		MKTS - K2023	4	231A	Trắc nghiệm
1514	Tin học đại cương		MKTS - K2023	3	231A	Trắc nghiệm
1515	Tiếng Anh 2		MKTS - K2023	4	231B	Trắc nghiệm
1516	Project design 1		MKTS - K2023	3	231B	Báo cáo cuối kỳ
1517	Công dân số		MKTS - K2023	3	231B	Tự luận
1518	Tiếng Anh 3		MKTS - K2023	4	232A	Trắc nghiệm
1519	Marketing căn bản		MKTS - K2023	3	232A	Trắc nghiệm
1520	Tư duy thẩm mỹ		MKTS - K2023	3	232B	Tự luận
1521	Tiếng Anh 4		MKTS - K2023	4	232B	Trắc nghiệm
1522	Kinh tế học ứng dụng		MKTS - K2023	3	232B	Tự luận

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

TT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Nguyên lý Kế toán / Lê Thị Minh Châu (chủ biên)	2012	
2	Kinh tế quốc tế / Nguyễn Phú Tụ, Trần Bích vân	2012	
3	Thiết kế và điều hành tour / Nguyễn Hoàng Long	2014	
4	Thư tín giao dịch / Trần Thị Trang, Nguyễn Trần Xuân Nghĩa	2015	
5	Thẩm định tín dụng / ThS. Nguyễn Quốc Anh	2015	
6	Thẩm định tín dụng / ThS. Nguyễn Quốc Anh	2015	
7	Tin học đại cương (Giáo trình lý thuyết) / Khoa CNTT	2015	
8	Tin học đại cương (Giáo trình thực hành) / Khoa CNTT	2015	
9	Lập trình trên thiết bị di động / UEF	2015	
10	Pháp luật đại cương / GS. TS. Lê Minh Tâm	2015	
11	Quản trị Logistics / GS. TS. Đoàn Thị Hồng Vân	2015	
12	Quản trị chiến lược / TS. Trương Quang Dũng, TS. Nguyễn Hải Quang, ThS. Nguyễn Đại Lương, ThS. Nguyễn Mai Duyệt	2015	
13	Quản trị chiến lược / TS. Trương Quang Dũng, TS. Nguyễn Hải Quang, THs. Nguyễn Đại Lương, ThS. Nguyễn Mai Duyệt	2015	

TT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
14	Hành vi tổ chức / Võ Văn Huy	2015	
15	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2015	
16	Đường lối Cách mạng của ĐCSVN / UEF	2015	
17	Tư tưởng HCM / UEF	2015	
18	Xác suất thống kê / Phạm Đắc Thắng, Nguyễn Công Trí, Đoàn Thiện Ngân	2015	
19	Kế toán ngân hàng thương mại / Lâm Thị Hồng Hoa	2016	
20	Kế toán tài chính 2 / Lê Thị Thanh Hà	2016	
21	Kế toán ngân hàng thương mại / Lâm Thị Hồng Hoa	2016	
22	Kế toán tài chính / Nguyễn Xuân Hưng, Nguyễn Thị Kim Cúc, Phan Thị Thu Hà	2016	
23	Kế toán tài chính 4 / Lê Thị Thanh Hà	2016	
24	Nghiệp vụ ngoại thương / Võ Thanh Thu, Trần Thị Trang	2016	
25	Phân tích dữ liệu / Lê Quang Hùng, Nguyễn Thị Hoàng Yến	2016	
26	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh / ThS. Hoàng Trọng	2016	
27	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh và kinh tế / TS. Mai Thanh Loan; TS. Trần Thị Mộng Tuyết	2016	
28	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh / Khoa QTKD	2016	
29	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh / ThS Hoàng Trọng	2016	
30	Kinh tế vĩ mô / Khoa QTKD	2016	
31	Kinh tế quốc tế / Nguyễn Phú Tụ, Trần Bích vân	2016	
32	Lý thuyết tài chính tiền tệ / PGS. TS. Lê Thị Mận	2016	
33	Tài chính quốc tế / ThS. Tăng Mỹ Sang	2016	
34	Thị trường tài chính / Ths. Từ Cao Ánh, Ths. Nguyễn Tiến Hùng	2016	
35	Thị trường bảo hiểm / ThS. Nguyễn Tiến Hùng	2016	
36	Các định chế tài chính đặc biệt / Lê Thanh Đức	2016	
37	Quản trị rủi ro tài chính / Khoa QTKD	2016	
38	Thanh toán quốc tế / PGS. TS. Lê Thị Mận	2016	
39	Thị trường bảo hiểm / THs. Nguyễn Tiến Hùng	2016	
40	Thuế / TS. Nguyễn Hồng Thắng	2016	
41	Thị trường tài chính / Ths. Từ Cao Ánh, Ths. Nguyễn Tiến Hùng	2016	

TT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
42	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại / Lê Thị Mận	2016	
43	Các định chế tài chính đặc biệt / Lê Thanh Đức	2016	
44	Thanh toán quốc tế / PGS. TS. Lê Thị Mận	2016	
45	Phân tích đầu tư chứng khoán / Bùi Kim Yến	2016	
46	Đầu tư và hành vi tài chính / Trịnh Viết Tuấn, Trần Huy Doãn	2016	
47	Quản trị rủi ro tài chính / Khoa QTKD	2016	
48	Pháp luật đại cương / Trần Huỳnh Thanh Nghị, Bùi Xuân Hải, Lữ Lâm Uyên, Nguyễn Việt Khoa	2016	
49	Nhập môn Lập trình / Khoa CNTT	2016	
50	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật / UEF	2016	
51	Lập trình hướng đối tượng	2016	
52	Pháp luật đại cương / Trần Huỳnh Thanh Nghị, Bùi Xuân Hải, Lữ Lâm Uyên, Nguyễn Việt Khoa	2016	
53	Đại số tuyến tính - lý thuyết / Bộ môn toán	2016	
54	Giải tích / Bộ môn toán	2016	
55	Toán cao cấp / Bộ môn toán	2016	
56	Toán rời rạc / Khoa HTTT - TM	2016	
57	Quản trị học / Phạm Văn Nam	2016	
58	Quản trị văn phòng / ThS. Nguyễn Đình Luận, ThS. Vũ Xuân Khoan	2016	
59	Vận tải và bảo hiểm / UEF	2016	
60	Quản trị học / Phạm Văn Nam	2016	
61	Marketing căn bản / Nguyễn Văn Thi	2016	
62	Logic học / Bùi Văn Mưa, Vũ Ngọc Bích, Nguyễn Thị Hải Vân	2016	
63	Tâm lý học đại cương / UEF	2016	
64	Khởi nghiệp / UEF	2016	
65	Kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề / Lê Thanh Sơn, Trương Quang Dũng	2016	
66	Kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề / Nhóm biên soạn	2016	
67	Nhập môn xã hội học / Khoa QTKD	2016	
68	Cơ sở văn hóa VN / Nguyễn Thị Thu	2016	
69	Tổng quan du lịch / TS. Trần Văn Thông	2016	
70	Địa lý du lịch / TS Trần Văn Thông	2016	
71	Nguyên lý kế toán / Lâm Thị Hồng Hoa, Vũ Quốc Thông, Lê Phương Dung	2017	

TT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
72	Kế toán tài chính 1 / Lê Thị Thanh Hà, Nguyễn Xuân Hưng	2017	
73	Thương mại điện tử / Mai Văn Thành, Trần Thị Thành	2017	
74	Văn hóa doanh nghiệp / Trần Thị Trang, Hà Thị Thùy Trang	2017	
75	Interpretation - Theory & Practice / Sách tổng hợp	2017	
76	Tài chính doanh nghiệp nâng cao / PGS. TS. Lê Thị Mận, TS. Nguyễn Thị Uyên Uyên	2017	
77	English Speaking Cultures / UEF	2017	
78	Lý thuyết đồ thị / CN. Lê Mậu Gia Bảo, ThS. Nguyễn Kin Hưng	2017	
79	Lập trình trên môi trường Windows / Mai Ngọc Thu biên soạn	2017	
80	Tập bài giảng Nhập môn ngôn ngữ Nhật / Nguyễn Tiến Lực	2017	
81	Minna no Nihongo - Viết / UEF	2017	
82	Minna No Nihongo - Đọc / UEF	2017	
83	Minna No Nihongo - Nghe / UEF	2017	
84	Minna No Nihongo - Nói / UEF	2017	
85	Translation, Linguistics and Culture / Sách tổng hợp	2017	
86	Văn học ứng dụng / Hoàng Thị Hồng Hà	2017	
87	Quản trị thương hiệu / Nguyễn Đại Lương, Nguyễn Mai Duy, Ngô Thị Thanh Huyền	2017	
88	Quản trị quan hệ khách hàng / TS. Nguyễn Ngọc Dương, Nguyễn Văn Phú Cường, Hà Thị Thùy Trang, Lê Thị Bích Diệp	2017	
89	Giáo dục quốc phòng an ninh 1/ UEF	2017	
90	Giáo dục quốc phòng an ninh 2/ UEF	2017	
91	Quản trị Marketing / TS. Nguyễn Ngọc Dương, Bùi Đức Khoa	2017	
92	Marketing quốc tế / Đinh Tiên Minh biên soạn	2017	
93	Marketing truyền thông / Nguyễn Hữu Thân	2017	
94	Những nguyên lý cơ bản CN Mac- Lênin 1,2 / Phòng ĐT- KT	2017	
95	Những nguyên lý cơ bản CN Mac- Lênin 1,2 / Phòng ĐT- KT	2017	
96	Đường lối Cách mạng của ĐCSVN / UEF	2017	
97	Tư tưởng Hồ Chí Minh / UEF	2017	

TT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
98	Giáo trình Tổng quan về Quan hệ công chúng / Hoàng Thị Hồng Hà	2017	
99	GT Tổng quan về QHCC / Hoàng Thị Hồng Hà	2017	
100	Quan hệ công chúng sự kiện và nhân vật - Tập bài giảng / Nguyễn Thị Hồng - Bùi Quang Vĩnh	2017	
101	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm / Trương Quang Dũng, Trương Thị An An	2017	
102	Kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề và quản lý thời gian / PGS.TS Lê Thanh Sơn	2017	
103	Thiết kế dự án 1 / Khoa HTTT - TM	2017	
104	Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm	2017	
105	Kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề / PGS.TS. Lê Thanh Sơn	2017	
106	British and American Culture / Sách tổng hợp	2017	
107	English Speaking Cultures / Sách tổng hợp	2017	
108	Translation 1 / Khoa NN-VHQT	2017	
109	Translation 2 / Khoa NN-VHQT	2017	
110	Translation 1,2 / Khoa NN-VHQT tổng hợp	2017	
111	Translation 1,2 / Khoa NN-VHQT tổng hợp	2017	
112	Thư tín giao dịch / Trần Thị Trang	2018	
113	Tin học ứng dụng / Khoa CNTT	2018	
114	Interpretation - Theory and Practice / UEF	2018	
115	Business Reading 1/ Khoa NN-VHQT tổng hợp	2018	
116	Business Reading 2/ Khoa NNVHQT tổng hợp	2018	
117	Business Reading 3/ Khoa NNVHQT tổng hợp	2018	
118	Business Writing 1/ Khoa NN-VHQT tổng hợp	2018	
119	Business Writing 2/ Khoa NNVHQT tổng hợp	2018	
120	Supplementary materials / Tài liệu bổ sung 1: Supplementary materials (1 quyển khoảng 200 trang A4 cho cả 4 cấp độ)	2018	
121	Supplementary materials / Tài liệu bổ sung 2: Supplementary materials (1 quyển khoảng 200 trang A4 cho cả 4 cấp độ)	2018	
122	Tài chính doanh nghiệp / PGS.TS. Lê Thị Mận, ThS. Tăng Mỹ Sang	2018	
123	Quản trị ngân hàng trung ương 1/ Lê Thị Mận	2018	
124	Quản trị ngân hàng Trung Ương 2/ Lê Thị Mận	2018	
125	Tin học Đại cương (Lý thuyết)	2018	
126	Thực hành phục vụ buồng phòng / Khoa QTDLKS	2018	

TT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
127	Quản lý và nghiệp vụ nhà hàng - Food and Beverage / Lê Quốc Hồng Thi	2018	
128	An toàn, an ninh trong khách sạn / UEF	2018	
129	Cơ sở dữ liệu phân tán / UEF	2018	
130	Lập trình hướng đối tượng / Trương Thị Minh Châu	2018	
131	Cơ sở dữ liệu phân tán / UEF	2018	
132	Cơ sở dữ liệu phân tán / Cao Tùng Anh	2018	
133	Đồ họa ứng dụng / UEF	2018	
134	Translation, linguistics and culture / K.NN-VHQT	2018	
135	Language & Society / Khoa NNVHQT biên soạn	2018	
136	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng / Đàm Duy Long	2018	
137	Quản trị lữ hành / Nguyễn Công Hoan	2018	
138	Quản lý và nghiệp vụ nhà hàng - Food and Beverage / Lê Quốc Hồng Thi	2018	
139	Giáo trình Tổng quan về Quan hệ Công chúng / Hoàng Thị Hồng Hà	2018	
140	GT Tổng quan về QHCC / Hoàng Thị Hồng Hà	2018	
141	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm / UEF	2018	
142	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm	2018	
143	Kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và quản lý thời gian / UEF	2018	
144	Kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và quản lý thời gian - PD2 / UEF	2018	
145	Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm / UEF	2018	
146	Kỹ năng tổ chức và lãnh đạo / UEF	2018	
147	Project Design 1 / UEF	2018	
148	Project Design / UEF	2018	
149	English Speaking Cultures / UEF	2018	
150	Quản trị chiến lược trong du lịch / TS. Trần Văn Thông	2018	
151	Kinh tế du lịch / Trần Văn Thông	2018	
152	Translation 1 / Khoa NN-VHQT tổng hợp	2018	
153	Tin học Đại cương (Thực hành)	2018	
154	GT Xác xuất thống kê / Phạm Đắc Thắng, Nguyễn Công Trí	2018	
155	GT Xác xuất thống kê / Lê Quang Hoàng Nhân	2018	

TT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
156	GT Xác xuất thống kê / Phạm Đắc Thắng, Nguyễn Công Trí	2018	
157	Bài giảng Marketing căn bản / ThS. Nguyễn Văn Thi	2018	
158	Nguyên lý kế toán / Lâm Thị Hồng Hoa, Vũ Quốc Thông, Lê Phương Dung	2019	
159	Thủ tục hải quan / UEF	2019	
160	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại / PGS. TS. Lê Thị Mận	2019	
161	Quản trị nhà hàng / UEF	2019	
162	An toàn, an ninh trong khách sạn / UEF	2019	
163	Quản trị đồ uống / Nguyễn Lê Hoàn Thành Duy	2019	
164	Quản trị nhà hàng / UEF	2019	
165	Kỹ thuật lập trình / Khoa CNTT	2019	
166	Tin học thống kê / UEF	2019	
167	Cơ sở lập trình / Khoa CNTT	2019	
168	Toán cao cấp / Bộ môn toán	2019	
169	Toán rời rạc / Khoa HTTT - TM	2019	
170	Quản trị khu vui chơi, nghỉ dưỡng / Đàm Duy Long	2019	
171	Giáo trình QHCC nội bộ & cộng đồng / Hoàng Thị Hồng Hà, Hoàng Mi	2019	
172	Kỹ năng tổ chức lãnh đạo / UEF	2019	
173	Project design 2 / UEF	2019	
174	Văn hóa Đông Nam Á / Tổng hợp	2019	
175	Xác suất thống kê / Bộ môn toán	2019	
176	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch / UEF	2019	
177	Tin học Đại cương (GT Lý thuyết) / Đoàn Thiện Ngân	2019	
178	Tin học Đại cương (GT Thực hành) / Đoàn Thiện Ngân	2019	
179	Tổng quan Lý thuyết truyền thông / PGS. TS Hoàng Thị Hồng Hà, ThS. Phạm Thái Hiền - dịch và biên soạn (từ cuốn Denis McQuail's Mass Communication Theory)	2020	
180	Triết học Mac-Lenin / TS. Nguyễn Minh Trí	2020	
181	Kinh tế chính trị Mac-Lenin / PGS.TS.GVCC Hồ Trọng Viện	2020	
182	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học / ThS. Hà Huyền Hoài Vân	2020	

TT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
183	Tư tưởng HCM / ThS. Trần Thị Hà	2020	
184	Lịch sử Đảng / ThS. Nguyễn Đình Cơ	2020	
185	Project Design 2	2020	
186	Tổng quan Lý thuyết truyền thông	2020	
187	Triết học Mác-Lênin	2020	
188	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2020	
189	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2020	
190	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2020	
191	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2020	
192	Giáo trình kỹ thuật lập trình	2020	
193	Giáo trình Cơ sở lập trình	2020	
194	Tiếng Trung - Nghe 1	2020	
195	Tiếng Trung - Nói 1	2020	
196	Phân tích báo cáo tài chính	2020	
197	Giáo trình Tin học thống kê	2020	
198	Tài liệu hướng dẫn thực hành môn Lập trình hướng đối tượng	2020	
199	Tài liệu hướng dẫn thực hành môn Lý thuyết đồ thị	2020	
200	Quản trị tài chính	2020	
201	Tiếng Trung Nghe 2	2020	
202	Tiếng Trung Nói 2	2020	
203	Giáo dục quốc phòng an ninh	2021	
204	Quản trị tài chính	2021	
205	Nhập môn Hán ngữ	2021	
206	Màu sắc	2021	
207	Intercultural communication	2021	
208	English Language Teaching 1	2021	
209	Introduction to Applied Linguistics (2nd ed.)	2021	
210	Nền tảng mạng máy tính và truyền thông	2021	
211	Giáo trình Quan hệ Việt-Nhật	2021	
212	Giáo trình Địa lý du lịch Nhật Bản	2021	
213	Triển khai ý tưởng trong thiết kế quảng cáo / ThS. Phan Mai Chi	2022	
214	Giáo trình Lý thuyết thống kê máy tính / ThS. Ngô Văn Công Bằng	2022	
215	Cơ sở tạo hình đồ họa / Võ Đình Ngà	2022	
216	Cơ sở tạo hình mỹ thuật / Võ Đình Ngà	2022	

TT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
217	Adobe Illustrator / Võ Đình Ngà	2022	
218	Tin học đại cương - Lý Thuyết / Khoa CNTT	2022	
219	Tin học đại cương - Thực hành / Khoa CNTT	2022	
220	Tối ưu hóa / Bộ môn Toán	2022	
221	Thiết kế và tính giá tour / ThS. Nguyễn Hoàng Long, Nguyễn Công Trường	2022	
222	Quản trị rủi ro trong kinh doanh Khách sạn – Nhà hàng / ThS. Dương Bảo Trung	2023	
223	Tài liệu hướng dẫn thực hành Tin học thống kê / ThS. Ngô Văn Công Bằng	2023	
224	Tài liệu hướng dẫn thực hành Kỹ thuật lập trình / TS. Văn Thị Thiên Trang	2023	

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp năm 2021-2022, năm học 2022 – 2023 (tính đến 30/05/2023)

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
I	Tiến sĩ				
1	Tiến sĩ	Tác động của quản trị rủi ro tín dụng đến tính ổn định của các ngân hàng thương mại Việt Nam.	Tăng Mỹ Sang	GS.TS. Hoàng Thị Chính	
II	Thạc sĩ				
1	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng của khách hàng cá nhân đối với ứng dụng giao đồ ăn nhanh tại nhà Baemin - Nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Hữu Phước	PGS.TS. Huỳnh Thị Thu Sương	
2	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao hoạt động tạo động lực làm việc cho nhân viên tại Công ty Cổ phần An Thái Khang	Vũ Phi Phụng	PGS.TS. Huỳnh Thị Thu Sương	
3	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ và hình ảnh thương hiệu đối với lòng trung thành của khách hàng trong ngành công nghiệp thức ăn nhanh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Ngọc Như Trang	TS. Phạm Thị Trang	
4	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động quyết định chọn trường mầm non ngoài công lập của phụ huynh tại khu vực 1, Thành phố Thủ Đức	Phạm Thị Mỹ Dung	TS. Trần Thị Trang	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
5	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông vận tải	Đoàn Quốc Bình	PGS.TS. Nguyễn Hải Quang	
6	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty VELA	Nguyễn Danh Long	PGS.TS. Phạm Văn Tài	
7	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng ví điện tử zalopay của khách hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Phước Hên	PGS.TS. Phạm Văn Tài	
8	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại công ty CP-DV Du lịch Benthantourist	Võ Trọng Lĩnh	TS. Trương Quang Dũng	
9	Thạc sĩ	Giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	Nguyễn Hữu Thuật	PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên	
10	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	Nguyễn Hải Long	PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên	
11	Thạc sĩ	Giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Phước Đăng Hưng	TS. Trương Quang Dũng	
12	Thạc sĩ	Hoàn thiện hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại công ty cổ phần giải pháp chuỗi cung ứng Smartlog	Nguyễn Văn Tiến	TS. Nhan Cẩm Trí	
13	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Chợ Lớn	Trần Nhật Duy	PGS.TS. Phạm Văn Tài	
14	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên tại Bệnh viện Từ Dũ	Trần Hùng Mạnh	TS. Trương Quang Dũng	
15	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực tại Bệnh viện Từ Dũ	Phạm Thanh Hữu	TS. Trương Quang Dũng	
16	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty Khawassco Khánh Hòa	Cao Tiểu My	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	
17	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Nghé	Vũ Tường Vi	PGS.TS. Nguyễn Hải Quang	
18	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Anh	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
19	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm đá hoa cương tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bến Thành	Đỗ Trần Thanh Trúc	TS. Phạm Thị Trang	
20	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân về dịch vụ cho vay thế chấp tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - Trung tâm thế chấp Vùng 9	Trương Minh Quang	TS. Phạm Văn Kiên	
21	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Linh	TS. Trần Thị Ngọc Lan	
22	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi đổi mới cá nhân của công chức, viên chức, tại Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hồng Trang	TS. Phạm Thị Trang	
23	Thạc sĩ	Xây dựng chiến lược phát triển Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nội thất Mô Đun đến năm 2030	Lê Thanh Tùng	TS. Kiều Xuân Hùng	
24	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao động lực làm việc của cán bộ, công chức tại Cục Quản trị T.78 - Văn Phòng Trung Ương Đảng	Nguyễn Phương Thảo	TS. Kiều Xuân Hùng	
25	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Viễn thông di động Toàn cầu, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Lương Hồng Sơn	TS. Trương Quang Dũng	
26	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định thuê phòng trọ của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Đặng Thị Hồng Hạnh	TS. Phạm Văn Kiên	
27	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn của người dân trong bồi thường thu hồi đất - Nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hải Trường	PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên	
28	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Liên hiệp Hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (SaiGon Co.op)	Nguyễn Kim Tuyền	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	
29	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động tuyển dụng tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn	Nguyễn Ngô Thùy Anh	PGS.TS. Phạm Đức Chính	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
		Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh			
30	Thạc sĩ	Tăng cường hoạt động chống gian lận thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Đình Vũ - Cục Hải quan TP. Hải Phòng	Trần Nguyễn Thành Đạt	GS.TS. Hoàng Thị Chinh	
31	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại khách sạn Mgallery Hôtel Des Arts Saigon	Trần Quang Thúc	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	
32	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại công ty Điện lực Củ Chi	Lê Minh Vũ	TS. Phạm Văn Kiên	
33	Thạc sĩ	Hoàn thiện hoạt động quản lý đấu thầu tại Công ty Điện lực Hóc Môn	Nguyễn Văn Thông	TS. Võ Tấn Phong	
34	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến thanh toán tiền điện không dùng tiền mặt của khách hàng tại Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Hồng Ngọc Thy Vũ	TS. Phạm Văn Kiên	
35	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động đào tạo tại Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hữu Vinh	TS. Kiều Xuân Hùng	
36	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Công ty Điện lực Hóc Môn	Mai Nguyễn Duy Khương	TS. Trần Thị Ngọc Lan	
37	Thạc sĩ	Tác động của chuyển đổi số đến năng suất lao động tại Công ty Điện lực Gia Định	Nguyễn Việt Dũng	TS. Trương Quang Dũng	
38	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của người lao động, trường hợp nghiên cứu tại: Tổng Công ty Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thanh Nhã	TS. Kiều Xuân Hùng	
39	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công nhân tại Công ty Điện lực Chợ Lớn	Lê Văn Đoàn	TS. Phạm Ngọc Dưỡng	
40	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng phát hiện gian lận trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính: Nghiên cứu thực nghiệm tại các công ty kiểm toán ở TP.HCM	Nguyễn Hồ Lan Anh	TS. Nguyễn Trọng Nguyên	
41	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Trường Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Thị Hải Anh	TS. Nguyễn Phúc Quỳnh Như	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
42	Thạc sĩ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sơn Trình	Nguyễn Tư Hoàng	TS. Nguyễn Trọng Nguyên	
43	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động kiểm toán độc lập tại các công ty kiểm toán Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thân Thành Đạt	TS. Nguyễn Trọng Nguyên	
44	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố tác động đến tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Lê Minh Hoàng	TS. Vũ Quốc Thông	
45	Thạc sĩ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại VNPT Trà Vinh	Bùi Chín Trung	TS. Nguyễn Văn Bảo	
46	Thạc sĩ	Hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn	Phùng Thái Phương Trang	PGS.TS. Hoàng Thị Thanh Hằng	
47	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ lệ nợ xấu tại các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Trần Thanh Phong	TS. Lê Đức Thắng	
48	Thạc sĩ	Kiểm soát thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Ngọc Lan	PGS.TS. Đặng Văn Cường	
49	Thạc sĩ	Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh 4	Hoàng Thị Thu Hoài	TS. Mai Thị Trúc Ngân	
50	Thạc sĩ	Phát triển InsurTech tại Việt Nam	Mạch Trường Vũ	TS. Lê Thị Kim Xuân	
51	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	Hồ Minh Phương	PGS.TS. Hoàng Thị Thanh Hằng	
52	Thạc sĩ	Tác động của nợ xấu đến tỷ suất sinh lời tại các Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam	Trần He Rô	TS. Vũ Đức Bình	
53	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ tín dụng của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh 4	Hoàng Thị Sao Mai	PGS.TS. Lê Phan Thị Diệu Thảo	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
54	Thạc sĩ	Cấu trúc vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha	Đỗ Hoàng Ý Như	TS. Lê Thị Kim Xuân	
55	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng tín dụng khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Nam Sài Gòn	Bùi Duy Khang	PGS.TS. Lê Đình Hạc	
56	Thạc sĩ	Hiệu quả hoạt động cho vay mua bất động sản tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Nguyễn Thị Kim Phụng	TS. Nguyễn Chí Đức	
57	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động cho thuê Tài chính ở Công ty cho thuê Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế Chailease	Phạm Lê Thùy Trang	TS. Đỗ Đoan Trang	
58	Thạc sĩ	Phát triển cho vay khách hàng cá nhân mua nhà đất tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội, chi nhánh Tân Sơn Nhất	Huỳnh Phước Thanh	TS. Lê Đức Thắng	
59	Thạc sĩ	Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đánh bắt thủy sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Ba Tri tỉnh Bến Tre	Nguyễn Hoàng Tùng	TS. Nguyễn Chí Đức	
60	Thạc sĩ	Tiếp cận toàn diện các nguyên tắc quản trị rủi ro tín dụng theo Hiệp ước Basel tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Nguyễn Phạm Phương Nhi	TS. Nguyễn Quốc Anh	
61	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân tại Công ty Cổ phần chứng khoán FPT	Nguyễn Thủy Thạch Thảo	TS. Nguyễn Trần Phúc	
62	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ Ngân hàng điện tử tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 9	Phạm Yên Linh	TS. Nguyễn Thị Nha	
63	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động đến quyết định sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 4	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TS. Mai Thị Trúc Ngân	
64	Thạc sĩ	Phát triển cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, Vùng 9 Thành phố Hồ Chí Minh	Phan Trung Lập	TS. Nguyễn Thị Nha	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
65	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Miền Đông, Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Thị Thùy	TS. Trần Thị Kỳ	
66	Thạc sĩ	Phát triển tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 4	Cao Thị Hoài Thu	TS. Trần Thị Kỳ	
67	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam	Lê Hồ Trí Nhân	TS. Nguyễn Chí Đức	
68	Thạc sĩ	Quản lý thu ngân sách nhà nước tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Đỗ Đông Hường	PGS.TS. Đặng Văn Cường	
69	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của khoản phải thu đến khả năng sinh lợi của các công ty niêm yết giá trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn Thị Lệ Hằng	TS. Lê Đức Thắng	
70	Thạc sĩ	Mở rộng huy động tiền gửi tiền tiết kiệm của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh 4	Vũ Thị Ngọc Anh	TS. Hoàng Thị Loan	
71	Thạc sĩ	Hiệu quả tài chính tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn VN Đại Phong	Võ Thị Thanh Tú	TS. Lê Thị Thanh Hà	
72	Thạc sĩ	Hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 9	Nguyễn Thị Trúc	PGS.TS. Lê Phan Thị Diệu Thảo	
73	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam	Nguyễn Thị Diễm My	TS. Nguyễn Quốc Anh	
74	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện công tác thẩm định tín dụng trong cho vay tiêu dùng của ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	Nguyễn Hoàng Bảo	TS. Hoàng Thị Loan	
75	Thạc sĩ	Phát triển ngân hàng số cho các ngân hàng thương mại tại Việt Nam	Đỗ Duy Vũ	TS. Lâm Thị Hồng Hoa	
76	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ Bancassurance tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	Nguyễn Đức Thắng	TS. Vũ Đức Bình	
77	Thạc sĩ	Hoàn thiện chất lượng dịch vụ thẩm định giá tại công ty cổ phần thẩm định giá EXIM - EXIMA	Nguyễn Thanh Hữu	TS. Lê Đức Thắng	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
78	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động tín dụng bán lẻ tại ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	Võ Minh Trí	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhung	
79	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả kinh doanh của Trung tâm Kinh doanh VNPT - Đồng Tháp	Trần Phụng Vĩ	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhung	
80	Thạc sĩ	Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Luông, An Giang	Lý Trung Hậu	TS. Nguyễn Quốc Anh	
81	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ ngân hàng số đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Tháp	Nguyễn Thị Bích Liễu	TS. Vũ Thị Lợi	
82	Thạc sĩ	Dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - chi nhánh Đồng Tháp	Phạm Hồng Nhựt	TS. Đỗ Doan Trang	
83	Thạc sĩ	Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Lê Thị Kim Dung	TS. Lê Hoàng Vinh	
84	Thạc sĩ	Hiệu quả tín dụng trung - dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Lấp Vò	Trương Thanh Điền	PGS.TS. Đặng Văn Cường	
85	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Tháp	Lê Anh Thư	TS. Nguyễn Trần Phúc	
86	Thạc sĩ	Phát triển cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm tại Ngân hàng Chính sách xã hội - chi nhánh Đồng Tháp	Lê Thị Đào	TS. Lê Thị Thanh Hà	
87	Thạc sĩ	Phát triển tín dụng khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	Nguyễn Thị Kiều Tiên	PGS.TS. Lê Phan Thị Diệu Thảo	
88	Thạc sĩ	Phát triển thẻ tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	Phan Văn Cường	TS. Nguyễn Chí Đức	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
89	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Thành phố Cao Lãnh	Lê Thị Thanh Dung	TS. Vũ Đức Bình	
90	Thạc sĩ	Hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp	Trần Thị Kim Phương	TS. Trần Trọng Huy	
91	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ Ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Tỉnh Đồng Tháp	Võ Thanh Sang	TS. Lê Thị Kim Xuân	
92	Thạc sĩ	Phát triển tín dụng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	Trần Như Huỳnh	TS. Lâm Thị Hồng Hoa	
93	Thạc sĩ	Yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng cá nhân tại Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Đồng Tháp	Võ Thị Thanh Tuyền	PGS.TS. Lê Phan Thị Diệu Thảo	
94	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên: trường hợp nghiên cứu tại trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Trương Thị Dung	TS. Kiều Xuân Hùng	
95	Thạc sĩ	Tác động của đòn bẩy nợ đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản niêm yết tại Việt Nam	Cao Hoài Sang	Phạm Quốc Hải	
96	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý khai thác công trình giao thông đường bộ đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Đặng Tấn Hải	TS. Trương Quang Dũng	
97	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện huy động vốn từ khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Quận 7	Trần Thị Ngọc Ánh	TS. Tô Hoài Thắng	
98	Thạc sĩ	Ảnh hưởng thương hiệu đến quyết định mua sản phẩm sữa bột Nutifood của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Hồng Huyền Trân	TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
99	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm đa kênh của khách hàng "Thế hệ Z": trường hợp nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Ngọc Phương Vy	TS. Hoàng Nguyên Khai	
100	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện công tác đánh giá thành tích nhân viên tại Hội sở Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt	Nguyễn Quang Quý Đạt	TS. Tô Hoài Thắng	
101	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhân viên trong công việc tại Công ty Tài chính Lotte Finance Việt Nam	Trịnh Duy Nam	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	
102	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua quần áo trực tuyến thông qua mạng xã hội Tiktok của sinh viên sau đại dịch Covid-19: Trường hợp nghiên cứu tại trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Võ Thanh Phương	Phạm Quốc Hải	
103	Thạc sĩ	Nghiên cứu về giới tính của CEO và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam	Phùng Thị Tuyết Nhung	TS. Mai Đình Lâm	
104	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của học viên, sinh viên khi thanh toán học phí không dùng tiền mặt tại trường đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Ngọc Loan	TS. Nguyễn Anh Duy	
105	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến việc mua sắm trực tuyến về mỹ phẩm: trường hợp nghiên cứu tại Thành phố Thủ Đức	Phạm Thị Ngọc Tú	TS. Lê Ngô Ngọc Thu	
106	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	Phan Thị Vân Anh	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	
107	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến hình ảnh thương hiệu Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Tuấn Anh	TS. Nhan Cẩm Trí	
108	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị tài sản thương hiệu ngân hàng: Nghiên cứu trường hợp Ngân hàng số Timo Digital	Phạm Huyền Trân	TS. Trần Văn Thông	
109	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên với tổ chức: Nghiên cứu tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thái Sơn S.P	Lương Khánh Bằng	TS. Lưu Thanh Tâm	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
110	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của người lao động tại Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex	Mai Thị Diễm Như	TS. Mai Đình Lâm	
111	Thạc sĩ	Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và trình độ học vấn của giám đốc điều hành: bằng chứng thực nghiệm từ các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam	Võ Thanh Tâm	TS. Mai Đình Lâm	
112	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức của cán bộ công đoàn thuộc Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	TS. Lưu Thanh Tâm	
113	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Nguyễn Hoài Nam	TS. Lưu Thanh Tâm	
114	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về hoạt động dạy học trực tuyến tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh	Bùi Thị Huyền Trang	TS. Trần Thị Trang	
115	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng Vinh Quang	Đoàn Ngọc Thảo	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	
116	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh qua các kênh truyền thông online	Trần Thị Thu Hà	TS. Lê Thanh Tiệp	
117	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện công tác đào tạo tại Công ty Truyền thông MCV	Võ Thị Hồng Phúc	TS. Nhan Cẩm Trí	
118	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức của Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Ngô Đồi Tân	TS. Bùi Hồng Điệp	
119	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của thí sinh đối với dịch vụ tư vấn tuyển sinh tại Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thành Trung	PGS.TS. Hà Thị Ngọc Oanh	
120	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng hèm bia tại công ty TNHH TM DV Bamboo Việt	Trần Thị Ngọc Trúc	TS. Trần Thị Trang	
121	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến trên kênh thương mại điện tử Shopee của người tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Lê Thúy Anh	TS. Lê Sĩ Trí	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
122	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng nhân lực tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại VINACALI	Nguyễn Ngọc Chung	TS. Lê Sĩ Trí	
123	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dùng Esport tại Việt Nam - Trường hợp trong Liên minh huyền thoại	Nguyễn Hoàng Duy	TS. Phạm Văn Kiên	
124	Thạc sĩ	Xây dựng chiến lược cho sản phẩm bếp ga "2 in 1" ở Công ty cổ phần thiết bị nhà bếp VINA (Namilux) đến năm 2030	Trần Văn Mười Một	TS. Lê Ngọc Đức	
125	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến du lịch Thành phố Đà Lạt của sinh viên các trường Đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Đăng Quân	TS. Trần Văn Thông	
126	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Nhân	Phan Hoài Nam	TS. Trần Thị Ngọc Lan	
127	Thạc sĩ	Nâng cao sự hài lòng của bệnh nhân điều trị tại Khoa Vật lý trị liệu Bệnh viện Việt Pháp	Nguyễn Huy Dũng	TS. Trương Quang Dũng	
128	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động Marketing - Mix tại Công ty Cổ phần Đối tác Chân thật	Vũ Thị Mây	TS. Lê Ngọc Đức	
129	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	Vũ Trương Quốc Việt	TS. Nhan Cẩm Trí	
130	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ chăm sóc khách hàng của Công ty Cổ phần Thế giới di động	Lê Ngọc Uyên Phương	TS. Nguyễn Anh Duy	
131	Thạc sĩ	Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về đất đai tại Thành phố Hồ Chí Minh	Huỳnh Thái Ngọc	PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên	
132	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý chất lượng toàn diện (TQM) ở các công ty nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Kim Mỹ	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	
133	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm trực tuyến của nhân viên văn phòng trong lĩnh vực thời trang; nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Nguyễn Thị Anh Thư	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
134	Thạc sĩ	Hoàn thiện mô hình nhà máy linh hoạt tại Công ty Oechsler Motion Việt Nam	Nguyễn Lê Khắc Thuần	TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương	
135	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng tới sự thành công của kênh Tiktok tại Trường đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh	Cao Duy Tân	Phạm Quốc Hải	
136	Thạc sĩ	Nâng cao sự gắn bó của Trật tự viên tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Nguyễn Ngọc Ngân	TS. Lưu Thanh Tâm	
137	Thạc sĩ	Yếu tố ảnh hưởng đến ý định đặt phòng qua các kênh OTA (trực tuyến) của du khách nội địa tại TP. Hồ Chí Minh	Lâm Ngọc Trinh	TS. Trần Văn Thông	
138	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Minh Anh	TS. Phạm Quốc Hải	
139	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định quay trở lại Thành phố Hồ Chí Minh làm việc của người lao động trong bối cảnh đại dịch Covid-19	Mai Thiên Duy	TS. Lê Sĩ Trí	
140	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cán bộ cơ sở Hội Cựu chiến binh các phường trên địa bàn quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Mai Văn Khắc	TS. Lưu Thanh Tâm	
141	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình của du khách Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Thụy Quỳnh Trang	TS. Trần Văn Thông	
142	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến trên ứng dụng Lazada của người tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Lâm Tùng Phương Uyên	TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương	
143	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị cảm nhận của khách hàng đối với thương hiệu Guardian của công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và đầu tư Liên Á Châu	Trương Nguyễn Diễm Linh	TS. Nguyễn Ngọc Mai	
144	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ đến sự hài lòng của khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vũ Thị Hồng Ngọc	TS. Nguyễn Ngọc Mai	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
145	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển hàng không chung ở Việt Nam	Trịnh Đức Chinh	PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên	
146	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề nhảy việc của Gen Z ở các doanh nghiệp trong ngành dịch vụ Bất Động Sản tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.	Nguyễn Huỳnh Văn Anh	TS. Phạm Văn Kiên	
147	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Dịch thuật và Phần mềm STAR Việt Nam	Nguyễn Đăng Khải	PGS.TS. Hà Thị Ngọc Oanh	
148	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động chăm sóc khách hàng cá nhân ưu tiên tại Ngân hàng Thương Mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam chi nhánh Sài Gòn	Nguyễn Nam Phương	TS. Trần Thị Trang	
149	Thạc sĩ	Nâng cao văn hóa công vụ trong cán bộ công chức, viên chức, người lao động - Trường hợp nghiên cứu tại Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ - Thành Đoàn TP.HCM	Đặng Nguyễn Xuân Trọng	PGS.TS. Hồ Thị Thu Hòa	
150	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực tại công ty cổ phần cấp thoát nước - Công trình đô thị Hậu Giang	Phan Văn Tới	TS. Lê Ngọc Đức	
151	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực tại Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh	Bùi Thị Thanh	PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên	
152	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến hàng tiêu dùng của sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Trọng Đạt	TS. Nguyễn Anh Duy	
153	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu May Minh Nhật	Nguyễn Thanh Phúc	TS. Nguyễn Anh Duy	
154	Thạc sĩ	Các yếu tố tác động đến khả năng có việc làm của sinh viên mới tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Trần Bảo Nhi	TS. Nhan Cẩm Trí	
155	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhân viên tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt	Hoàng Hải Yên	TS. Trần Thị Ngọc Lan	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
		Nam trên địa bàn Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh			
156	Thạc sĩ	Hiệu quả quản lý tài chính và thu nhập của viên chức tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	Cao Phước Kiên	TS. Đặng Văn Cường	
157	Thạc sĩ	Phân tích tình hình tài chính tại Tổng công ty may Nhà Bè	Bùi Minh Hưng	TS. Nguyễn Thị Nha	
158	Thạc sĩ	Hiệu quả tài chính Công ty Cổ phần đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Nguyễn Hồ Zdu	TS. Lê Thị Thanh Hà	
159	Thạc sĩ	Hiệu quả huy động vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương	Bùi Thị Dương	TS. Nguyễn Thị Nha	
160	Thạc sĩ	Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập ngoài lãi của các Ngân hàng Thương mại Cổ phần niêm yết tại Việt Nam	Trần Hoàng Sơn	PGS.TS. Lê Phan Thị Diệu Thảo	
161	Thạc sĩ	Phân tích cấu trúc vốn và chi phí sử dụng vốn tại Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	Lê Dũng Tuấn Anh	TS. Lâm Thị Hồng Hoa	
162	Thạc sĩ	Phân tích tình hình tài chính Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh	Đỗ Đức Dũng	TS. Nguyễn Thị Uyên Uyên	
163	Thạc sĩ	Sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với chất lượng dịch vụ tiền gửi tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Trần Lê Thanh Tuấn	TS. Nguyễn Quốc Anh	
164	Thạc sĩ	Hiệu quả sinh lời của vốn tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thông tin Điện tử Z755	Lương Xuân Tân	TS. Lê Hoàng Vinh	
165	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong điều kiện công nghệ số tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	Nguyễn Thị Huyền Trang	TS. Lâm Thị Hồng Hoa	
166	Thạc sĩ	Hoàn thiện hoạt động quản lý quỹ ngân sách nhà nước theo mô hình kho bạc điện tử tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Ngọc Trúc Nguyên	TS. Lâm Thị Hồng Hoa	
167	Thạc sĩ	Tác động của đa dạng hóa thu nhập đến lợi nhuận của Ngân hàng Thương mại Việt Nam	Bùi Xuân Anh Phương	PGS.TS. Lê Phan Thị Diệu Thảo	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
168	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo chuyển đổi đến sự gắn kết với tổ chức của nhân viên: trường hợp nghiên cứu tại Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Miền Nam	Hoàng Thị Lệ Quyên	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	
169	Thạc sĩ	Các nhân tố chất lượng dịch vụ công trực tuyến ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân tại Ủy ban nhân dân Quận 1, TP.HCM	Hoàng Lê Huyền Nga	PGS.TS. Nguyễn Phú Tụ	
170	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao hoạt động tuyển dụng nhân sự tại Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2	Nguyễn Thị Lê	TS. Nguyễn Ngọc Mai	
171	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Vĩnh Thành Đạt	Nguyễn Văn Bảo	TS. Trần Thị Ngọc Lan	
172	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng trong công việc của nhân viên tại Công ty TNHH DVDL Thanh Phương	Lê Thạch Thảo	TS. Lê Thanh Tiệp	
173	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ví điện tử của khách hàng cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Thị Kiều Phương	TS. Bùi Hồng Đăng	
174	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho cán bộ, công chức tại Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Huỳnh Thị Công Lý	TS. Lê Ngô Ngọc Thu	
175	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tại công ty cổ phần Landmart VietNam	Nguyễn Đình Khoa	PGS.TS. Lê Quang Hùng	
176	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo trực tuyến ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Sài Gòn	Trương Thị Hòa Lan	TS. Lê Ngọc Đức	
177	Thạc sĩ	Giải pháp tạo động lực làm việc cho nhân viên tại Ban Quản lý Dự án Lưới Điện phân phối Thành phố Hồ Chí Minh	Bùi Quang Khánh	TS. Mai Đình Lâm	
178	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng dịch vụ kỹ thuật tại Trung tâm Phân tích Thí nghiệm thuộc Viện dầu khí Việt Nam	Lê Minh Thu Hiền	TS. Võ Tấn Phong	
179	Thạc sĩ	Các yếu tố quyết định sự lựa chọn điểm đến du lịch của khách du lịch trong nước: trường hợp nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Thi	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
180	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tại Công ty cổ phần địa ốc Châu Á Thái Bình Dương Group	Vũ Quốc Duy	TS. Hoàng Trung Kiên	
181	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Phan Nguyễn	Nguyễn Thị Anh Lan	TS. Ngô Quang Huân	
182	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại Công ty TNHH MTV Du lịch Xây dựng Thương mại Phương Nam	Mã Ngọc Lại	TS. Phan Thị Minh Châu	
183	Thạc sĩ	Xây dựng đội ngũ công chức tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 - thực trạng và giải pháp	Nguyễn Thị Kim Vân	TS. Phan Quan Việt	
184	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của Công ty Cổ phần Dầu khí Mekong trong phân phối xăng dầu trên địa bàn các tỉnh miền Tây Nam Bộ	Đào Đình Thiêm	TS. Trương Quang Dũng	
185	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng dịch vụ tại Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí Schlumberger Việt Nam	Trần Nhật Phương	TS. Võ Tấn Phong	
186	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khai thác cảng tại công ty TNHH MTV Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	Lê Đình Bình	PGS.TS.Hồ Thị Thu Hòa	
187	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc tại Công ty Cổ phần Đầu tư Nam group	Nguyễn Hoàng Vũ	PGS.TS. Lê Quang Hùng	
188	Thạc sĩ	Hoàn thiện kênh phân phối sản phẩm tại Công ty TNHH GBG Sài Gòn	Nguyễn Mai Út	TS. Vòng Thành Nam	
189	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động quảng bá thương hiệu tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Triệu Thị Vũ Huyền	TS. Lê Thanh Tiệp	
190	Thạc sĩ	Hoàn thiện hoạt động nhận tiền gửi của khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại Cổ phần hàng hải Việt Nam chi nhánh Hồ Chí Minh - Phòng giao dịch Thủ Đức	Hoàng Thị Thơm	TS. Phan Quan Việt	
191	Thạc sĩ	Hoàn thiện hoạt động cung ứng nguyên vật liệu tại Công ty Dunlopillo Việt Nam	Lê Thị Thúy Oanh	TS. Vòng Thành Nam	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
192	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại Công ty TNHH Minh Tân	Nguyễn Ngọc Tường Vy	TS. Trần Thị Trang	
193	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	Lại Thị Thanh Nga	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	
194	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiền tiết kiệm tại quầy của khách hàng cá nhân tại Agribank chi nhánh Đông Sài Gòn	Trần Thị Hải Yến	TS. Trương Quang Dũng	
195	Thạc sĩ	Tác động của quảng cáo trực tuyến đến ý định mua sắm của người tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	PGS.TS. Nguyễn Hải Quang	
196	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ khai thác bãi container tại Tổng Công ty Đối tác Chân Thật	Nguyễn Thanh Hân	TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương	
197	Thạc sĩ	Hoàn thiện hoạt động thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Ban Quản lý Dự án Lưới Điện Miền Nam	Nguyễn Đỗ Phương Dung	TS. Mai Đình Lâm	
198	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Nam TP. Hồ Chí Minh	Lâm Thị Kim Ngân	TS. Nguyễn Quốc Anh	
199	Thạc sĩ	Kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo mô hình kho bạc điện tử tại Kho bạc nhà nước Quận 5	Nguyễn Trọng Quân	TS. Lâm Thị Hồng Hoa	
200	Thạc sĩ	Hiệu quả sử dụng chính sách nợ tại Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Lộc Trời Giai Đoạn 2016-2020	Phạm Dương Khol	TS. Nguyễn Thị Uyên Uyên	
201	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Tấn Dũng	TS. Nguyễn Thị Nha	
202	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro trong thanh toán chi ngân sách nhà nước qua cổng dịch vụ công điện tử tại Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Minh Hải	TS. Lê Thị Thanh Hà	
203	Thạc sĩ	Phát triển cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại cổ phần	Nguyễn Thị Oanh	TS. Lê Thị Thanh Hà	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
		Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Gia Định			
204	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ môi giới chứng khoán của Công ty Cổ phần chứng khoán dầu khí	Trương Thị Hồng Phượng	TS. Nguyễn Trần Phúc	
205	Thạc sĩ	Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam, chi nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Anh Vũ	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhung	
206	Thạc sĩ	Huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh	Bùi Thanh Thúy	TS. Lê Thị Kim Xuân	
207	Thạc sĩ	Kiểm soát nội bộ nghiệp vụ tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Nam Bình Dương	Nguyễn Xuân Linh	TS. Lâm Thị Hồng Hoa	
208	Thạc sĩ	Phát triển cho vay khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Đồng Nai	Nguyễn Vũ Hoàng Oanh	TS. Lâm Thị Hồng Hoa	
209	Thạc sĩ	Kiểm soát thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ODA qua Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	Đường Anh Thụy	TS. Nguyễn Quốc Anh	
210	Thạc sĩ	Tác động chính sách thuế đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam	Nguyễn Phúc Song Hạ	TS. Lê Thị Thanh Hà	
211	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	Lục Đức Sê San	TS. Nguyễn Thị Nha	
212	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh 4	Đặng Thị Đào	PGS.TS. Đặng Văn Cường	
213	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động đến quyết định đầu tư tài sản cố định của các công ty niêm yết tại Việt Nam	Nguyễn Nhật Quang	TS. Lê Hoàng Vinh	
214	Thạc sĩ	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công tại Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng hạ tầng đô thị TP. Hồ Chí Minh	Lê Thị Mỹ Dung	TS. Đặng Văn Cường	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
215	Thạc sĩ	Phát triển cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam, chi nhánh Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đinh Thị Minh Ngọc	TS. Trần Trọng Huy	
216	Thạc sĩ	Nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của doanh nghiệp ngành bất động sản niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh	Võ Thế Phương	PGS.TS. Lê Phan Thị Diệu Thảo	
217	Thạc sĩ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Quận 3	Bùi Xuân Vũ	TS. Nguyễn Phúc Quỳnh Như	
218	Thạc sĩ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong hoạt động thu kinh phí công đoàn tại các doanh nghiệp trên địa bàn Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Tâm	TS. Nguyễn Phúc Quỳnh Như	
219	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao động lực làm việc của công chức tư pháp - hộ tịch cấp phường tại Quận Bình Thạnh	Ngô Thị Thanh Thúy	TS. Phạm Thị Ánh Ngọc	
220	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ hành chính công tại Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Bảo Quốc	PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên	
221	Thạc sĩ	Hoàn thiện hoạt động quản trị sản xuất chương trình truyền hình của Truyền hình Nhân dân	Vũ Duy Tân	TS. Nhan Cẩm Trí	
222	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của cán bộ, công chức cấp phường thuộc quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Kim Huỳnh Thảo	TS. Võ Tấn Phong	
223	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công chức các phường, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Thúy Dung	PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên	
224	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của phụ huynh về hoạt động đào tạo năng khiếu tại Nhà Thiếu nhi Quận 6	Tổng Thanh Nhựt	TS. Lê Thanh Tiệp	
225	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các cơ sở đoàn Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Ngọc Linh	TS. Trần Thị Trang	
226	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của cán bộ, công chức tại Ủy ban nhân	Đỗ Ngọc Hân	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
		dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh			
227	Thạc sĩ	Xây dựng văn hóa công sở tại Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Thanh Huyền	PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên	
228	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện chiến lược kinh doanh cho Công ty cổ phần đầu tư bất động sản PITA Việt Nam	Hồ Anh Phụng	TS. Hoàng Nguyên Khai	
229	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Võ Hoàng Thủy Tiên	TS. Phạm Ngọc Dưỡng	
230	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên	Lê Minh Thúy	TS. Trần Thị Ngọc Lan	
231	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng đội ngũ bí thư chi bộ khu phố trên địa bàn phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	TS. Phạm Văn Kiên	
232	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Nguyễn Mai Linh	TS. Phan Thị Minh Châu	
233	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hoàng Thùy Trang	PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên	
234	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động đến sự hài lòng của sinh viên về các dịch vụ hỗ trợ đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Hoàng Long	TS. Nguyễn Anh Duy	
235	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng nhân lực tại Công ty TNHH sắt thép Ánh Bình Minh	Nguyễn Nam Hùng	TS. Lê Sĩ Trí	
236	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện chất lượng đội ngũ công chức trong cơ quan Đảng từ thực tiễn Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Bích Trâm	TS. Mai Đình Lâm	
237	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên tại Trường Quốc tế Canada, Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Sỹ	TS. Phạm Thị Ánh Ngọc	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
238	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao động lực làm việc cho nhân viên công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chuyển phát nhanh Thuận Phong - Chi nhánh Bình Dương	Hoàng Thị Mỹ Duyên	TS. Bùi Hồng Điệp	
239	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chọn trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM (UEF) của học sinh trung học phổ thông tại TP.Hồ Chí Minh	Phạm Phú Vũ	TS. Nguyễn Ngọc Mai	
240	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục thuế Quận Bình Thạnh	Vũ Thị Thanh Huyền	TS. Lê Ngọc Đức	
241	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường Đại học Kinh tế - Tài chính (UEF) của sinh viên khóa 2021	Đinh Chí Cảnh	TS. Trương Quang Dũng	
242	Thạc sĩ	Tác động của căng thẳng nghề nghiệp đến sự cam kết làm việc của nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Khổng Minh Trí	PGS.TS. Nguyễn Phú Tụ	
243	Thạc sĩ	Những yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết với tổ chức của cán bộ, nhân viên tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Bùi Trí Thức	TS. Trần Văn Thông	
244	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự sáng tạo trong công việc của cán bộ, công chức: nghiên cứu tại UBND Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Huỳnh Thị Thu Thảo	TS. Trần Thị Ngọc Lan	
245	Thạc sĩ	Những yếu tố ảnh hưởng đến năng lực lãnh đạo cấp phường: Nghiên cứu tại các phường trực thuộc quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Lâm Quốc Chính	TS. Trương Quang Dũng	
246	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân Phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Thị Xuân Hiền	PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên	
247	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các chi đoàn cơ sở Phường 25, Bình Thạnh	Nguyễn Võ Châu Phát	TS. Nguyễn Anh Duy	
248	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị cảm nhận của sinh viên đối với chất lượng	Nguyễn Nho Đại	GS.TS. Hoàng Thị Chinh	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
		đào tạo tại trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh			
249	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực tại Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Thị Hoàng My	TS. Trần Thị Trang	
250	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn học thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Dũng	TS. Lê Ngọc Đức	
251	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của cán bộ, công chức tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Thị Thu Hồng	PGS.TS. Nguyễn Hải Quang	
252	Thạc sĩ	Nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của cán bộ công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp phường tại Phường 15, quận Bình Thạnh	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TS. Phạm Văn Kiên	
253	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Uyên	TS. Nguyễn Anh Duy	
254	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của đoàn viên, thanh niên trên địa bàn quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoàng Bá Long	TS. Phạm Văn Kiên	
255	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ đào tạo chương trình Đại học chuẩn Nhật Bản tại trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Xuân Hưng	TS. Phạm Ngọc Dưỡng	
256	Thạc sĩ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong công tác quản lý thu thuế tại Chi cục thuế khu vực Quận 12, huyện Hóc Môn	A Văn Toan	TS. Nguyễn Phúc Quỳnh Như	
257	Thạc sĩ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Chi cục Thuế Thành phố Thuận An - Bình Dương	Nguyễn Thị Thu Hương	PGS.TS. Trần Văn Tùng	
258	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính trong các công ty cổ phần tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Thị Nhài	TS. Nguyễn Phúc Quỳnh Như	
259	Thạc sĩ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ đối với hoạt động thu thuế tại Chi cục thuế Thành phố Thuận An	Trần Phương Hoa	TS. Nguyễn Phúc Quỳnh Như	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
260	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại Văn phòng Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh và các đơn vị trực thuộc Sở	Lê Thị Kim Thoa	PGS.TS. Trần Văn Tùng	
261	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Văn Linh	Hoàng Phương Dung	TS. Lê Đình Hạc	
262	Thạc sĩ	Phân tích tình hình tài chính Công ty Trách nhiệm hữu hạn FRIWO Việt Nam giai đoạn 2017-2019.	Nguyễn Thị Ngọc Hà	TS. Nguyễn Thị Uyên Uyên	
263	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 9	Thái Thị Hồng	TS. Lâm Thị Hồng Hoa	
264	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục hải quan Thành phố Hồ Chí Minh	Võ Nguyễn Giang Tú	GS.TS. Nguyễn Thanh Tuyền	
265	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Hồng	TS. Nguyễn Thị Nha	
266	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Quận 1	Bùi Văn Hậu	TS. Nguyễn Thị Nha	
267	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Lê Anh Phương	TS. Lâm Thị Hồng Hoa	
268	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu tại Chi cục Kiểm tra sau thông quan - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh	Thái Văn Vinh	GS.TS. Nguyễn Thanh Tuyền	
269	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Tây Sài Gòn	Trần Huỳnh Huy	PGS.TS. Hoàng Thị Thanh Hằng	
270	Thạc sĩ	Kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc Nhà nước Nhà Bè	Trần Thanh Đức	TS. Lê Đình Hạc	
271	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Hồ Mai Trúc	GS.TS. Nguyễn Thanh Tuyền	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
272	Thạc sĩ	Giải pháp phòng ngừa rủi ro trong kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Nhà Bè	Đỗ Phi Dũng	GS.TS. Nguyễn Thanh Tuyền	
273	Thạc sĩ	Giảm thiểu rủi ro hoạt động kiểm soát chi thường xuyên của Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Trọng Đức	PGS.TS. Lê Thị Mận	
274	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Trường đại học Kinh tế - Tài chính thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Tâm	TS. Nguyễn Phúc Quỳnh Như	
275	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực dịch vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Mai Trần Mỹ Linh	TS. Nguyễn Phúc Quỳnh Như	
276	Thạc sĩ	Giải pháp tăng cường quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Đức Hòa - Cục Hải quan Tỉnh Long An	Nguyễn Mạnh Hùng	GS.TS. Hoàng Thị Chinh	
277	Thạc sĩ	Phân tích sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ hành chính công tại Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Huỳnh Quốc Trung	TS. Mai Đình Lâm	
278	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng điện mặt trời mái nhà của khách hàng sử dụng điện: nghiên cứu tại tỉnh Đồng Tháp	Châu Thêm Hưng	GS.TS. Hoàng Thị Chinh	
279	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của các thành phần chất lượng dịch vụ hành chính công đến sự hài lòng của người dân: nghiên cứu tại Ủy ban nhân dân Phường 01, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Lương Nguyễn Trọng Tiến	PGS.TS. Nguyễn Hải Quang	
280	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức phường 5, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Lê Hoàng Hoa	PGS.TS. Nguyễn Hải Quang	
281	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng sự hài lòng của khách hàng doanh nghiệp đối với chất lượng dịch vụ tại Công ty Điện lực Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Thế Dũng	PGS.TS. Nguyễn Phú Tụ	
282	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua đồ thể thao của người tiêu dùng	Bùi Công Toại	TS. Bùi Xuân Đáng	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
		chơi bộ môn cầu lông tại Thành phố Hồ Chí Minh			
283	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao động lực làm việc cho nhân viên tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Hà	TS. Trương Quang Dũng	
284	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế - Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Thị Nhung	TS. Phạm Ngọc Dưỡng	
285	Thạc sĩ	Giải pháp tạo động lực làm việc cho nhân viên Công ty TNHH Accor Advantage Plus Việt Nam	Phan Huỳnh Mỹ Linh	TS. Nhan Cẩm Trí	
286	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến độ nhận biết thương hiệu trường đại học trên mạng truyền thông Internet đối với học sinh phổ thông - Trường hợp nghiên cứu tại Trường Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh	Nghiêm Thúy Quỳnh	TS. Lưu Thanh Tâm	
287	Thạc sĩ	Quản trị vốn lưu động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bình Việt Đức	Phạm Nhật Quang	TS. Võ Tấn Phong	
288	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty Cổ phần Giao nhận Tiếp vận Quốc tế	Phan Hoàng Bảo Hân	PGS.TS. Nguyễn Hải Quang	
289	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng trong công việc của nhân viên công nghệ thông tin: nghiên cứu trường hợp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Nhì	TS. Võ Tấn Phong	
290	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngân hàng vay vốn của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Á Châu, khu vực Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Thị Thanh Tâm	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	
291	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của chuỗi Cửa hàng tiện lợi Vinmart + Tại thành phố Hồ Chí Minh	Đỗ Quang Dũng	PGS.TS. Nguyễn Phú Tự	
292	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn quận Bình Thạnh	Nguyễn Thị Hương	TS. Bùi Hồng Điệp	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
293	Thạc sĩ	Thực trạng và giải pháp công tác quản trị nguồn nhân lực của Công ty Cổ phần Xây dựng Trang trí Nội thất Thành Đô	Nguyễn Minh Nhật	TS. Lưu Thanh Tâm	
294	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại Khối phòng ban Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	Lê Văn Sỹ	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	
295	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của nhân viên văn phòng trên các ứng dụng thương mại điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh hậu Covid-19	Thái Quế Sương	TS. Nguyễn Anh Duy	
296	Thạc sĩ	Xây dựng chiến lược kinh doanh Công ty cổ phần Bảo Ngân Kim giai đoạn 2021 - 2030	Phạm Tiến Hưng	GS.TS. Hoàng Thị Chinh	
297	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ tại Khách sạn Hotel Des Arts Saigon	Võ Thị Hoàng Gia	PGS.TS. Nguyễn Phú Tụ	
298	Thạc sĩ	Tác động của các yếu tố văn hóa tổ chức đến chia sẻ tri thức nghiên cứu tại Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam	Lê Anh Thư	TS. Trần Thị Trang	
299	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên kỹ thuật địa bàn tại VNPT Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Minh Trí	TS. Mai Đình Lâm	
300	Thạc sĩ	Nghiên cứu, đánh giá sự hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ hành chính công tại Ủy ban nhân dân phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Anh Tuấn	TS. Nguyễn Anh Duy	
301	Thạc sĩ	Chiến lược kinh doanh Công ty TNHH Dược phẩm Chân Tín	Trịnh Lâm Phương Huyền	GS.TS. Hoàng Thị Chinh	
302	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động hợp tác quốc tế tại Trường đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Phan Lý Nguyên Trinh	TS. Hoàng Trung Kiên	
303	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên hình thức vừa làm vừa học về chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Sài Gòn	Bùi Thái Hà	TS. Bùi Hồng Điệp	
304	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của cán bộ công chức với tổ chức tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực I	Tô Thị Lan	TS. Phan Thị Minh Châu	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
305	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tại Công ty TNHH HERO Việt Nam	Đặng Thị Thu Sương	TS. Mai Đình Lâm	
306	Thạc sĩ	Giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại Nam Á Bank giai đoạn 2021 - 2025	Võ Thị Sơn Trang	TS. Bùi Xuân Đáng	
307	Thạc sĩ	Thực trạng quản lý chống gian lận thương mại tại Cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh	Phan Anh Thắng	PGS.TS. Lê Quang Hùng	
308	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của khách hàng đối với việc sử dụng dịch vụ xem phim bản quyền có trả phí tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Ánh Tuyết	TS. Phan Quan Việt	
309	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng ngoại nhập của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	Nguyễn Ngọc Minh	TS. Hoàng Nguyên Khai	
310	Thạc sĩ	Đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ công tại Ủy ban nhân dân phường 28, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoài Anh	PGS.TS. Nguyễn Phú Tự	
311	Thạc sĩ	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng phát triển bền vững	Thái Minh Quân	TS. Bùi Hồng Điệp	
312	Thạc sĩ	Tăng cường hoạt động chống gian lận thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực IV - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Hoài Thu	TS. Hoàng Nguyên Khai	
313	Thạc sĩ	Các yếu tố của cảng thẳng trong công việc ảnh hưởng đến kết quả làm việc của công chức tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Lâm Thành Nhơn	TS. Phạm Ngọc Dưỡng	
314	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức tại Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Minh Trí	TS. Trương Quang Dũng	
315	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự hài lòng về chất lượng dịch vụ trong hành chính công tại Chi cục Thuế quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Phan Hoàng Ngọc Tiến	TS. Bùi Xuân Đáng	
316	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ chuỗi cửa hàng tiện lợi Bách Hóa	Vũ Văn Hiếu	PGS.TS. Nguyễn Hải Quang	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
		Xanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh			
317	Thạc sĩ	Chiến lược Marketing cho làng hoa Sa Đéc tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Thị Mỹ Linh	TS. Nhan Cẩm Trí	
318	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác kế toán quản trị tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh	Lê Thị Minh Hương	GS.TS. Hoàng Thị Chinh	
319	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của văn hóa tổ chức đến sự gắn kết của cán bộ công chức tại Cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Đồng Khởi	TS. Phan Thị Minh Châu	
320	Thạc sĩ	Mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ, sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng Ngân hàng ACB, Chi nhánh Quang Trung	Phạm Hồng Phúc	TS. Phạm Ngọc Dường	
321	Thạc sĩ	Tác động của căng thẳng trong công việc đến sự cam kết của nhân viên AKURUHI Group	Lê Hồng Ngọc Kim Ngân	TS. Lưu Thanh Tâm	
322	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Thái Thị Hồng Nga	TS. Phạm Văn Kiên	
323	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của người lao động đối với Ngân hàng Sacombank khu vực Thành phố Hồ Chí Minh	Đinh Mạnh Hùng	PGS.TS. Nguyễn Hải Quang	
324	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện phương pháp xác định giá đất và áp dụng phương pháp xác định giá đất khi nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiếu Hòa	PGS.TS. Nguyễn Đình Luận	
325	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiền tiết kiệm của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Phương Đông, Phòng giao dịch Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Thanh Điền	PGS.TS. Nguyễn Phú Tụ	
326	Thạc sĩ	Các yếu tố tác động đến cảm nhận của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại hệ thống bán lẻ của Saigon Co.op ở Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Lê Thúy Quỳnh	TS. Phạm Văn Kiên	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
327	Thạc sĩ	Các yếu tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ hàng không giá rẻ tại hai vùng đô thị lớn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Ngọc Đức	PGS.TS. Nguyễn Đình Luận	
328	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công chức Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Đặng Thanh Xuân	TS. Phan Quan Việt	
329	Thạc sĩ	Mối quan hệ giữa các chiều văn hóa quốc gia, thực hành sản xuất tinh gọn và hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Nhật Trường	TS. Lê Nguyên Hoàng	
330	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam	Trần Thị Trúc Thanh	PGS.TS. Lê Quang Hùng	
331	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến xác định giá đất nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hồng Thy	TS. Trương Quang Dũng	
332	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của nhà hàng L'Emotion Café and Lounge tại Khách sạn Sliverland Central	Trần Ngọc Minh Thư	TS. Trần Thị Trang	
333	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân về chất lượng dịch vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.	Dương Lê Bách Thảo	TS. Phạm Văn Kiên	
334	Thạc sĩ	Các yếu tố tác động đến quyết định mua hàng tiêu dùng Nhật Bản của người tiêu dùng tại thành phố Hồ Chí Minh	Phan Thành Tân	PGS.TS. Nguyễn Quyết Thắng	
335	Thạc sĩ	Thực tế vận dụng kế toán quản trị tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Tiệp	TS. Nguyễn Phúc Quỳnh Như	
336	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai	Nguyễn Trần Quý	PGS.TS. Hoàng Đức	
337	Thạc sĩ	Phân tích cho vay khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 9	Bùi Lưu Mỹ Lâm	TS. Nguyễn Thanh Dương	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
338	Thạc sĩ	Tác động của chia sẻ tri thức đến năng lực đổi mới của tổ chức: nghiên cứu đối với các Công ty Bảo hiểm tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hữu Nghi	TS. Võ Tấn Phong	
339	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng sử dụng xăng sinh học E5, Ron 92 trên địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Trần Nguyễn Phương Thảo	PGS.TS. Lê Quang Hùng	
340	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết công việc của nhân viên tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Ngọc Minh Thư	TS. Lưu Thanh Tâm	
341	Thạc sĩ	Các yếu tố tạo sự gắn kết với tổ chức cho nhân viên tại Novaland Gallery	Vũ Hồng Ân	TS. Phạm Ngọc Dưỡng	
342	Thạc sĩ	Một số giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý và sử dụng vốn ODA trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Trịnh Minh Nhân	PGS.TS. Lê Quang Hùng	
343	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Hiệp Phước	Trần Thị Liên	TS. Phan Thị Minh Châu	
344	Thạc sĩ	Một số giải pháp nâng cao năng lực làm việc của công nhân Việt Nam so sánh với công nhân Bangladesh tại Công ty TNHH TM-XD Thành Ký	Nguyễn Thành Trung	PGS.TS. Dương Cao Thái Nguyên	
345	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ E-banking của khách hàng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Thống Nhất.	Nguyễn Xuân Huy	TS. Lê Ngọc Đức	
346	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực ngành May tại Công ty TNHH LA AMIA	Lê Thị Mai Thuận	TS. Trương Quang Dũng	
347	Thạc sĩ	Những yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết với công việc của người lao động tại khối cơ quan Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOil)	Vũ Huy Hải	PGS.TS. Đào Duy Huân	
348	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh trong hoạt động Logistics tại Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam (SEV)	Võ Đăng Dương	PGS.TS. Nguyễn Phú Tụ	
349	Thạc sĩ	Giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương	Đặng Nguyễn Thanh Ngân	TS. Hoàng Nguyên Khai	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
		mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Quận 10			
350	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự cảm nhận của khách hàng về chất lượng căn hộ chung cư của Tập đoàn Vingroup	Nguyễn Thị Đào	PGS.TS. Nguyễn Đình Luận	
III Cử nhân					
1	Cử nhân	Tác động của trách nhiệm xã hội đến khả năng sinh lợi của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Chu Thị Tường Vi	ThS. Tăng Mỹ Sang	
2	Cử nhân	Ứng dụng quản lý sự kiện Sinh viên UEF	Nguyễn Thị Giản Đơn	TS. Văn Thị Thiên Trang	
3	Cử nhân	Ứng dụng máy học và yếu tố con người trong bảo mật vào hệ thống phòng thủ	Huỳnh Ngọc Yến Như	TS. Huỳnh Đệ Thủ	
4	Cử nhân	Phát triển trang Social Media Influencer trên Instagram - Chuẩn hóa quy trình phát triển cho cá nhân tại Việt Nam	Lê Ngọc Long	ThS. Ngô Văn Công Bằng	
5	Cử nhân	Phát triển trang Social Media Influencer trên Instagram - Chuẩn hóa quy trình phát triển cho cá nhân tại Việt Nam	Lê Nguyễn Thảo Trang	ThS. Ngô Văn Công Bằng	
6	Cử nhân	Giải pháp nâng cao chất lượng hình ảnh mini-hotel trên trang bán phòng trực tuyến Agoda tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Giang	ThS. Dương Bảo Trung	
7	Cử nhân	Ứng dụng mobile quản lý công việc và chia sẻ dự án	Huỳnh Mỹ Tuấn	ThS. Nguyễn Minh Tuấn	
8	Cử nhân	Nhận dạng cảm xúc thông qua phương pháp học máy	Lê Duy Khánh	TS. Nguyễn Hà Giang	
9	Cử nhân	Ứng dụng nền tảng TikTok hỗ trợ truyền thông giáo dục, nghiên cứu các trường hợp thuộc khuôn khổ chiến dịch #LearnOnTikTok TẠI Việt Nam	Phan Thảo My	ThS. Phạm Thái Hiền	
10	Cử nhân	Xu hướng cập nhật tin tức trên nền tảng Podcast của giới trẻ tại Việt Nam.	Trần Kim Ngọc	ThS. Nguyễn Phát Tài	
11	Cử nhân	Nghiên cứu xu hướng tối ưu hoá trải nghiệm các giác quan trong tổ chức sự kiện văn hoá - giải trí tại Thành phố Hồ Chí Minh, Giai đoạn 2015 – 2020.	Bùi Trương Hoài Thương	TS. Phan Bảo Giang	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
12	Cử nhân	Phê bình điện ảnh đại chúng dưới góc nhìn PR.	Nguyễn Ngọc Thủy Thương	ThS. Hoàng Mi	
13	Cử nhân	Nghiên cứu giải pháp nâng cao tính tương tác cho các sự kiện trực tuyến, nghiên cứu các sự kiện do Cánh Cung Group tổ chức.	Cao Thị Lương	TS. Phan Bảo Giang	
14	Cử nhân	Pháp luật về xử lí nợ xấu của Ngân Hàng Thương Mại	Phạm Nguyễn Thanh Ngân	ThS. Nguyễn Nam Trung	
15	Cử nhân	Ứng dụng chơi game trong thanh toán ví điện tử: Áp dụng Heo Đất Momo để tăng tương tác của khách hàng	Dương Thụy Ngọc Khánh	ThS. Nguyễn Quang Minh	
16	Cử nhân	Ứng dụng chơi game trong thanh toán ví điện tử: Áp dụng Heo Đất Momo để tăng tương tác của khách hàng	Nguyễn My Uyên Phương	ThS. Nguyễn Quang Minh	
17	Cử nhân	Tác động của truyền miệng điện tử đến nhận thức thương hiệu của trường đại học tại TP.HCM.	Nguyễn Minh Hạnh Đoàn	PGS. TS. Hoàng Thị Hồng Hà	
18	Cử nhân	Thẻ loại ký chân dung và ứng dụng Mega Story.	Đặng Ngọc Minh Thư	PGS. TS. Hoàng Thị Hồng Hà	
19	Cử nhân	Phân tích yếu tố bản địa hoá phim điện ảnh Việt Nam làm lại từ phim điện ảnh Hàn Quốc giai đoạn 2015 – 2020.	Phạm Nguyễn Minh Anh	ThS. Phạm Thái Hiền	
20	Cử nhân	Tìm hiểu kỹ thuật phân tán và bảo mật cơ sở dữ liệu trên Oracle.	Bùi Lê Duy	ThS. Ngô Văn Công Bằng	
21	Cử nhân	Công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Nguyễn Trúc Vy	ThS. Nguyễn Thị Xuân Mai	
22	Cử nhân	Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài	Nguyễn Thị Kim Anh	ThS. Phó Hưng Bình	
23	Cử nhân	Pháp luật về huy động vốn bằng tài sản trí tuệ	Lâm Kỳ Duyên	TS. Trần Thanh Hương	
24	Cử nhân	Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do người dưới 15 tuổi gây ra theo Pháp luật Dân sự Việt Nam	Lê Thanh Thảo	ThS. Vũ Anh Sao	
25	Cử nhân	Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động đi chợ online của người tiêu dùng	Võ Nguyễn Hải Linh	ThS. Trần Thành Công	
26	Cử nhân	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của Nhân viên đối với hoạt động đào tạo trực tuyến tại Công ty TNHH Happy Life – Chi nhánh TP.HCM.	Nguyễn Huỳnh Phương	ThS. Đặng Thanh Thủy	

TT	Trình độ	Tên đề tài	Họ và tên SV thực hiện	Họ và tên GVHD	Nội dung tóm tắt
27	Cử nhân	Khả năng phát triển công viên chủ đề kết hợp trải nghiệm ẩm thực tại Sun World Bà Nà Hills Đà Nẵng, Việt Nam.	Trần Quý Vinh	ThS. Nguyễn Vương Hoài Thảo	
28	Cử nhân	Tiềm năng xuất khẩu mặt hàng chuối sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi hiệp định EVFTA bằng phương thức vận tải đường biển.	Lê Thị Tuyết Trinh	ThS. Đặng Thanh Thủy	
29	Cử nhân	Phân tích tình hình xuất khẩu thủy sản sang thị trường các nước RCEP trong bối cảnh hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) có hiệu lực	Mai Trần Diễm My	TS. Nguyễn Anh Duy	
30	Cử nhân	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn mua đồ cũ tại ứng dụng ALADIN	Nguyễn Ngọc Tài	TS. Huỳnh Nhựt Nghĩa	
31	Cử nhân	Giải pháp cải thiện năng lực cạnh tranh của NHTMCP Á Châu	Nguyễn Thị Trúc Linh	ThS. Tăng Mỹ Sang	
32	Cử nhân	Nghiên cứu xu hướng tổ chức sự kiện trực tuyến trong bối cảnh xã hội bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19	Trần Yến Nhi	ThS. Phan Bảo Giang	
33	Cử nhân	Chiến lược marketing cho Vietnam Airline trong giai đoạn Covid-19	Nguyễn Thị Thanh Phương	ThS. Lê Hồng Đắc	
34	Cử nhân	Cải tiến quy trình đổi trả hàng lẻ cho khách của công ty Shopee	Tổng Phương Oanh	ThS. Đỗ Thị Thu Hà	

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1	Khóa huấn luyện Kỹ năng quản lý doanh nghiệp tại Đồng Tháp với chủ đề “Hành trình khẳng định bản lĩnh CEO” (Thời gian thực hiện: từ tháng 10- 12/2022)	30 – 40 học viên	Chứng nhận	Các công cụ quản trị hiệu quả	Đạt
			Chứng nhận	Kỹ năng PR	Đạt
			Chứng nhận	Media, Event	Đạt
			Chứng nhận	Stylist Doanh nhân	Đạt
			Chứng nhận	Marketing Photography	Đạt

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1.	Hội thảo “Phát triển kinh tế quốc tế trong môi trường số”	08:00 – Thứ Sáu ngày 20/5/2022	Phòng họp Democracy 03.10, trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	72
2.	Hội thảo khoa học quốc gia về quản trị, tài chính, kế toán và thương mại BFAC2022 chủ đề “Bối cảnh quốc tế và Chiến lược địa phương”	7:30 – Thứ Bảy ngày 23/4/2022	Phòng họp Democracy 03.10, trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	129
3.	Hội thảo khoa học Quốc gia về giảng dạy tiếng Anh và nghiên cứu ngôn ngữ Anh, chủ đề: “English Language Education and Research in the New Normal: Prospects and Challenges”	7:30 – 16h30 – Thứ Bảy ngày 18/6/2022	Phòng họp Democracy 03.10, trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	
4.	Hội thảo khoa học dành cho người học – Lần 2 Chủ đề: “Kinh tế quản lý và xã hội” năm 2022	7h30 – Thứ Sáu ngày 19/8/2022 (Dự kiến)	Phòng họp Democracy 03.10, trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	
5.	Hội thảo khoa học cấp trường “Pháp luật đất đai trong kinh tế số”	Thứ Sáu ngày 15/7/2022 (Dự kiến)	Phòng họp Democracy 03.10, trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	
6.	Hội nghị Nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2021-2022	8:00 – Thứ Bảy ngày 25/6/2022	Phòng họp Democracy 03.10, trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	
7.	Hội thảo cấp trường: “truyền thông doanh nghiệp trong đại dịch Covid-19”	8:00 – Thứ Bảy ngày 24/7/2021	Phòng họp Democracy 03.10, trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	64
8.	Hội thảo khoa học cấp quốc gia về Tài chính, Kế toán và kinh doanh thương mại, chủ đề: “Đổi mới công nghệ, thị trường và chính sách”	8:00 – Thứ Năm ngày 01/7/2021	Phòng họp Democracy 03.10, trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	98

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1.	Các yếu tố ảnh hưởng đến thương hiệu nhà tuyển dụng của các trường Đại học tư thục tại Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp tại	ThS. Đặng Thanh Thủy		11/2022-11/2023	7,000,000	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM					
2.	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin giảng viên và công tác hành chính - Văn phòng	TS. Nguyễn Hà Giang - TS. Văn Thị Thiên Trang, K.CNTT - ThS. Hoàng Văn Hiếu, K.CNTT		11/2022-11/2023	25,000,000	
3.	Đánh giá sự phù hợp của bộ sách American English Files-AEF trong việc giảng dạy tiếng Anh không chuyên cho sinh viên trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh - UEF	TS. Nguyễn Thị Đan Tâm		11/2022-11/2023	10,000,000	
4.	Quan điểm của giảng viên Việt Nam về việc khuyến khích năng lực tự học trong học tập và giảng dạy Tiếng Anh bậc Đại học (Vietnamese Teachers' Beliefs in Fostering Learner Autonomy in English Learning and Teaching at Tertiary Level)	ThS. Ngô Nguyễn Thiên Duyên TS. Lưu Thị Mai Vy		11/2022-11/2023	10,000,000	
5.	Nghiên cứu ảnh hưởng của Luật kế toán đến các mô hình xếp hạng tín dụng sử dụng phương pháp trí tuệ nhân tạo: trường hợp tại Việt Nam	TS. Phạm Quốc Hải - ThS. Trần Anh Tùng, K.QTKD - ThS. Tăng Mỹ Hà - K.KT		11/2022-11/2023	40,000,000	
6.	Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: sự sẵn sàng của giảng viên	ThS. Trần Quang Cảnh - ThS. Lý Đan Thanh- K.QTKD - TS. Nguyễn Duy Quang-K.QTKD - ThS. Võ Hồng Sơn - K.QTKD		11/2022-11/2023	40,000,000	
7.	Dạy học tích cực giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	ThS. Nguyễn Thị Minh Tâm		11/2022-11/2023	12,000,000	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tại trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	ThS. Nguyễn Thị Kim Thoại - KQTDL-KS				
8.	Các biện pháp thực hiện chuỗi cung ứng thực phẩm đóng góp như thế nào đến kết quả hoạt động bền vững của doanh nghiệp trong thời gian gián đoạn khẩn cấp đại dịch COVID-19? (How Do Food Supply Chain Performance Measures Contribute to Sustainable Corporate Performance during Disruptions from the COVID-19 Pandemic Emergency?)	TS. Lê Thanh Tiệp		11/2022-11/2023	40,000,000	
9.	Hai thập kỷ nghiên cứu về phân tích và hành vi người tiêu dùng: Xem xét quá khứ để chuẩn bị cho tương lai (Two decades of research on Consumer Behaviour and Analytics: Reviewing the past to prepare for the future)	TS. Lê Thanh Tiệp - Nirma Jayawardena, Đại học NSBM Green, Sri Lanka - Abhishek Behl, Viện Phát triển Quản lý, Ấn Độ - Mitchell Ross, Đại học Griffith, Úc - Sara Quách, Đại học Griffith, Úc - Park Thaichon, Đại học Griffith, Úc - Vijay Pereira, Trường Kinh doanh NEOMA, Pháp - Achint Nigam, Viện Khoa học và Công nghệ Birla, Ấn Độ		11/2022-11/2023	80,000,000	
10.	Tài nguyên thiên nhiên và tăng trưởng tài chính: Vai trò trách nhiệm xã hội của doanh	TS. Lê Thanh Tiệp - Muhammad Mohsin, Trường		11/2022-11/2023	100,000,000	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	nghiệp đối với tăng trưởng kinh tế xanh ở Việt Nam (Natural resources and financial development: Role of corporate social responsibility on green economic growth in Vietnam)	Tài chính và Kinh tế, Đại học Giang Tô Trấn Giang Trung Quốc.				
11.	Chuyển khách hàng thành người quảng bá: Ảnh hưởng của trải nghiệm thương hiệu trực tuyến đến chất lượng mối quan hệ và việc quảng bá thương hiệu trong ngành ngân hàng (Transforming customers into evangelists: Influence of online brand experience on relationship quality and brand evangelism in the banking industry)	TS. Lê Thanh Tiệp - TS. Abhishek Behl - Viện Phát triển Quản lý, Ấn Độ - Giáo sư Gary Graham - Đại học Leeds.		11/2022-11/2023	100,000,000	
12.	Vai trò của tinh thần kinh doanh trong việc đạt được thành công trong việc quản lý chuỗi cung ứng tuần hoàn (The role of entrepreneurship in successfully achieving circular supply chain management)	TS. Lê Thanh Tiệp - TS. Abhishek Behl - Viện Phát triển Quản lý, Ấn Độ - Giáo sư Gary Graham - Đại học Leeds.		11/2022-11/2023	100,000,000	
13.	Thúc đẩy đổi mới mô hình kinh doanh cho các doanh nghiệp thực phẩm và đồ uống sau đại dịch: Bằng chứng từ nền kinh tế mới nổi (How to drive business model innovation for food and beverage enterprises after the pandemic: Evidence from emerging economy)	TS. Lê Thanh Tiệp - PGS.TS. Ngô Cao Cường - Phó Hiệu trưởng thường trực - ThS. Nguyễn Phạm Hải Hà - Phó Viện trưởng V.ĐTSĐH-KHCN - TS. Hoda Mansour - Đại học Kinh doanh và		11/2022-11/2023	100,000,000	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		Công nghệ, Jeddah, Vương quốc Ả Rập Xê Út				
14.	Vai trò của quản lý tri thức trong việc thúc đẩy sự thăng tiến trong học thuật: Kiểm tra thực nghiệm từ góc nhìn theo quan điểm lý thuyết nhận thức xã hội (The Role of Knowledge Management in Driving Academic Advancement: Emperical Examination from the Lens of Social Cognitive Theory Perspectives)	TS. Lê Thanh Tiệp - TS. Ngô Quang Huân - Trường Đại học Kinh tế TP. HCM - Đặng Hữu Phúc - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM - Nguyễn Việt Bằng - Đại học Kinh tế TP. HCM		11/2022-11/2023	40,000,000	
15.	Liên kết trí tuệ nhân tạo và khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng: Vai trò trung gian của năng lực động và điều tiết của đổi mới mở (Linking artificial intelligence and supply chain resilience: roles of dynamic capabilities mediator and open innovation moderator)	TS. Lê Thanh Tiệp TS. Abhishek Behl - Viện Phát triển Quản lý, Ấn Độ		11/2022-11/2023	100,000,000	
16.	Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và lợi thế cạnh tranh của Việt Nam (US-China trade war and competitive advantage of Vietnam)	TS. Lê Thanh Tiệp - TS. A.S. Bablu Kumar Dhar, Đại học Mahidol, Thái Lan - TS. A.S. Tina Coffelt, Đại học tiểu bang Iowa, Mỹ - TS. A.S. Jakhongir Shaturaev, Đại học Kinh tế Bang Tashkent, Tashkent, Uzbekistan		11/2022-11/2023	50,000,000	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
17.	Nghiên cứu vai trò của các thành viên trong cộng đồng đối với việc phát triển động lực học tiếng Anh của học sinh phổ thông (Tên tiếng Anh: Examining the role of significant others in Vietnamese high school EFL students' motivational constructions)	TS. Phạm Huy Cường		3/2023-3/2024	40,000,000	
18.	Hướng theo sự nghiệp nghiên cứu khoa học hay tập trung cho gia đình: Tính chủ thể của giảng viên nữ trong việc tham gia nghiên cứu khoa học (Follow your research career or choose your family : Female language teachers' agency in their research engagement)	TS. Phạm Huy Cường		3/2023-3/2024	40,000,000	
19.	Tác động của Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP) đến ngành thủy sản Việt Nam	ThS. Trần Thị Ngọc Thanh TS. Trần Trung Kiên		3/2023-3/2024	20,000,000	
20.	Mô hình đào tạo kết hợp tại các trường đại học tư thục Việt Nam khu vực Thành phố Hồ Chí Minh	ThS. Tăng Mỹ Sang ThS. Tăng Mỹ Hà (Đồng chủ nhiệm)		3/2023-3/2024	30,000,000	
21.	Thực trạng về quản lý rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	ThS. Tăng Mỹ Sang ThS. Trần Minh Tú ThS. Lâm Đăng Xuân Hoa		3/2023-3/2024	20,000,000	
22.	Giải pháp giúp gia tăng hiệu quả học tập cho sinh viên trong thời đại công nghệ 4.0	ThS. Tăng Mỹ Sang ThS. Tăng Mỹ Hà (Đồng chủ nhiệm)		3/2023-3/2024	30,000,000	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
23.	Tìm hiểu việc sử dụng chiến lược học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên tại một trường Đại học ở Việt Nam.	TS. Dương Mỹ Thắm		5/2023-5/2024	40,000,000	
24.	Tác động của việc áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với thái độ học tiếng Anh của sinh viên đại học (The washback of the language proficiency benchmark for graduation on EFL students' sttitudes toward learning English)	TS. Phạm Huy Cường		5/2023-5/2024	40,000,000	
25.	Bảo đảm công bằng xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam	TS. Trần Quốc Hoàn		5/2023-5/2024	30,000,000	
26.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến Moodle (Moodle LMS) của sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên lý thuyết kết nối	TS. Trần Thị Thảo TS. Trần Thị Chử		5/2023-5/2024	15,000,000	
27.	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ô tô điện của người dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	TS. Phạm Thị Trang PGS. TS. Ngô Cao Cường TS. Lê Duy Phúc		5/2023-5/2024	12,000,000	
28.	PR cộng đồng quảng bá thương hiệu UEF đến khách hàng tiềm năng từ ngành quan hệ công chúng - truyền thông và tâm lý học	ThS. Đinh Thị Vũ Trinh		5/2023-5/2024	10,000,000	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
29.	Phân tích mức độ hiệu quả của thị trường chứng khoán Châu Á trong và ngoài giai đoạn khủng hoảng tài chính	TS. Nguyễn Tiến Trung Hao-Wen Chang Yi-Chein Chiang - Đại học Feng Chia, Đài Loan Mei-Chu Ke - Đại học Công nghệ Quốc gia Chin-Yi, Đài Loan; Ming-Hui Wang- Đại học Kinh doanh Quốc gia Đài Bắc, Đài Loan		5/2023-5/2024	10,000,000	
30.	Ảnh hưởng của thực đơn nhà hàng trực tuyến đến ý định mua hàng của người tiêu dùng: Bằng chứng từ một nền kinh tế mới nổi (The Effects of Online Restaurant Menus on Consumer Purchase Intention: Evidence from an Emerging Economy)	TS. Lê Thanh Tiệp - Bùi Thị Tuyết Như- Đại học Kinh tế TP.HCM - Lê Anh Thư, Đại học Kinh tế TP.HCM. - Đặng Thị Kim Ngân, Đại học Kinh tế TP.HCM. - Trịnh Thị Thái Ninh, Đại học Kinh tế TP.HCM - Nguyễn Lan Anh, Đại học Kinh tế TP.HCM		5/2023-5/2024	80,000,000	

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Kinh tế – Tài TP.HCM	28/08/2018 - 01/09/2018	ĐBCL về chiến lược: 3,81 ĐBCL về hệ thống: 3,53 ĐBCL về thực hiện chức năng: 3,76 Kết quả hoạt động: 3,63	10/NQ-HĐKĐCLGD, 11/12/2018	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	02/01/2019	02/01/2024

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
2	Ngành Tài chính - Ngân hàng	24/12/2019 - 26/12/2019	Mức trung bình: 4,00 Số tiêu chí đạt: 46 Tỷ lệ: 92%	13/NQ-HĐKĐCLGD, 18/03/2020	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	27/04/2020	27/04/2025
3	Ngành Quản trị kinh doanh	23/10/2020 - 27/10/2020	Mức trung bình: 4,02 Số tiêu chí đạt: 46 Tỷ lệ: 92%	20/NQ-HĐKĐCLV, 17/01/2021	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	26/02/2021	26/02/2026
4	Ngành Ngôn ngữ Anh	23/10/2020 - 27/10/2020	Mức trung bình: 4,00 Số tiêu chí đạt: 44 Tỷ lệ: 88%	21/NQ-HĐKĐCLV, 17/01/2021	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	26/02/2021	26/02/2026
5	Ngành Kế toán	19/03/2021 - 23/03/2021	Mức trung bình: 4,02 Số tiêu chí đạt: 45 Tỷ lệ: 90%	44/NQ-HĐKĐCLV, 17/04/2021	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	26/05/2021	26/05/2026
6	Ngành Luật kinh tế	19/03/2021 - 23/03/2021	Mức trung bình: 4,00 Số tiêu chí đạt: 45 Tỷ lệ: 90%	45/NQ-HĐKĐCLV, 17/04/2021	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	26/05/2021	26/05/2026
7	Ngành Công nghệ thông tin	11/05/2021 - 14/05/2021	Mức trung bình: 4,16 Số tiêu chí đạt: 47 Tỷ lệ: 94%	15/NQ-HĐKĐCLGD, 17/02/2022	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	04/04/2022	04/04/2027
8	Ngành Marketing	11/05/2021 - 14/05/2021	Mức trung bình: 4,10 Số tiêu chí đạt: 46 Tỷ lệ: 92%	16/NQ-HĐKĐCLGD, 17/02/2022	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	04/04/2022	04/04/2027
9	Ngành Quản trị nhân lực	21/01/2022 - 25/01/2022	Mức trung bình: 3,96 Số tiêu chí đạt: 45 Tỷ lệ: 90%	85/NQ-HĐKĐCLV, 19/03/2022	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	24/04/2022	24/04/2027
10	Ngành Quan hệ công chúng	21/01/2022 - 25/01/2022	Mức trung bình: 4,02 Số tiêu chí đạt: 47 Tỷ lệ: 94%	86/NQ-HĐKĐCLV, 19/03/2022	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	24/04/2022	24/04/2027
11	Ngành Kinh doanh quốc tế	21/01/2022 - 25/01/2022	Mức trung bình: 3,98 Số tiêu chí đạt: 46 Tỷ lệ: 92%	87/NQ-HĐKĐCLV, 19/03/2022	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	24/04/2022	24/04/2027

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
12	Ngành Quản trị khách sạn	21/01/2022 - 25/01/2022	Mức trung bình: 3.98 Số tiêu chí đạt: 45 Tỷ lệ: 90%	88/NQ-HĐKĐCLV, 19/03/2022	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	24/04/2022	24/04/2027
13	Ngành Thương mại điện tử	06/09/2022- 09/09/2022	Mức trung bình: 4.06 Số tiêu chí đạt: 47 Tỷ lệ: 94%	56/NQ-HĐKĐCLGD, 24/11/2022	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	03/01/2023	03/01/2028
14	Ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	06/09/2022- 09/09/2022	Mức trung bình: 4.06 Số tiêu chí đạt: 47 Tỷ lệ: 94%	57/NQ-HĐKĐCLGD, 24/11/2022	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	03/01/2023	03/01/2028
15	Ngành Luật quốc tế	06/09/2022- 09/09/2022	Mức trung bình: 4.04 Số tiêu chí đạt: 47 Tỷ lệ: 94%	58/NQ-HĐKĐCLGD, 24/11/2022	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	03/01/2023	03/01/2028
16	Ngành Ngôn ngữ Nhật	26/12/2022- 29/12/2022	Mức trung bình: 4.04 Số tiêu chí đạt: 47 Tỷ lệ: 94%	22/NQ-HĐKĐCLGD, 13/03/2023	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	17/04/2023	17/04/2028
17	Ngành Quan hệ quốc tế	26/12/2022- 29/12/2022	Mức trung bình: 4.06 Số tiêu chí đạt: 48 Tỷ lệ: 96%	23/NQ-HĐKĐCLGD, 13/03/2023	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	17/04/2023	17/04/2028
18	Ngành Quản trị kinh doanh – Thạc sĩ	26/12/2022- 29/12/2022	Mức trung bình: 4.04 Số tiêu chí đạt: 46 Tỷ lệ: 92%	21/NQ-HĐKĐCLGD, 13/03/2023	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	17/04/2023	17/04/2028

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Giang